



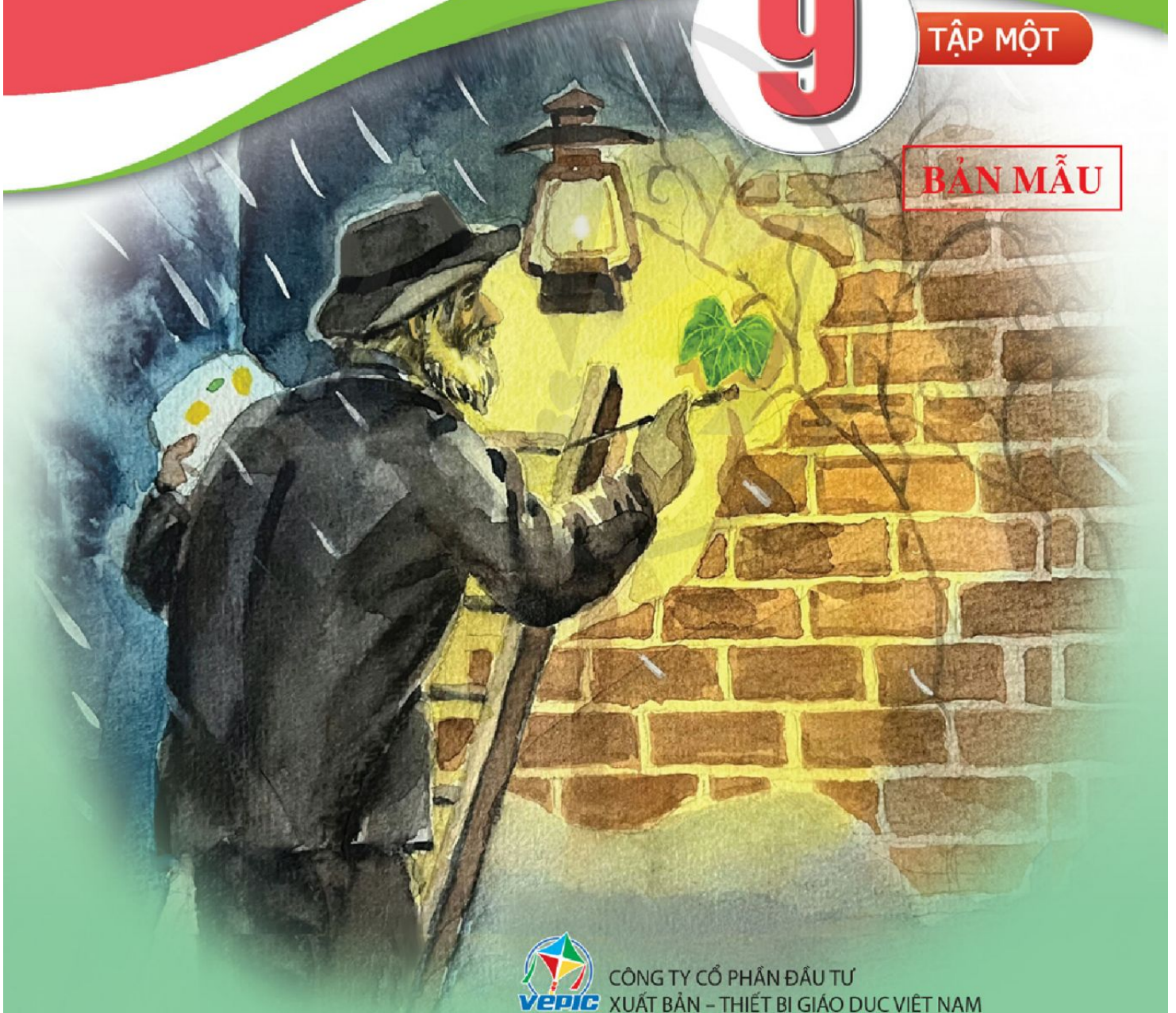
NGUYỄN MINH THUYẾT (Tổng Chủ biên) – ĐỖ NGỌC THỐNG (Chủ biên)
ĐỖ THU HÀ – PHẠM THỊ THU HƯƠNG – NGUYỄN VĂN LỘC – VŨ THANH

Ngữ văn

9

TẬP MỘT

BẢN MẪU



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

Đọc bản mới nhất trên hoc10.vn

Bản mẫu góp ý

NGUYỄN MINH THUYẾT (Tổng Chủ biên) – ĐỖ NGỌC THỐNG (Chủ biên)
ĐỖ THU HÀ – PHẠM THỊ THU HƯƠNG
NGUYỄN VĂN LỘC – VŨ THANH

Ngữ văn

9

TẬP MỘT

BẢN MẪU



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XUẤT BẢN - THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM



Các em giữ gìn sách cẩn thận, không viết vào sách để sử dụng được lâu dài.

LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh yêu quý!

Ngữ văn 9 là bộ sách kết thúc bốn năm học Ngữ văn cấp Trung học cơ sở. Với bộ sách này, các em sẽ được học những văn bản mới và một số thể loại văn học khác các lớp trước. Sách cũng có thêm một số nội dung mới về rèn luyện các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe, đáp ứng yêu cầu kết thúc giai đoạn giáo dục cơ bản. Cuối tập hai có nội dung tổng kết kiến thức văn học và tiếng Việt đã học trong toàn cấp Trung học cơ sở.

Tuy có một số nội dung mới như đã nêu, sách *Ngữ văn 9* vẫn tiếp tục thực hiện mục tiêu chung của môn Ngữ văn là mang đến cho các em những hiểu biết phong phú về nội dung và hình thức các loại văn bản; giúp các em biết cách tiếp nhận và tạo lập văn bản; đồng thời, góp phần phát triển một số phẩm chất, năng lực chung để các em có thể tiếp tục học cao hơn hoặc tự tin bước vào cuộc sống.

Để tạo thuận lợi cho việc dạy và học, sách *Ngữ văn 9* vẫn có cấu trúc bài học thống nhất với các lớp trước. Sách có hai tập, gồm *Bài Mở đầu* và 10 bài học chính. Cuối sách có các phần *Ôn tập và tự đánh giá*, *Bảng tra cứu từ ngữ* (Index), *Bảng tra cứu tên riêng nước ngoài*. Cuối tập hai có thêm *Sổ tay hướng dẫn đọc, viết, nói và nghe*; *Bảng tra cứu yếu tố Hán Việt thông dụng*. Cũng như toàn bộ sách *Ngữ văn* (bộ sách Cánh Diều), hệ thống các bài học được sắp xếp theo thể loại và kiểu văn bản.

Mỗi bài học thường tập trung vào một thể loại, một vài bài có kết hợp hai thể loại gần nhau về đặc điểm nghệ thuật và nội dung. Trong mỗi bài học, sách hướng dẫn các em lần lượt tìm hiểu, thực hành, rèn luyện cách đọc, cách viết, cách nói và nghe nhằm phát triển năng lực ngôn ngữ và văn học, đồng thời góp phần giáo dục nhân cách, bồi dưỡng tâm hồn, phát triển phẩm chất,... cho các em.

Cũng như các lớp dưới, khi học ở nhà, các em cần đọc kỹ tất cả các phần, mục trong mỗi bài học; đặc biệt, cần đọc trước văn bản và tìm hiểu, suy nghĩ, trả lời các câu hỏi trong mỗi văn bản; ghi chép lại những gì chưa hiểu, chưa rõ để hỏi thầy cô, bạn bè khi học trên lớp. Sau khi học xong một bài học lớn, các em hãy thực hiện các yêu cầu ở phần *Tự đánh giá*.

Sách giáo khoa rất quan trọng nhưng kết quả học tập sẽ do chính các em quyết định. Bởi vì kết quả đó phần lớn phụ thuộc vào sự chăm chỉ, đam mê và tính ham học hỏi của mỗi người.

Thay mặt Nhóm biên soạn
NGUYỄN MINH THUYẾT
ĐỖ NGỌC THỐNG

BÀI MỞ ĐẦU

(NỘI DUNG VÀ CẤU TRÚC SÁCH NGỮ VĂN 9)

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Bài học này giúp các em có được một số thông tin về:

- Những nội dung chính của sách *Ngữ văn 9*.
- Cấu trúc của sách và các bài học trong sách *Ngữ văn 9*.
- Cách sử dụng sách *Ngữ văn 9*.

NỘI DUNG SÁCH NGỮ VĂN 9

I. HỌC ĐỌC

1. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN TRUYỆN

Sách *Ngữ văn 9* tập trung dạy cách đọc văn bản truyện thông qua một số tác phẩm tiêu biểu.

Truyện thơ Nôm có các văn bản⁽¹⁾ *Cảnh ngày xuân*, *Kiều ở lầu Ngưng Bích* trích từ *Truyện Kiều* của Nguyễn Du; *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga*, *Lục Vân Tiên gặp nạn* trích từ *Truyện Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu.

Truyện ngắn gồm: *Làng* (Kim Lân), *Ông lão bên chiếc cầu* (Ơ-nít Hê-minh-uê (Ernest Hemingway)), *Chiếc lược ngà* (Nguyễn Quang Sáng), *Chiếc lá cuối cùng* (O. Hen-ri (O. Henry)), *Những con cá cờ* (Trần Đức Tiến), *Người thứ bảy* (Mu-ra-ka-mi (Murakami)), *Chị tôi* (Nguyễn Thị Thu Huệ).

Truyện truyền kì có *Chuyện người con gái Nam Xương* (Nguyễn Dữ), *Dế chọi* (Bồ Tùng Linh).

Truyện trinh thám gồm các đoạn trích *Vụ cải trang bất thành* (trích *Sơ-lóc Hô-m (Sherlock Holmes)* của A-thơ Cô-nan Đoi-lơ (Arthur Conan Doyle)), *Gói thuốc lá* (Thế Lữ).

(1) Các văn bản ở đây được xếp theo thứ tự học trong sách giáo khoa.

Khi đọc văn bản truyện nói chung, các em cần chú ý ngoài các yêu cầu chung về đọc truyện như: kể lại được cốt truyện, nhận biết được đề tài, nhân vật, các chi tiết tiêu biểu,...; nêu được nội dung chính của văn bản; nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc;... các em cần bước đầu nhận biết đặc điểm của một số thể loại mới được học ở sách *Ngữ văn 9*. Cụ thể:

– Truyện thơ Nôm: những câu chuyện có đầy đủ các yếu tố của truyện nhưng được kể bằng thơ, chữ Nôm, theo thể lục bát.

– Truyện truyền kì: những câu chuyện mang tính li kì với các yếu tố hoang đường nhưng hàm chứa nhiều yếu tố hiện thực xã hội thời phong kiến.

– Truyện trinh thám: những câu chuyện phiêu lưu, chuyện kể về các vụ việc điều tra, phá án. Ở đó, các thám tử, điều tra viên khám phá những bí mật còn đang ẩn sâu trong bóng tối với nhiều tình tiết hấp dẫn.

2. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN THƠ

Các văn bản thơ được học tập trung ở Bài 1 và Bài 7 với các tiểu loại sau:

Thơ song thất lục bát gồm: *Khóc Dương Khuê* (Nguyễn Khuyến), *Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ* (trích *Chinh phụ ngâm*⁽¹⁾ – Đặng Trần Côn) và *Cảnh vui của nhà nghèo* (Tản Đà).

Thơ Đường luật có *Sông núi nước Nam* (*Nam quốc sơn hà* – khuyết danh), *Phò giá về kinh* (*Tụng giá hoàn kinh sư* – Trần Quang Khải).

Thơ tám chữ gồm: *Quê hương* (Tế Hanh), *Chiều xuân* (Anh Thơ).

Thơ tự do có *Bếp lửa* (Bằng Việt), *Nhật kí đô thị hoá* (Mai Văn Phấn), *Nói với con* (Y Phương).

Ngoài các yêu cầu chung về đọc thơ như: nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thông qua những nét độc đáo của bài thơ (bố cục, từ ngữ, hình ảnh, mạch cảm xúc, các biện pháp tu từ,...), khi đọc hiểu văn bản thơ trong sách *Ngữ văn 9*, các em cần chú ý:

– Nhận biết và phân tích được tác dụng của một số thủ pháp nghệ thuật chính trong thơ tám chữ và thơ tự do.

– Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thể song thất lục bát và thể tứ tuyệt Đường luật như: bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối,...

3. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN BI KỊCH

Về thể loại **bi kịch**, cùng với văn bản *Sống, hay không sống?* (trích *Ham-lét* (*Hamlet*) của Sếch-xpia (Shakespeare)) là văn bản *Đình công và nổi dậy* (trích *Kim tiền* – Vi Huyền Đắc).

(1) *Chinh phụ ngâm*: khúc ngâm của người vợ có chồng ra trận.

Khi đọc văn bản bi kịch, ngoài các yêu cầu chung: nhận biết được đề tài và kể lại được cốt truyện; phân biệt được cách trình bày trong văn bản kịch: nhân vật, lời thoại, các chỉ dẫn sân khấu;... các em cần chú ý:

– Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm của bi kịch: cốt truyện, nhân vật, kiểu xung đột, hành động, lời thoại,...

– Nhận biết được mục đích, nội dung và ý nghĩa của văn bản bi kịch mà tác giả muốn hướng tới. Liên hệ và rút ra bài học cho cá nhân người đọc.



- a) Sách *Ngữ văn 9* hướng dẫn các em đọc hiểu những thể loại văn học nào? So với sách *Ngữ văn* các lớp 6, 7 và 8, sách *Ngữ văn 9* có thêm thể loại nào mới?
- b) Nội dung hướng dẫn cách đọc các thể loại có điểm gì chung?

4. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN NGHỊ LUẬN

Văn bản nghị luận xã hội tập trung vào đề tài tự học và vai trò của sách, gồm các văn bản: *Bàn về đọc sách* (Chu Quang Tiềm), *Khoa học muôn năm!* (Mác-xim Go-rơ-ki (Maxim Gorky)), *Mục đích của việc học* (Nguyễn Cảnh Toàn) và *Phải đọc sách cách nào?* (Nguyễn Duy Cần).

Văn bản nghị luận văn học gồm một số bài phân tích tác phẩm văn học gắn với các văn bản truyện và thơ đã học ở sách *Ngữ văn 9*. Đó là các văn bản *Nói thêm về “Chuyện người con gái Nam Xương”* (Nguyễn Đình Chú), *Phân tích bài “Khóc Dương Khuê”* (Hoàng Hữu Yên), *Về truyện ngắn “Làng” của Kim Lân* (Nguyễn Văn Long), *Hình ảnh con thuyền, người dân chài trong bài thơ “Quê hương”* (Lê Huy Bắc).

Khi đọc văn bản nghị luận, ngoài các yêu cầu chung như: nhận biết được luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu và mối liên hệ của chúng trong văn bản; phân biệt được lí lẽ, bằng chứng khách quan với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết; liên hệ được nội dung nêu trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại;... các em cần chú ý:

– Phân biệt được cách trình bày vấn đề khách quan (chỉ đưa thông tin) và cách trình bày chủ quan (thể hiện tình cảm, quan điểm của người viết).

– Biết nhận xét, đánh giá tính chất đúng – sai của vấn đề hoặc quan điểm được nêu trong văn bản.

– Nhận biết được các yếu tố nội dung và hình thức của tác phẩm văn học được phân tích, đánh giá trong văn bản nghị luận văn học.

5. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN THÔNG TIN

Sách *Ngữ văn 9* được học ở Bài 3 và Bài 8 về văn bản thông tin. Trong đó, Bài 3 tập trung vào văn bản giới thiệu một danh lam thắng cảnh; Bài 8 giới thiệu một di tích lịch sử và một bài phỏng vấn về di sản văn hoá.

Văn bản thông tin giới thiệu một danh lam thắng cảnh gồm có: *Vịnh Hạ Long: một kì quan thiên nhiên độc đáo và tuyệt mỹ* (Thi Sánh), *Khám phá kì quan thế giới: thác I-goaz-u (Iguazu)* (Đỗ Doãn Hoàng), *Vườn quốc gia Tràm Chim – Tam Nông* (dulichviet.net) và văn bản *Cao nguyên đá Đồng Văn* (Luyến Nguyễn).

Văn bản thông tin giới thiệu một di tích lịch sử gồm: *Quần thể di tích Cố đô Huế* (khamphahue.com.vn), *Đền tháp văn nghệ yên* (Quỳnh Trang), *Di tích lịch sử Địa đạo Củ Chi*⁽¹⁾ (special.vietnamplus.vn) và bài phỏng vấn *Cùng nhà văn Tô Hoài ngắm phố phường Hà Nội* (Trần Đăng Khoa).

Khi đọc văn bản thông tin, ngoài các yêu cầu chung như: nhận biết và hiểu được tác dụng của các yếu tố hình thức (sa pô, đề mục, kiểu chữ,...); phân tích được thông tin cơ bản của văn bản; nhận biết và phân tích được tác dụng của cách trình bày thông tin; đánh giá được hiệu quả biểu đạt của các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ trong văn bản;... các em cần chú ý:

- Giải thích được ý nghĩa của nhan đề trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.
- Nhận biết và phân tích được đặc điểm của văn bản giới thiệu một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử, bài phỏng vấn; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.
- Liên hệ được nội dung nêu trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại.



a) Các văn bản nghị luận được học ở sách *Ngữ văn 9* gồm những văn bản nào? Những lưu ý chung và lưu ý riêng khi đọc hiểu văn bản nghị luận ở sách *Ngữ văn 9* là gì?

b) Các văn bản thông tin được học ở sách *Ngữ văn 9* gồm những văn bản nào? Cách đọc hiểu văn bản thông tin có những điểm gì cần lưu ý?

(1) *Địa đạo Củ Chi*: một hệ thống giao thông và phòng thủ trong lòng đất thời chống Mỹ cứu nước ở huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. RÈN LUYỆN TIẾNG VIỆT

Phần *Thực hành tiếng Việt* gồm bốn nội dung lớn sau đây:

Nội dung lớn	Nội dung cụ thể
1. Từ ngữ	<ul style="list-style-type: none">– Sự khác biệt về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn.– Điển cố, điển tích.– Nghĩa và cách dùng tên viết tắt của các tổ chức quốc tế.
2. Ngữ pháp	<ul style="list-style-type: none">– Biến đổi và mở rộng cấu trúc câu: đặc điểm và tác dụng.– Lựa chọn câu đơn, câu ghép; các kiểu câu ghép; cách nối các vế câu ghép.– Câu rút gọn và câu đặc biệt: đặc điểm và chức năng.
3. Hoạt động giao tiếp	<ul style="list-style-type: none">– Biện pháp tu từ chơi chữ, điệp thanh và điệp vần: đặc điểm và tác dụng.– Sự khác nhau giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp; cách dùng dấu câu khi dẫn trực tiếp và gián tiếp.– Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu, biểu đồ,...– Một số lưu ý về tham khảo, trích dẫn tài liệu để tránh đạo văn.
4. Sự phát triển của ngôn ngữ	<ul style="list-style-type: none">– Sự phát triển của ngôn ngữ: từ ngữ mới và nghĩa mới.– Một số hiểu biết sơ giản về chữ viết tiếng Việt: chữ Nôm và chữ Quốc ngữ.

Cũng như các lớp dưới, toàn bộ các kiến thức nêu trên được học thông qua các bài đọc hiểu và các loại bài tập như sau:

– Bài tập nhận biết các hiện tượng và đơn vị tiếng Việt, ví dụ: bài tập nhận biết các biện pháp tu từ điệp thanh, điệp vần.

– Bài tập phân tích tác dụng của các hiện tượng và đơn vị tiếng Việt, ví dụ: bài tập phân tích tác dụng của biện pháp tu từ chơi chữ trong tác phẩm văn học và đời sống,...

– Bài tập tạo lập đơn vị tiếng Việt, ví dụ: viết các đoạn văn sử dụng cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp.



a) Bốn nội dung lớn về tiếng Việt trong sách *Ngữ văn 9* là gì?

b) Hệ thống bài tập tiếng Việt trong sách *Ngữ văn 9* có những loại cơ bản nào?

II. HỌC VIẾT

Sách *Ngữ văn 9* tiếp tục hướng dẫn các em rèn luyện kỹ năng viết văn bản theo bốn bước: chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý, viết, kiểm tra và chỉnh sửa. Về yêu cầu tìm ý và lập dàn ý, ngoài cách đặt câu hỏi, sách còn giới thiệu một số cách tìm ý khác như tìm ý bằng suy luận từ khái quát đến cụ thể,... Ngoài ra, sách còn bổ sung vào mỗi bài một nội dung rèn luyện kỹ năng cụ thể như: biểu cảm trực tiếp và biểu cảm gián tiếp; miêu tả và tự sự trong văn thuyết minh; thao tác chứng minh và bác bỏ; kết hợp kể, miêu tả và biểu cảm trong bài tự sự;... Yêu cầu cần đạt về kỹ năng viết từng kiểu văn bản trong sách như sau:

Kiểu văn bản	Yêu cầu cần đạt
TỰ SỰ	Viết được một truyện kể sáng tạo, có thể mô phỏng một truyện đã đọc; sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong truyện.
BIỂU CẢM	Bước đầu biết làm một bài thơ tám chữ. Viết được đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ.
NGHỊ LUẬN	<ul style="list-style-type: none">Viết được văn bản nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục.Viết được văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: phân tích nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả thẩm mỹ của nó.
THUYẾT MINH	Viết được văn bản thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử, có sử dụng các sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh minh họa.
NHẬT DỤNG	Viết được văn bản quảng cáo hoặc tờ rơi về một sản phẩm hay một hoạt động, sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ.



- Sách *Ngữ văn 9* rèn luyện cho các em viết những kiểu văn bản nào? Yêu cầu cụ thể đối với mỗi kiểu văn bản là gì?
- Những yêu cầu về nội dung viết mỗi kiểu văn bản có gì giống và khác so với sách *Ngữ văn 8*?

III. HỌC NÓI VÀ NGHE

Sách *Ngữ văn 9* tiếp tục hướng dẫn các em rèn luyện kỹ năng nói và nghe với các yêu cầu cần đạt sau:

Kĩ năng	Yêu cầu cần đạt
Nói	<ul style="list-style-type: none">• Kể được một câu chuyện tưởng tượng (có bối cảnh, nhân vật, cốt truyện,...).• Biết trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự.• Thuyết minh được về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử, có sử dụng các sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh minh họa.
Nghe	Nghe và nhận biết được tính thuyết phục của một ý kiến; chỉ ra được những hạn chế (nếu có) như lập luận thiếu lô gích, bằng chứng chưa đủ hay không liên quan đến luận điểm,...
Nói nghe tương tác	<ul style="list-style-type: none">• Biết thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi và những điều cần tránh trong quảng cáo.• Thực hiện được một cuộc phỏng vấn ngắn, xác định được mục đích, nội dung và cách thức phỏng vấn.

Yêu cầu chính của phần *Nói và nghe* là thực hành. Để thực hành nói và nghe toàn diện và có hiệu quả, sách chú ý cả ba yếu tố: nội dung, kỹ thuật và thái độ, tình cảm khi nói – nghe.



- Các nội dung rèn luyện kỹ năng nói và nghe là gì?
- Nội dung cụ thể về rèn luyện kỹ năng nói và nghe trong sách *Ngữ văn 9* có điểm nào khác so với sách *Ngữ văn 8*?

CẤU TRÚC CỦA SÁCH NGỮ VĂN 9

Ngoài *Bài Mở đầu*, sách có 10 bài học chính. Bảng dưới đây giới thiệu cấu trúc của một bài học và nhiệm vụ các em cần thực hiện trong bài học.

Các phần của bài học	Nhiệm vụ của học sinh
YÊU CẦU CẦN ĐẠT	<ul style="list-style-type: none"> • Đọc trước khi học để có định hướng đúng. • Đọc sau khi học để tự đánh giá.
KIẾN THỨC NGŨ VĂN	<ul style="list-style-type: none"> • Đọc trước khi học để có kiến thức làm căn cứ thực hành. • Vận dụng trong quá trình thực hành.
ĐỌC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN – Tên văn bản – Chuẩn bị – Đọc hiểu THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU	<ul style="list-style-type: none"> • Tìm hiểu thông tin về thể loại, bối cảnh, tác giả, tác phẩm,... • Đọc trực tiếp văn bản, các câu gợi ý ở bên phải và chú thích ở chân trang. • Trả lời câu hỏi đọc hiểu. • Làm bài tập thực hành tiếng Việt. • Đọc hiểu văn bản tương tự về thể loại và kiểu văn bản đã học.
VIẾT – Định hướng – Thực hành	<ul style="list-style-type: none"> • Đọc và suy nghĩ về định hướng viết. • Làm các bài tập thực hành viết.
NÓI VÀ NGHE – Định hướng – Thực hành	<ul style="list-style-type: none"> • Đọc và suy nghĩ về định hướng nói và nghe. • Làm bài tập thực hành nói và nghe.
TỰ ĐÁNH GIÁ	Tự đánh giá kết quả đọc hiểu và viết thông qua đọc, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, tự luận về một văn bản tương tự các văn bản đã học.
HƯỚNG DẪN TỰ HỌC	<ul style="list-style-type: none"> • Đọc mở rộng theo gợi ý. • Thu thập tư liệu liên quan đến bài học.



- a) Mỗi bài học trong sách *Ngũ văn 9* có những phần chính nào? Những nhiệm vụ mà các em cần làm ở lớp và ở nhà là gì?
- b) Theo em, tại sao cần biết cấu trúc sách trước khi học?

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Xác định và phân tích được một số yếu tố thi luật của thể thơ song thất lục bát như: số dòng, số chữ, vần và nhịp trong một khổ thơ. Thấy được sự khác biệt giữa thơ song thất lục bát với thơ lục bát. Vận dụng được hiểu biết về lịch sử văn học để đọc hiểu văn bản.
- Có một số hiểu biết ban đầu về chữ viết tiếng Việt (chữ Nôm và chữ Quốc ngữ) để vận dụng vào thực tế. Nhận biết được sự khác biệt về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn.
- Viết được bài nghị luận phân tích một tác phẩm thơ.
- Nghe và nhận biết được tính thuyết phục của một ý kiến; chỉ ra được những hạn chế (nếu có) như: lập luận thiếu lô gích, bằng chứng chưa đủ hoặc không liên quan đến luận điểm.
- Tự hào về truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc; trân trọng tình bạn, khát vọng hạnh phúc và tình cảm gia đình.

KIẾN THỨC NGỮ VĂN

1. Một số yếu tố thi luật của thể thơ song thất lục bát

Song thất lục bát là thể thơ kết hợp giữa thơ thất ngôn và thơ lục bát; mỗi khổ gồm bốn dòng thơ: một cặp thất ngôn và một cặp lục bát, tạo thành một kết cấu trọn vẹn về ý cũng như về âm thanh, nhạc điệu.

– gieo vần: Mỗi khổ thơ có một vần trắc và ba vần bằng; câu sáu chỉ có vần chân, ba câu kia vừa có vần chân vừa có vần lưng.

– Ngắt nhịp: Các câu bảy có thể ngắt nhịp 3/4 hoặc 3/2/2 hai câu sáu – tám ngắt theo thể lục bát.

Dưới đây là ví dụ về cách gieo vần (tiếng bắt vần được in đậm; T: vần trắc; B: vần bằng) và ngắt nhịp (chỗ ngắt nhịp đánh dấu /):

[Ai **ch**ẳng biết / chán **đ**ời là **ph**ải,

T B T

Sao **v**ội vàng / đã **m**ải lên **ti**ên.

B T B

Rượu ngon / không có bạn **hiên**,

B T B

Không mua không phải / không **tiền** không **mua**.]

B T B B

[Câu thơ nghĩ / đấn **đo** không **viết**,

T B T

Viết đưa ai / ai **biết** mà đưa.]

B T B

(Nguyễn Khuyến)

Như vậy, mỗi khổ thơ có một vần trắc và ba vần bằng; dòng sáu chỉ có vần chân; ba dòng còn lại vừa có vần chân vừa có vần lưng.

Thể thơ lục bát với sự tiếp nối liên tục của câu lục và câu bát ngoài việc tạo nên những bài thơ vừa và ngắn, còn có khả năng kể những câu chuyện dài, bao quát một khoảng thời gian và không gian rộng lớn với nhiều sự kiện, nhân vật (như trong *Truyện Kiều*, *Truyện Lục Vân Tiên*). Thể song thất lục bát lại là sự kết hợp giữa câu song thất kể sự việc và câu lục bát thiên về cảm thán, giải bày. Tác phẩm viết theo thể thơ này thường chỉ có một nhân vật trữ tình trong khung cảnh thời gian và không gian hạn hẹp (như người chinh phụ chốn phòng the trong *Chinh phụ ngâm* hay Nguyễn Khuyến với nỗi cô đơn khi nhớ về người bạn đã mất trong bài *Khóc Dương Khuê*,...). Thể song thất lục bát thiên về việc diễn tả đời sống nội tâm nhân vật với cảm hứng trữ tình bi thương, có khả năng biểu lộ một cách tinh tế những dòng suy cảm dồn nén với tâm trạng nhớ tiếc và mong đợi. Đây là thể thơ kết hợp được nhiều phẩm chất thẩm mỹ của tiếng Việt, dỗi dào nhạc điệu, trong đó nổi bật ở âm điệu buồn thương triền miên, phù hợp để ngâm ngợi.

Lục bát và song thất lục bát đều là những thể thơ dân tộc xuất phát từ văn học dân gian và được phát triển đến đỉnh cao nghệ thuật trong văn học viết.

2. Một số hiểu biết về chữ Nôm và chữ Quốc ngữ

Do bị phong kiến Trung Hoa đô hộ ngay từ trước Công nguyên với chính sách đồng hoá rất khốc liệt, suốt hàng nghìn năm Việt Nam phải dùng chữ Hán làm chữ viết chính thức trong giao dịch hành chính và giáo dục. Trong hoàn cảnh ấy, người Việt Nam đã liên tục đứng lên đấu tranh giành quyền độc lập không chỉ về chính trị, kinh tế mà cả về văn hoá. Chữ Nôm là chữ viết cổ của tiếng Việt, ra đời trong bối cảnh đó. Theo kết quả nghiên cứu của các nhà ngôn ngữ học, chữ Nôm manh nha ở Việt Nam vào khoảng từ thế kỉ VIII đến thế kỉ IX, hình thành và hoàn thiện vào khoảng từ cuối thế kỉ X đến thế kỉ XII. Về cách cấu tạo, chữ Nôm gồm một số chữ mượn y nguyên chữ Hán nhưng phần lớn là những chữ do người Việt tạo ra trên cơ sở chữ Hán. Chữ Nôm còn nhiều hạn chế (mà hạn chế lớn nhất là khó học vì phải biết chữ Hán mới học được) nhưng được coi là một thành tựu quan trọng về ngôn ngữ – văn hoá, thể hiện ý chí độc lập, tự chủ, tự cường của dân tộc. Được dùng làm công cụ ghi lại những tác

phẩm nổi tiếng của văn học cổ Việt Nam như: *Quốc âm thi tập* (Nguyễn Trãi), *Hồng Đức Quốc âm thi tập* (Lê Thánh Tông và Hội Tao Đàn), *Truyện Kiều* (Nguyễn Du), thơ Hồ Xuân Hương,..., chữ Nôm có những đóng góp quan trọng vào việc xây dựng, phát triển nền văn học dân tộc.

Chữ Quốc ngữ là chữ viết ghi âm của tiếng Việt được các nhà truyền giáo, với sự hỗ trợ của nhiều người Việt Nam, chế tác từ thế kỉ XVII dựa trên hệ chữ cái La-tinh (Latin). Sau đó, chữ Quốc ngữ được tu chỉnh qua nhiều giai đoạn, được người Việt tích cực tiếp nhận, truyền bá rộng rãi để đạt đến sự hoàn thiện, ổn định và vị thế như hiện nay. Chữ Quốc ngữ còn một số hạn chế như: a) Dùng nhiều chữ cái khác nhau để biểu thị một âm. Ví dụ, âm /k/ được biểu thị bằng ba chữ cái *c, k, q*; b) Dùng một chữ cái để biểu thị nhiều âm khác nhau. Ví dụ, dùng chữ *a* vừa để ghi âm /a/ (*ta, tai,...*), vừa để ghi âm /ă/ (*cau, tay,...*); c) Dùng nhiều dấu phụ (như ở các chữ *ă, â, ô, ơ,...*) hoặc ghép nhiều chữ cái để biểu thị một âm (như ở các chữ *ch, kh, ng,...*). Mặc dù còn một số hạn chế như đã chỉ ra nhưng về cơ bản, chữ Quốc ngữ có nhiều ưu điểm mà ưu điểm nổi bật là đơn giản, dễ học. Bằng chứng là trong phong trào Bình dân học vụ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 nhằm xoá nạn mù chữ, diệt “giặc dốt”, nhờ chữ Quốc ngữ dễ học mà chỉ sau ba tháng, nhiều người dân thất học đã biết đọc, biết viết.

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN



Sông núi nước Nam

(*Nam quốc sơn hà*)

KHUYẾT DANH^(*)

1 Chuẩn bị

– Xem lại các kiến thức về thơ Đường luật đã học ở sách giáo khoa *Ngữ văn 8*, tập hai.

(*) Bài thơ hiện chưa rõ tác giả, được chép trong sách *Lĩnh Nam chích quái* (Lựa chọn những chuyện quái lạ ở Lĩnh Nam, cuối thế kỉ XIV), ghi việc Lê Đại Hành năm 981 trong cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược đã được hai vị thần sông Như Nguyệt (sông Cầu) là hai anh hùng dân tộc Trương Hồng, Trương Hát hiển linh phù trợ, ngâm bài thơ giữa không trung khiến quân giặc tan vỡ. Sách *Việt điện u linh tập* (Tập truyện về cõi u linh của đất Việt, 1329), sau này được Đại Việt sử kí toàn thư chép lại, ghi việc Lý Thường Kiệt năm 1076 khi lập phòng tuyến trên sông Như Nguyệt chống lại quân Tống, một đêm quân sĩ nghe thấy trong đền tiếng thần ngâm thơ. Quả nhiên quân Tống thảm bại đúng như lời bài thơ. Người xưa gọi đây là *Thơ thần*. Bài thơ vốn không có nhan đề, thời hiện đại một số sách ghi tên tác giả là Lý Thường Kiệt và đặt tên bài thơ là *Nam quốc sơn hà*.

– Đọc trước văn bản *Sông núi nước Nam* và tìm hiểu bối cảnh ra đời của bài thơ. Bài thơ *Sông núi nước Nam* được coi là “bản Tuyên ngôn Độc lập đầu tiên” của dân tộc.

2 Đọc hiểu

Phiên âm:

Nam quốc⁽¹⁾ sơn hà Nam đế⁽²⁾ cư⁽³⁾,
Tiệt nhiên định phận⁽⁴⁾ tại thiên thư⁽⁵⁾.
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm,
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư⁽⁶⁾.

Dịch nghĩa:

Sông núi nước Nam, vua nước Nam ở,
Tại sách trời đã định phận rạch ròi.
Có sao lũ giặc ngạo ngược dám đến xâm phạm,
Chúng bay sẽ nhìn thấy việc chuốc lấy bại vong.

Dịch thơ:

*Sông núi nước Nam vua Nam ở
Rành rành định phận tại sách trời
Có sao lũ giặc đến xâm phạm
Chúng bay sẽ bị đánh tơi bời!*

Chú ý yếu tố khẳng định chủ quyền trong một “bản Tuyên ngôn Độc lập”. (*)

(Theo *Lịch sử Việt Nam*, tập 2,
NXB(**) Khoa học xã hội, Hà Nội, 2013)

(*) Các câu gợi ý ở bên phải văn bản chỉ để học sinh theo dõi thêm về nội dung, nghệ thuật,... trong khi đọc, không cần trả lời.

(**) NXB: viết tắt của từ Nhà xuất bản.

(1) *Nam quốc*: nước Nam, chỉ nước ta khi đó, để phân biệt với Bắc quốc (Trung Quốc).

(2) *Nam đế*: hoàng đế, vua nước Nam. Trong chữ Hán còn có chữ *vuong*, chỉ vua chư hầu. *Đế*, tức hoàng đế, là vua của một nước độc lập, ngang hàng với hoàng đế Trung Hoa. Thời trung đại, *đế* là đại diện cho quốc gia, dân tộc.

(3) *Cư*: ở (với nghĩa là làm chủ, độc lập). Một số bản dịch khác dịch là ngự trị, cai quản, gánh vác,... cũng với nghĩa làm chủ.

(4) *Định phận*: địa phận, lãnh thổ đã được phân định rõ ràng.

(5) *Thiên thư*: sách trời, ghi nhận cương vực, lãnh thổ của nước Nam ta đã được trời đất phân định rõ ràng.

(6) *Thủ bại hư*: chuốc lấy, nhận lấy thất bại.



1. Qua các tài liệu đã tìm hiểu, hãy trình bày bối cảnh xuất hiện bài *Sông núi nước Nam* và cho biết: Vì sao bài thơ được gọi là *Thơ thần*?
2. Nêu đặc điểm hình thức thể loại của bài thơ (số chữ, số dòng, niêm, luật và cách hiệp vần ở bản phiên âm bài thơ).
3. Hai dòng thơ đầu khẳng định điều gì? Các từ ngữ “Nam quốc”, “Nam đế”, “tiệt nhiên”, “định phận”, “thiên thu” đóng vai trò gì trong việc khẳng định điều đó?
4. Phân tích hai dòng thơ cuối để làm rõ nội dung (tư tưởng và tình cảm) mà tác giả muốn thể hiện.
5. Theo em, hai dòng thơ đầu và hai dòng thơ cuối có mối liên hệ như thế nào?
6. Em có suy nghĩ gì sau khi học bài *Sông núi nước Nam*? Theo em, nội dung tư tưởng bài thơ có ý nghĩa như thế nào với thế hệ trẻ ngày nay?



Khóc Dương Khuê

NGUYỄN KHUYẾN

1 Chuẩn bị

- Xem lại phần *Kiến thức ngữ văn* để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.^(*)
- Khi đọc hiểu văn bản thơ song thất lục bát, các em cần chú ý:^(**)
 - + Bài thơ bắt đầu bằng câu song thất hay lục bát?
 - + Tìm hiểu chủ đề, bố cục và mối quan hệ giữa các câu thơ trong bài.
 - + Tìm hiểu các biện pháp nghệ thuật được tác giả sử dụng. Chú ý nhịp điệu bài thơ và việc sử dụng từ ngữ để diễn tả tình cảm.
- Đọc trước văn bản *Khóc Dương Khuê*; tìm hiểu thêm thông tin về nhà thơ Nguyễn Khuyến.



Nguyễn Khuyến
(1835 – 1909),
quê ở Hà Nam

(*), (**): Khi đọc hiểu văn bản thơ song thất lục bát khác trong Bài 1, học sinh cần vận dụng các gợi ý ở đây.

Bài *Khúc Dương Khuê* được Nguyễn Khuyến dịch ra chữ Nôm từ bài thơ chữ Hán *Văn đồng niên Vân Đình Tiến sĩ Dương Thượng thư (Viếng bạn đồng niên là Tiến sĩ Thượng thư họ Dương ở Vân Đình)* của chính ông, viết khi Dương Khuê mất.

2 Đọc hiểu

- 1.^(*) Bác Dương thôi đã thôi rồi,
Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta.
Nhớ từ thuở đặng khoa⁽¹⁾ ngày trước,
Vẫn sớm hôm tôi bác cùng nhau;
5. Kính yêu từ trước đến sau,
Trong khi gặp gỡ khác đâu duyên trời⁽²⁾?
Cũng có lúc chơi nơi dậm khách,
Tiếng suối nghe róc rách lưng đèo;
Có khi từng gác cheo leo,
10. Thú vui con hát lựa chiều cầm xoang⁽³⁾.
Cũng có lúc rượu ngon cùng nhấp,
Chén quỳnh tương⁽⁴⁾ ấm áp bầu xuân;
Có khi bàn soạn câu văn,
Biết bao đông bích, điển phần⁽⁵⁾ trước sau.
15. Buổi dương cửu⁽⁶⁾ cùng nhau hoạn nạn,
Phận đầu thặng⁽⁷⁾ chẳng dám than trời;
Bác già, tôi cũng già rồi,
Biết thôi, thôi thế thì thôi mới là!

Chú ý cách sử dụng từ ngữ thể hiện tình cảm của Nguyễn Khuyến.

Nhà thơ nhắc lại những kỉ niệm gì với bạn, theo trình tự nào?

(*) Ở các văn bản, để học sinh tiện theo dõi, người biên soạn sách thường đánh số thứ tự dòng thơ hoặc chia phần các văn bản.

(1) *Đặng khoa*: thi đỗ.

(2) *Duyên trời*: duyên bạn bè gặp gỡ như đã được trời định sẵn.

(3) *Cầm xoang*: chỉ cung đàn và điệu hát trong hát ả đào (còn gọi là ca trù, một loại hình diễn xướng thơ, ca, nhạc, do các đào nương và nhạc công biểu diễn, được các nhà nho xưa rất ưa chuộng).

(4) *Quỳnh tương*: chỉ thứ rượu ngon.

(5) *Đông bích*: vách phía đông, nơi để sách và đọc sách. *Điển phần*: chỉ các sách kinh điển từ thời cổ ở Trung Quốc mà các nhà nho cần đọc.

(6) *Buổi dương cửu*: chữ lấy trong *Kinh dịch*, chỉ thời buổi khó khăn, hoạn nạn.

(7) *Phận đầu thặng*: *đầu* và *thặng* là dụng cụ đóng thóc gạo. Các quan ngày xưa thường nhận lương bằng thóc nên nói *phận đầu thặng* là nói phận người làm quan.

20. Muốn đi lại tuổi già thêm nhác,
 Trước ba năm gặp bác một lần;
 Cầm tay hỏi hết xa gần,
 Mừng rằng bác vẫn tinh thần chưa can⁽¹⁾.
 Kể tuổi tôi còn hơn tuổi bác,
 Tôi lại đau trước bác mấy ngày;
25. Làm sao bác vội về ngay,
 Chợt nghe, tôi bỗng chân tay rụng rời.
 Ai chẳng biết chán đời là phải,
 Sao vội vàng đã mãi lên tiên;
 Rượu ngon không có bạn hiền,
30. Không mua không phải không tiền không mua.
 Câu thơ nghĩ đắn đo không viết,
 Viết đưa ai, ai biết mà đưa;
 Giường kia treo⁽²⁾ cũng hững hờ,
 Đàn kia⁽³⁾ gảy cũng ngán ngơ tiếng đàn.

Nỗi đau mất bạn của tác giả được thể hiện như thế nào?

Chú ý vai trò của các điển cố, điển tích được sử dụng.



(1) Chưa can: chưa hề gì.

(2) Giường treo: Trần Phồn thời Hậu Hán (Trung Quốc) sắm chiếc giường dành riêng cho người bạn thân là Từ Trĩ. Khi bạn đến chơi thì mang giường xuống, khi bạn về thì lại treo cất đi.

(3) Đàn kia: Tương truyền Bá Nha và Chung Tử Kỳ là hai người bạn tri âm, sống vào thời Xuân Thu, Chiến Quốc ở Trung Hoa. Bá Nha chơi đàn giỏi. Tử Kỳ nghe tiếng đàn của Bá Nha mà như hiểu thấu tâm can của bạn. Sau khi Tử Kỳ chết, Bá Nha đập bỏ đàn vì cho rằng trên đời không còn ai hiểu được tiếng đàn của mình nữa.

35. Bác chẳng ở đâu van chẳng ở,
Tôi tuy thương, lấy nhớ làm thương;
Tuổi già hạt lệ như sương,
Hơi đâu ép lấy hai hàng chứa chan!

Nhà thơ đã tự an ủi mình thế nào sau khi bạn mất?

(*Thơ văn Nguyễn Khuyến*, NXB Văn học, Hà Nội, 1971)



1. Chỉ ra đặc điểm của thể thơ song thất lục bát qua bài *Khóc Dương Khuê*.
2. Sự kiện tạo ra nguồn cảm xúc để Nguyễn Khuyến viết bài thơ là gì? Sự kiện ấy chi phối bố cục của bài thơ như thế nào? Cho biết ý chính của mỗi phần theo bố cục đó.
3. Tình cảm của Nguyễn Khuyến được thể hiện như thế nào trong hai dòng thơ đầu khi nghe tin bạn mất?
4. Những kỉ niệm về tình bạn đã được tác giả hồi tưởng như thế nào và theo trình tự nào trong đoạn thơ từ dòng 3 đến dòng 22?
5. Hãy phân tích tâm trạng của nhà thơ được diễn tả trong đoạn thơ từ dòng 23 đến hết.
6. Bài thơ *Khóc Dương Khuê* giúp em có thêm nhận thức gì về tình bạn, tình người trong cuộc sống?

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Một số hiểu biết về chữ Nôm và chữ Quốc ngữ

1. Trong các tác phẩm dưới đây, tác phẩm nào viết bằng chữ Hán, tác phẩm nào viết bằng chữ Nôm, tác phẩm nào viết bằng chữ Quốc ngữ?

Sông núi nước Nam (khuyết danh), *Hịch tướng sĩ* (Trần Quốc Tuấn), *Quốc âm thi tập* (Nguyễn Trãi), *Truyện Kiều* (Nguyễn Du), *Truyện Lục Vân Tiên* (Nguyễn Đình Chiểu), *Tuyên ngôn Độc lập* (Hồ Chí Minh), *Nhật kí trong tù* (Hồ Chí Minh), *Tắt đèn* (Ngô Tất Tố), *Lão Hạc* (Nam Cao), *Dế Mèn phiêu lưu kí* (Tô Hoài).

2. Tìm cách diễn đạt phù hợp ở bên B và giải thích vì sao cách diễn đạt đó phù hợp với mỗi loại tác phẩm nêu ở bên A.

A. Tác phẩm	B. Được dịch hay phiên âm?
a) Tác phẩm viết bằng chữ Hán	1) được phiên âm ra chữ Quốc ngữ
b) Tác phẩm viết bằng chữ Nôm	2) được dịch sang tiếng Việt
	3) được dịch ra chữ Quốc ngữ

3. Hãy tìm thêm một số ví dụ về các trường hợp sau trong chữ Quốc ngữ:

a) Trường hợp dùng nhiều chữ cái khác nhau để ghi cùng một âm. Ví dụ, ghi âm /k/ bằng các chữ *c, k, q,...*

b) Trường hợp dùng một chữ cái để ghi nhiều âm khác nhau. Ví dụ, dùng chữ *a* vừa để ghi âm /a/, vừa để ghi âm /ă/,...

c) Trường hợp ghép nhiều chữ cái để ghi một âm. Ví dụ: *ch, ng, kh,...*

4. Viết một đoạn văn (khoảng 6 – 8 dòng) trình bày suy nghĩ của em về những thuận lợi trong việc học chữ Quốc ngữ và sử dụng chữ Quốc ngữ để viết các tên riêng nước ngoài, các thuật ngữ khoa học có nguồn gốc nước ngoài.

THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU



Phò giá về kinh⁽¹⁾

(Tụng giá hoàn kinh sư)

TRẦN QUANG KHẢI^(*)

1 Chuẩn bị

– Đọc trước văn bản *Phò giá về kinh*; tìm hiểu thêm thông tin về Thượng tướng, Thái sư Trần Quang Khải.

(*) Tác giả Trần Quang Khải (1241 – 1294), quê ở Nam Định.

(1) *Kinh*: tức kinh đô, ở đây chỉ kinh thành Thăng Long. Bài thơ được chép trong *Đại Việt sử kí toàn thư* (Kỉ nhà Trần) vốn không có tên. Nhan đề ở đây do người đời sau đặt.

– Bài thơ *Phò giá về kinh* được Trần Quang Khải viết sau khi hộ giá hai vua Trần (Thái thượng hoàng Trần Thánh Tông và vua Trần Nhân Tông) trở lại Thăng Long (ngày 9-7-1285) sau chiến thắng quân Mông Nguyên lần thứ hai. Đây là tác phẩm tiêu biểu cho hào khí thời Trần. Trước khi đọc phần *Dịch thơ*, các em cần đọc kĩ phần *Dịch nghĩa* để hiểu rõ ý nghĩa của các câu thơ.

2 Đọc hiểu

Phiên âm:

Đoạt sóc Chương Dương⁽¹⁾ độ,
Cầm Hồ⁽²⁾ Hàm Tử⁽³⁾ quan.
Thái bình tu trí lực,
Vạn cổ thử giang san.

Dịch nghĩa:

Cướp giáo giặc ở bên Chương Dương,
Bắt quân Hồ ở cửa Hàm Tử.
Thái bình rồi nên dốc hết sức lực,
Muôn đời vẫn có non sông này.

Dịch thơ:

*Chương Dương cướp giáo giặc,
Hàm Tử bắt quân thù.
Thái bình nên gắng sức,
Non nước ấy ngàn thu.*

(In trong *Việt Nam sử lược*, TRẦN TRỌNG KIM dịch, NXB Tân Việt, Hà Nội, 1951)

Chú ý các chiến thắng lịch sử và việc sử dụng động từ mạnh.



1. Hãy trình bày bối cảnh ra đời văn bản *Phò giá về kinh* của Trần Quang Khải.
2. Xác định đặc điểm thể loại của bài thơ (số chữ, số dòng, niêm, luật và cách hiệp vần ở bản phiên âm bài thơ,...).

(1) *Chương Dương*: bên sông nằm ở hữu ngạn sông Hồng, thuộc huyện Thường Tín, Hà Nội. Chiến thắng Chương Dương diễn ra vào tháng 6 năm Ất Dậu (1285) do Trần Quang Khải chỉ huy.

(2) *Hồ*: cách người phương Bắc dùng để gọi các tộc người thiểu số phía tây và tây bắc Trung Quốc. Thời trung đại, Trung Quốc thường xuyên bị các bộ tộc này xâm lược. Tác giả bài thơ mượn chữ này gọi quân xâm lược Mông – Nguyên để thể hiện sự khinh bỉ kẻ thù.

(3) *Hàm Tử*: một địa điểm ở tả ngạn sông Hồng, thuộc huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Trận Hàm Tử diễn ra vào tháng 4 năm Ất Dậu (1285) do Trần Nhật Duật chỉ huy với sự hỗ trợ đắc lực của Trần Quang Khải.

3. Trình bày nội dung của hai dòng thơ đầu và hai dòng thơ cuối, từ đó cho biết chủ đề của bài thơ.

4. Tìm hiểu cách ngắt nhịp của bài thơ ở bản phiên âm bài thơ. Nhịp điệu của các dòng thơ có tác dụng gì trong việc thể hiện nội dung bài thơ?

5. So sánh bài thơ trên với bài thơ *Sông núi nước Nam* để chỉ ra sự tương đồng về nội dung và hình thức nghệ thuật giữa hai tác phẩm.

6. Bài thơ ra đời từ rất lâu nhưng nội dung vẫn có ý nghĩa với cuộc sống hiện nay như thế nào? Vì sao?



Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ^(*)

(Trích *Chinh phụ ngâm*)

Nguyên tác chữ Hán: ĐẶNG TRẦN CÔN^(**)

Bản diễn Nôm hiện hành: chưa rõ tác giả

1 Chuẩn bị

– Đọc trước văn bản *Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ*, tìm hiểu thêm thông tin về tác giả Đặng Trần Côn và tác phẩm *Chinh phụ ngâm*.

– *Chinh phụ ngâm* là một khúc ngâm do Đặng Trần Côn sáng tác bằng chữ Hán khoảng năm 1741; sau đó, được nhiều người diễn Nôm thành nhiều bản khác nhau. Bản hiện hành được coi là thành công nhất và được thể hiện bằng thơ song thất lục bát, dài 412 dòng. Lâu nay, bản này được cho là của Đoàn Thị Điểm (1705 – 1748), nhưng có người cho là của Phan Huy Ích (1751 – 1822).

– Đoạn trích *Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ* được trích từ dòng 208 đến dòng 228. Sau buổi tiễn đưa chồng ra trận với khí thế hào hùng, người chinh phụ trở về, tưởng tượng cảnh chiến trường đầy hiểm nguy, chết chóc mà xót xa, lo lắng cho chồng và hối tiếc vì đã để chàng ra đi. Tâm sự ấy được thể hiện sâu sắc và thấm thía trong đoạn trích.

(*) Nhan đề do người biên soạn sách đặt.

(**) Tác giả Đặng Trần Côn (1705 – 1745?), quê ở Hà Nội.

2 Đọc hiểu

1. Lòng này gửi gió đông⁽¹⁾ có tiện?
Nghìn vàng⁽²⁾ xin gửi đến non Yên⁽³⁾.
Non Yên dù chẳng tới miền,
Nhớ chàng thăm thẳm đường lên bằng trời.
5. Trời thăm thẳm xa vời khôn thấu,
Nỗi nhớ chàng đau đáu nào xong.
Cảnh buồn, người thiết tha⁽⁴⁾ lòng,
Cành cây sương đượm, tiếng trùng mưa phun.

Chú ý cách diễn tả nỗi nhớ của người chinh phụ.



10. Sương như búa, bỏ mòn góc liễn,
Tuyết dường cửa, xẻ héo cành ngô⁽⁵⁾.
Giọt sương phủ, bụi chim gù,
Sâu tường kêu vắng, chuông chùa nện khơi.
Vài tiếng dế nguyệt soi trước ốc⁽⁶⁾,
Một hàng tiêu⁽⁷⁾ gió thốc ngoài hiên.

Nỗi lòng người chinh phụ đã được biểu hiện thế nào qua việc tả cảnh?

(1) *Gió đông*: gió mùa xuân thổi từ phía đông tới.

(2) *Nghìn vàng*: ý nói tấm lòng trân trọng quý giá tựa nghìn vàng.

(3) *Non Yên*: tức Yên Nhiên, tên một ngọn núi ngoài biên ải phía bắc Trung Quốc. Xưa có viên tướng đi đánh giặc đến đó, lên núi ghi khắc công trạng của mình vào núi đá. Về sau, nói *non Yên* là chỉ nơi chiến trận ngoài biên ải xa xôi.

(4) *Thiết tha*: đau đớn, xót xa (*thiết*: cắt; *tha*: mài).

(5) *Ngô*: cây ngô đồng.

(6) *Ốc*: nhà.

(7) *Tiêu*: nói tắt từ *ba tiêu*, là cây chuối.

15. Lá màn lay ngon gió xuyên,
Bóng hoa theo bóng nguyệt lên trước rèm.
Hoa dãi⁽¹⁾ nguyệt, nguyệt in một tấm,
Nguyệt lồng hoa, hoa thắm từng bông.
Nguyệt hoa, hoa nguyệt trùng trùng⁽²⁾,
20. Trước hoa dưới nguyệt, trong lòng xiết đâu!

Hình ảnh gắn bó giữa “hoa” và “nguyệt” thể hiện điều gì?

(Theo *Những khúc ngâm chọn lọc*, tập 1, NXB Giáo dục, 1994)



1. Xác định bố cục của đoạn trích *Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ*; cho biết nội dung chính của từng phần.
2. Đoạn trích được viết theo thể thơ nào? Chỉ ra sự phù hợp của thể thơ ấy trong việc thể hiện nội dung đề tài ở văn bản này.
3. Nỗi lòng người chinh phụ được thể hiện như thế nào? Đây là nguyên nhân dẫn đến tâm trạng ấy?
4. Hãy phân tích mối quan hệ giữa cảnh vật và tâm trạng của người chinh phụ trong phần cuối (từ dòng 9 đến dòng 20).
5. Phân tích tác dụng các biện pháp tu từ, nhịp điệu của thể song thất lục bát trong văn bản *Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ*.
6. Đoạn trích gợi cho em suy nghĩ như thế nào về số phận những người phụ nữ trong cuộc chiến tranh phi nghĩa?

VIẾT

Phân tích một tác phẩm thơ

1 Định hướng

1.1. Phân tích một tác phẩm thơ là nội dung đã được học ở các lớp dưới, vì thế, các em cần đọc lại nội dung và yêu cầu đã nêu ở phần *Viết bài nghị luận phân tích một tác phẩm thơ* (Bài 7, sách *Ngữ văn 8*). Để tích hợp với nội dung đọc hiểu ở Bài 1, yêu cầu phân tích một tác phẩm thơ gắn với ngữ liệu các bài đọc hiểu về thơ và thơ song thất lục bát nên các em cũng cần ôn lại kiến thức, kỹ năng đã học ở các bài đọc hiểu.

(1) *Dãi*: phơi bày ra dưới ánh sáng.

(2) *Trùng trùng*: tầng tầng, lớp lớp.

1.2. Để viết bài văn phân tích một tác phẩm thơ, các em cần chú ý:

– Đọc kĩ bài thơ được phân tích, chú ý đặc điểm thể loại, tác giả và bối cảnh ra đời (nếu cần thiết) của tác phẩm.

– Phân tích nội dung và các yếu tố hình thức nổi bật của bài thơ. Chỉ ra mối quan hệ giữa hình thức và nội dung; từ đó, làm rõ giá trị của các yếu tố hình thức trong việc thể hiện nội dung, chủ đề của tác phẩm.

– Thực hiện các bước viết bài nghị luận theo quy trình bốn bước: chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý, viết, kiểm tra và chỉnh sửa.

– Suy nghĩ, nhận xét về ý nghĩa, giá trị và sự tác động của tác phẩm đối với người đọc cũng như với cá nhân em.

2 Thực hành

2.1. Thực hành viết theo các bước

Bài tập^(*): Phân tích bài thơ “*Khóc Dương Khuê*” của Nguyễn Khuyến.

a) Chuẩn bị

– Đọc kĩ đề bài, xác định các yêu cầu cần thực hiện.

– Xem lại kiến thức ngữ văn về thể loại thơ song thất lục bát đã học; đọc lại bài thơ *Khóc Dương Khuê* của Nguyễn Khuyến, chú ý đề tài thơ viết về tình bạn thuở chung.

– Xác định nội dung và hình thức nghệ thuật nổi bật nhất của bài thơ (chú ý đặc điểm và tác dụng của thể thơ song thất lục bát trong việc biểu đạt nội dung).

b) Tìm ý và lập dàn ý

– Tìm ý cho bài viết bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi sau:

+ Bối cảnh, đề tài và chủ đề của bài thơ *Khóc Dương Khuê* là gì?

+ Nghệ thuật của bài thơ *Khóc Dương Khuê* có gì đặc sắc?

+ Các yếu tố hình thức nghệ thuật ấy đã làm nổi bật chủ đề bài thơ như thế nào?

+ Qua bài thơ *Khóc Dương Khuê*, có thể thấy tinh thần, tình cảm và thái độ của người viết đối với người bạn của mình như thế nào?

+ Có thể học được gì về tình bạn từ bài thơ *Khóc Dương Khuê*?

– Lập dàn ý bằng cách sắp xếp các ý đã tìm được theo bố cục ba phần:

(*) Trong mục 2. *Thực hành* của các phần *Viết, Nói và nghe*, các bài tập nêu lên chỉ là những ví dụ.

Mở bài

Giới thiệu khái quát về đề tài và giá trị của bài thơ *Khóc Dương Khuê*.

Thân bài

Lần lượt nêu các ý đã tìm được theo một trình tự hợp lí, chẳng hạn:

- + Nêu bối cảnh và sự kiện tạo ra nguồn cảm xúc cho tác giả viết bài thơ.
- + Chủ đề (cảm xúc chủ đạo) của bài thơ.
- + Phân tích các yếu tố hình thức và tác dụng của chúng trong việc biểu đạt nội dung bài thơ.
- + So sánh với một số bài thơ viết về cùng đề tài (nếu có) để làm rõ sự độc đáo của bài *Khóc Dương Khuê*.

Kết bài

Khái quát giá trị bài thơ và nêu tác động của bài thơ này đối với cá nhân em.

c) Viết

Dựa vào dàn ý đã làm để viết bài nghị luận phân tích bài thơ *Khóc Dương Khuê*. Trong khi viết, chú ý vận dụng cách so sánh trong phân tích thơ.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

- Đọc lại bài văn đã viết.
- Việc kiểm tra, chỉnh sửa cần chú ý những yêu cầu sau đây:

Phương diện kiểm tra	Câu hỏi kiểm tra
Nội dung	<p>Mở bài:</p> <p>Đã giới thiệu khái quát nội dung văn bản chưa? (Ở bài viết này là giới thiệu khái quát về bài thơ <i>Khóc Dương Khuê</i>.)</p> <p>Thân bài:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Có nêu được các nội dung cụ thể làm rõ cho luận đề khái quát đã nêu ở mở bài không? (Ở bài viết này luận đề cần làm rõ là tình cảm sâu nặng của tác giả đối với người bạn của mình qua bài thơ <i>Khóc Dương Khuê</i>.)+ So với dàn ý, bài viết còn thiếu ý nào? Các ý có được sắp xếp phù hợp không? Ý nào trong bài trùng lặp nhau?+ Có nêu được các lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, thuyết phục không?

	<ul style="list-style-type: none"> + Đã kết hợp được các phương thức biểu đạt và các thao tác khác trong khi viết hay chưa? (Ở bài viết này là kết hợp phân tích với giải thích, chứng minh, so sánh, biểu cảm,... trong khi nghị luận.) + Có nêu được những suy nghĩ và cảm xúc riêng không? <p>Kết bài:</p> <p>Đã khái quát, tổng hợp vấn đề được trình bày chưa? (Ở bài viết này là những suy nghĩ và cảm xúc của bản thân về nội dung và nghệ thuật của bài thơ <i>Khóc Dương Khuê</i>.)</p>
Hình thức	<ul style="list-style-type: none"> + Bài viết đã có đủ ba phần chưa? Độ dài của các phần có cân đối không? + Bài viết còn mắc những lỗi gì về trình bày, trích dẫn, dùng từ, đặt câu, chính tả,...?
Đánh giá chung	<ul style="list-style-type: none"> + Bài viết đáp ứng yêu cầu ở mức độ nào? + Em thấy thuận lợi hoặc khó khăn nhất khi thực hiện phần nào trong khi thực hành viết? Vì sao? + Thành công nhất của bài viết là gì?

2.2. Rèn luyện kỹ năng viết: So sánh trong phân tích thơ

a) Cách thức

So sánh là chỉ ra sự giống nhau, khác nhau của hai hay nhiều tác phẩm, làm nổi bật sự độc đáo, sáng tạo của nhà văn. Về nguyên tắc, có thể so sánh điểm giống và khác nhau ở tất cả các cấp độ, từ nội dung (đề tài, chủ đề, cảm hứng, tư tưởng,...) đến hình thức tác phẩm (nhân đề, bố cục, chi tiết, vần, nhịp, hình ảnh, các thủ pháp nghệ thuật ngôn ngữ,...); có thể so sánh tác phẩm của hai tác giả nhưng cũng có thể so sánh hai tác phẩm của cùng một tác giả.

Trong phân tích thơ, để làm nổi bật cái hay, cái đẹp của tác phẩm được phân tích, người viết thường so sánh với các tác phẩm cùng đề tài, chủ đề,... Ví dụ, khi phân tích bài *Sông núi nước Nam*, có thể dẫn ra các tác phẩm cùng viết về tinh thần yêu nước, ý thức độc lập dân tộc như *Hịch tướng sĩ* (Trần Quốc Tuấn), *Phò giá về kinh* (Trần Quang Khải), *Tỏ lòng* (Phạm Ngũ Lão), *Đại cáo bình Ngô* (Nguyễn Trãi),... cũng như nhiều bài thơ hiện đại sau này. Hoặc phân tích những bài thơ chữ Hán của Hồ Chí Minh, nhiều người đã liên hệ với thơ Đường, thơ Tống, so sánh để thấy rõ: thơ của Người “rất Đường mà lại không Đường một tí nào” (Hoàng Trung Thông).

b) Bài tập

Hãy viết đoạn văn so sánh, nêu lên một điểm giống nhau và một điểm khác nhau giữa bài thơ *Sông núi nước Nam* với văn bản *Nước Đại Việt ta* (trích *Đại cáo bình Ngô* – Nguyễn Trãi).

Nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến

1 Định hướng

1.1. Nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến là yêu cầu cần thiết trong giao tiếp, nhất là khi nghe trình bày một ý kiến nghị luận. Bởi vì mục đích của văn nghị luận là thuyết phục. Kỹ năng nghe và nhận biết tính thuyết phục của ý kiến người nói thể hiện sự chủ động trong giao tiếp ở người nghe. Người nghe cần nắm được nội dung và cách thức trình bày của người nói, nhận biết được tính thuyết phục cũng như chỉ ra được những hạn chế (nếu có), chẳng hạn, lập luận thiếu lô gích, bằng chứng chưa đủ hoặc bằng chứng không liên quan đến vấn đề trình bày,...

1.2. Muốn nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến, các em cần lưu ý:

- Nghe kỹ nội dung ý kiến mà người nói đã trình bày (Người nói nêu ý kiến về vấn đề gì? Mục đích của người nói là gì?).
- Ghi lại cách trình bày ý kiến của người nói:
 - + Mở đầu nêu lên vấn đề gì?
 - + Triển khai vấn đề bằng các lí lẽ và bằng chứng ra sao?
 - + Lí lẽ và bằng chứng có sức thuyết phục không? (Có làm sáng tỏ cho vấn đề nêu lên ở phần mở đầu hay không?)
 - + Nội dung trình bày có lô gích, chặt chẽ không?
 - + Còn thiếu những bằng chứng gì?
- Đánh giá chung về tính thuyết phục trong ý kiến của người nói.

2 Thực hành

Bài tập: Nghe và nhận biết tính thuyết phục của ý kiến trình bày về sự giống nhau và khác nhau giữa bài thơ “Sông núi nước Nam” và văn bản “Nước Đại Việt ta” (trích “Đại cáo bình Ngô” – Nguyễn Trãi).

a) Chuẩn bị

- Chuẩn bị (ở nhà) ý kiến của cá nhân về sự giống nhau và khác nhau giữa bài thơ *Sông núi nước Nam* và văn bản *Nước Đại Việt ta*.

– Xem lại các hướng dẫn trong mục 1. *Định hướng*, phần *Nói và nghe* ở Bài 1 để nắm được cách nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến, những hạn chế trong khi trình bày ý kiến,...

b) Tìm ý và lập dàn ý

– Người nói: Tập trung vào vấn đề đã nêu ở bài tập, dựa vào gợi ý trong mục 1. *Định hướng* để tìm ý và lập dàn ý cho bài trình bày.

– Người nghe: Chú ý các điểm cần tập trung khi nghe để nhận biết tính thuyết phục của ý kiến được trình bày và chỉ ra được những hạn chế (nếu có) như lập luận thiếu lô gích, bằng chứng chưa đủ hoặc không liên quan,... Chẳng hạn, bài trình bày của người nói cần đáp ứng hệ thống ý sau đây:

+ Mở đầu: Nêu vấn đề, mục đích bài nói là chỉ ra sự giống nhau và khác nhau của hai văn bản.

+ Nội dung chính: Nêu những điểm giống nhau và khác nhau của hai văn bản *Sông núi nước Nam* và *Nước Đại Việt ta* theo một số tiêu chí như bối cảnh ra đời, đề tài, nội dung chính, tư tưởng và tình cảm của người viết, vai trò và sự tác động của tác phẩm, thể loại, ngôn ngữ và biện pháp nghệ thuật đặc sắc,... Mỗi điểm cần có các lí lẽ và bằng chứng cụ thể dẫn ra từ hai văn bản.

+ Kết thúc: Khẳng định ý nghĩa và vị trí của hai văn bản đối với lịch sử dân tộc nói chung và văn học nói riêng.

c) Nói và nghe

– Người nói: Trình bày ý kiến đã chuẩn bị ở nhà của mình.

– Người nghe: Nghe và nhận xét về tính thuyết phục của ý kiến được trình bày. Bài này tập trung rèn luyện kĩ năng nghe nhiều hơn. Trong khi nghe, các em cần chú ý:

+ Lắng nghe, xác định và ghi lại các thông tin chính của bài trình bày, những nội dung cần hỏi lại.

+ Tập trung theo dõi, nhận biết và nhận xét tính thuyết phục của ý kiến đã trình bày (ưu điểm và hạn chế).

+ Thể hiện thái độ chú ý lắng nghe, sử dụng các yếu tố cử chỉ, nét mặt, ánh mắt để khích lệ người nói.

+ Hỏi lại những điểm chưa rõ (nếu cần), có thể trao đổi thêm ý kiến cá nhân về nội dung và cách thuyết phục của bài trình bày.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Đối chiếu với dàn ý và yêu cầu nói – nghe ở bài này để kiểm tra và chỉnh sửa. Tham khảo một số gợi ý dưới đây:

Người nói

- Rút kinh nghiệm về việc lựa chọn vấn đề trình bày, quá trình chuẩn bị, nội dung, cách thức và thái độ trình bày,...
- Tự đánh giá:
 - + Trong bài trình bày của mình, em hài lòng về những điểm nào (nội dung, hình thức, thái độ)?
 - + Bài trình bày đã có sức thuyết phục chưa?
 - + Em muốn thay đổi điều gì trong bài trình bày của mình?

Người nghe

- Kiểm tra việc nghe và ghi chép các nội dung thông tin (Đã chính xác chưa, thu hoạch được những gì?,...).
- Nêu nhận xét về nội dung, hình thức và tính thuyết phục của bài trình bày.
- Đánh giá:
 - + Em thấy bài trình bày của bạn có thuyết phục không? Vì sao?
 - + Điều em rút ra được từ bài trình bày của bạn là gì?

TỰ ĐÁNH GIÁ

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

CẢNH VUI CỦA NHÀ NGHÈO

- Trong trần thế cảnh nghèo là khổ,
Nổi sinh nhai khổn khó qua ngày.
Quanh năm gạo chịu tiền vay,
Vợ chồng lo tính hôm rày, hôm mai.
- Áo lành rách vá may đắp điểm⁽¹⁾,
Nhà ở thuê chật hẹp quanh co.
Tạm yên, đủ ấm, vừa no,
Cái buồn khôn xiết, cái lo khôn cùng.
Con đi học, con bồng, con dất,
- Lớn chưa khôn, lắt nhắt thơ ngây.
Hôm hôm lớn bé sum vầy,
Cũng nên vui vẻ mà khuây nỗi buồn.
Nghĩ thiên hạ cho con đi học,
Cảnh phong lưu phú túc⁽²⁾ nói chi.

(1) Đắp điểm: che, đắp cho kín đáo, lành lặn.

(2) Phú túc: giàu có, sung túc.

15. Những ai bản bạc hàn vi⁽¹⁾,
Lo buồn đã vậy, vui thì cũng vui.
Tan buổi học, mẹ ngồi tựa cửa,
Mắt trông con đứa đứa về dần.
Xa xa con đã tới gần,
20. Các con về đủ quây quần bữa ăn.
Cơm dưa muối khó khăn mới có,
Của không ngon, nhà khó cũng ngon.
Khi vui câu chuyện thêm giòn,
Chồng chồng, vợ vợ, con con một nhà.
25. Ăn rồi học, tối qua lại sáng,
Ít tiền tiêu ngày tháng thanh thoi.
Chiều chiều, tối tối, mai mai,
Miễn sao no được, việc đời quản chi.
Con nhà khó nhiều khi vất vả,
30. Ngoài học đường thư thả được đâu.
Khi thời quấy nước tưới rau,
Chợ tan đón gánh theo sau mẹ già.
Việc giấy bút vẫn là đi học
Cảnh gia đình khó nhọc nhường ai
35. Ví chẳng có chí, có tài
Khi nên trời cũng cho người làm nên.
Khắp xã hội nghèo hèn ai đó,
Mẹ thương con thời cố công nuôi.
Những con nhà khó kia ơi,
40. Có thương cha mẹ thời vui học hành.
Cũng chẳng kể thành danh lúc khác,
Trời đã cho bước bước càng hay.
Nghèo mà học được như nay,
Vinh hoa chưa dễ sánh tày cái vui.

(1) *Bản bạc*: nghèo khổ; *hàn vi*: thời còn nghèo khó, chưa có địa vị xã hội.

45. Trong trần thế nhiều nơi phú quý,
Nỗi buồn riêng ai ví như ai.
Bày ra cái cảnh có trời,
Vui buồn cũng ở tự người thế gian.

(TẢN ĐÀ – NGUYỄN KHẮC HIẾU, *Tuyển tập Tản Đà*,
NXB Văn học, Hà Nội, 1986)

Chọn phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 5):

1. *Cảnh vui của nhà nghèo* được viết theo thể thơ nào?

- A. Thất ngôn bát cú
B. Lục bát biến thể
C. Thất ngôn xen lục ngôn
D. Song thất lục bát

2. Bài thơ thể hiện tâm trạng chủ yếu nào của nhân vật trữ tình?

- A. Xót xa, buồn tủi vì cuộc sống nghèo khổ
B. Lo lắng về chuyện học hành của trẻ em nghèo
C. Vui vì nhà nghèo mà ấm cúng, con cái chăm ngoan
D. Tin tưởng vào sự vươn lên của các gia đình nghèo

3. Nhận xét nào đúng với những câu thơ sau: “Cơm dưa muối khó khăn mới có, / Cửa không ngon, nhà khó cũng ngon / Khi vui câu chuyện thêm giòn / Chồng chồng, vợ vợ, con con một nhà.”?

- A. Câu song thất tái hiện cuộc sống đạm bạc, câu lục bát thể hiện thái độ vui vẻ, đoàn kết trong gia đình.
B. Câu song thất trình bày nguyên nhân, câu lục bát lí giải kết quả với những điều bất ngờ, khác biệt.
C. Câu song thất miêu tả sự vất vả, câu lục bát bộc lộ những nỗ lực đáng quý của con người.
D. Câu song thất khắc họa nỗi buồn với những chạnh lòng, câu lục bát bộc lộ niềm vui đan xen.

4. Phương án nào dưới đây nhận xét đúng về việc sử dụng từ ngữ trong bài thơ?

- A. Dùng nhiều điển cố, điển tích rất phức tạp
B. Ngôn ngữ khoa trương, phóng đại, gây cười
C. Từ ngữ mộc mạc, giản dị, thân mật, gần gũi
D. Dùng từ ngữ Hán Việt nhiều hơn thuần Việt

5. Điểm giống nhau giữa bài thơ *Khóc Dương Khuê* và bài *Cảnh vui của nhà nghèo* là gì?

- A. Cùng viết về niềm vui, nỗi buồn trong lúc khó khăn
- B. Cùng viết về tình cảm đáng quý trong gia đình
- C. Cùng sử dụng thể thơ song thất lục bát
- D. Cùng mở đầu bài thơ bằng câu lục bát

6. Nội dung chính của bài thơ có liên quan gì đến nhan đề *Cảnh vui của nhà nghèo*?

7. Hãy tìm các từ láy từ dòng 19 đến dòng 28 và cho biết tác dụng của chúng trong đoạn thơ.

8. Nhận xét về vần và nhịp của bài thơ.

9. Theo em, cái vui của cảnh nhà nghèo được thể hiện qua bài thơ là gì?

10. Em thích nhất câu thơ nào trong bài *Cảnh vui của nhà nghèo*? Vì sao?

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

1. Tìm đọc thêm một số bài thơ có đề tài tương tự các văn bản trong phần đọc hiểu của Bài 1.

2. Tìm hiểu trên Internet hoặc trong sách, báo một số bài thơ được viết theo thể song thất lục bát của các tác giả khác.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Xác định và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản truyện thơ Nôm muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật như: cốt truyện, nhân vật, lời thoại. Phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.
- Nhận biết và phân tích được tác dụng của điển cố, điển tích.
- Viết được bài nghị luận phân tích một đoạn trích tác phẩm văn học.
- Nghe và nhận biết được tính thuyết phục của một ý kiến.
- Cảm nhận được tình yêu thương con người, khát vọng tự do, tinh thần “trọng nghĩa khinh tài”.

Kiến thức ngữ văn

1. Truyện thơ Nôm

– Truyện thơ Nôm là truyện thơ được viết bằng chữ Nôm thường dùng thể thơ lục bát để kể chuyện. Đặc điểm nổi bật của truyện thơ Nôm là sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình. Thể loại này phát triển mạnh và có nhiều thành tựu vào thế kỉ XVIII – XIX, hiện nay, còn lại khoảng trên 100 tác phẩm với những truyện tiêu biểu như: *Truyện Hoa tiên* (Nguyễn Huy Tụ), *Sơ kính tân trang* (*Câu chuyện mới về gương, lược* – Phạm Thái), *Truyện Kiều* (Nguyễn Du), *Bích Câu kì ngộ* (*Cuộc gặp gỡ kì lạ ở Bích Câu* – Vũ Quốc Trân), *Tống Trân – Cúc Hoa* (khuyết danh), *Truyện Lục Vân Tiên* (Nguyễn Đình Chiểu),... Truyện thơ Nôm là thể loại có khả năng phản ánh sâu rộng hiện thực xã hội thông qua các câu chuyện kể về biến cố trong cuộc đời các nhân vật và cuộc đấu tranh để bảo vệ nhân phẩm, tình yêu của họ.

– Cốt truyện: Ở truyện thơ Nôm, cốt truyện đóng vai trò quan trọng trong việc tạo dựng tác phẩm. Mô hình cốt truyện của truyện thơ Nôm gồm ba chặng: Gặp gỡ – Lưu lạc (hoặc Thử thách) – Đoàn tụ.

– Nhân vật: Trong truyện thơ Nôm, nhân vật thường được chia thành hai tuyến đối lập nhau gồm các nhân vật chính diện (đại diện cho cái thiện, chính nghĩa) và các nhân vật phản diện (đại diện cho cái ác, phi nghĩa). Nhân vật chính diện và phản diện

thường được xây dựng đối lập về phẩm chất theo từng cặp như: Từ Hải – Hồ Tôn Hiến (*Truyện Kiều*), Lục Vân Tiên – Trịnh Hâm (*Truyện Lục Vân Tiên*),... hoặc theo nhóm Thuý Kiều, Kim Trọng – Tú Bà, Mã Giám Sinh; ông Tiều, ông Ngư – thái sư, thầy bói,...). Nhân vật chính kết nối các nhân vật ở hai tuyến chính diện và phản diện thông qua các sự kiện diễn ra trong cuộc đời mình.

2. Lời đối thoại và lời độc thoại

– Lời đối thoại là lời các nhân vật trao đổi với nhau trong một cuộc hội thoại. Trong ngôn ngữ viết, lời đối thoại thường được đặt sau dấu gạch ngang đầu dòng hoặc đặt trong dấu ngoặc kép. Lời độc thoại là lời của nhân vật nói với chính mình hoặc nói với một người nào đó trong tưởng tượng. Độc thoại thường diễn tả suy nghĩ, tình cảm đang diễn ra trong tâm hồn nhân vật. Nếu văn bản dẫn trực tiếp lời độc thoại thì lời độc thoại được đặt sau dấu gạch ngang đầu dòng hoặc đặt trong dấu ngoặc kép. Nếu lời độc thoại chỉ được dẫn gián tiếp thì không dùng các dấu gạch ngang đầu dòng hoặc ngoặc kép.

– Lời đối thoại và lời độc thoại đều góp phần thể hiện rõ thái độ, tình cảm, đặc điểm và tính cách nhân vật. Ví dụ, trong *Truyện Kiều*, Nguyễn Du đã thông qua màn đối thoại xưng danh với những lời lẽ cộc lốc của Mã Giám Sinh để khắc họa tính cách thô lỗ cục cằn của nhân vật này: “Hỏi tên rằng: Mã Giám Sinh / Hỏi quê rằng: Huyện Lâm Thanh cũng gần”. Cũng trong *Truyện Kiều*, để tái hiện tâm trạng day dứt, buồn tủi của Thuý Kiều về thân phận hẩm hiu của mình khi bị giam ở lầu Ngưng Bích, Nguyễn Du đã sử dụng thủ pháp độc thoại nội tâm: “Bên trời góc bể bơ vơ, / Tấm son gột rửa bao giờ cho phai. / Xót người tựa cửa hôm mai, / Quạt nồng ấp lạnh, những ai đó giờ?”.

Trong truyện thơ Nôm, lời độc thoại có thể bao hàm đối thoại với chính mình và thường được thể hiện qua việc miêu tả thiên nhiên với bút pháp tả cảnh ngụ tình nhằm bộc lộ thế giới nội tâm của nhân vật.

3. Một số căn cứ để xác định chủ đề

– Căn cứ chủ yếu để xác định chủ đề là dựa vào các thành tố cơ bản tạo nên nội dung tác phẩm (cốt truyện, chi tiết, nhân vật, sự kiện, xung đột, mạch cảm xúc chủ đạo,...); trong đó, cốt truyện đơn tuyến, đa tuyến, số lượng và tính chất nhân vật,... giúp người đọc phân biệt chủ đề chính, chủ đề phụ,...

– Đề tài tác phẩm cũng là một căn cứ, nhờ việc xác định tác phẩm viết về cái gì, có thể xác định được vấn đề cơ bản của tác phẩm (chủ đề).

– Một số nhan đề của tác phẩm cũng có thể là căn cứ để xác định chủ đề. Ví dụ, từ nhan đề *Đoạn trường tân thanh (Tiếng kêu đứt ruột mới)* người đọc có thể suy đoán được chủ đề của *Truyện Kiều*.

4. Điển cố, điển tích

– Điển cố là những sự việc hay câu chữ trong sách đời trước được dẫn lại một cách súc tích. Ví dụ, trong câu thơ: “Sầu đông càng lắng càng đầy / **Ba thu dọn lại một ngày dài ghê.**” (Nguyễn Du), điển cố (in đậm) được dẫn lại từ *Kinh thi* (ca dao cổ Trung Quốc): “Nhất nhật bất kiến như tam thu hề” (Một ngày không trông thấy

mặt lâu bằng ba mùa thu – ba năm). Câu thơ của Nguyễn Du mượn điển cố để diễn tả nỗi nhớ mong của Kim Trọng từ sau buổi gặp gỡ nàng Kiều.

– Điển tích là những câu chuyện trong sách đời trước được dẫn lại một cách cô đúc trong văn thơ. Ví dụ, trong câu: “Tướng sĩ một lòng phụ tử, **hoà nước sông chén rượu ngọt ngào.**” (Nguyễn Trãi), điển tích (in đậm) lấy ý từ một chuyện xưa bên Trung Quốc: “Có một vị chỉ huy khéo dùng binh. Nhân có người dâng một vò rượu ngon, ông liền cho hoà vò rượu đó vào nước sông để mọi người cùng uống khiến quân sĩ cảm động, đồng lòng đánh giặc.”. Câu văn của Nguyễn Trãi nói lên tình cảm gắn bó, chia ngọt sẻ bùi, trên dưới một lòng của nghĩa quân Lam Sơn.

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN



Cảnh ngày xuân^(*)

(Trích *Truyện Kiều*)

NGUYỄN DU^(**)

1 Chuẩn bị

– Xem lại phần *Kiến thức ngữ văn* để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.^(***)

– Khi đọc đoạn trích của một truyện thơ Nôm, các em cần lưu ý:^(****)

+ Tìm hiểu để biết được bối cảnh, vị trí của đoạn trích.

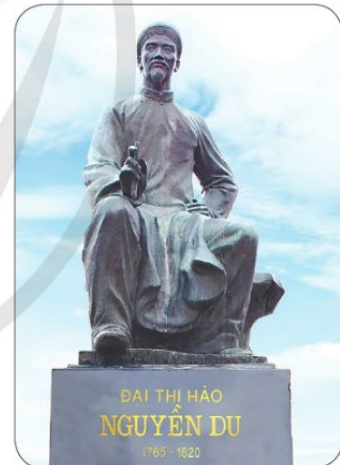
+ Xác định được chủ đề của đoạn trích.

+ Các nhân vật gồm những ai và mối quan hệ giữa họ như thế nào?

+ Nội dung và ý nghĩa của đoạn trích có gì sâu sắc?

+ Tìm hiểu đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích, đặc biệt là nghệ thuật tự sự (diễn biến sự việc), miêu tả tâm lí (diễn biến nội tâm), nghệ thuật sử dụng ngôn từ, các biện pháp nghệ thuật khác,...

– Đọc trước đoạn trích *Cảnh ngày xuân*; tìm hiểu thêm thông tin về đại thi hào – Danh nhân văn hoá Nguyễn Du và tác phẩm *Truyện Kiều*.



Tượng đài Nguyễn Du đặt ở Khu lưu niệm đại thi hào Nguyễn Du tại huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. (Ảnh: baophapluat.vn)

(*) Nhan đề do người biên soạn sách đặt.

(**) Nhà thơ Nguyễn Du (1765 – 1820), quê ở Hà Tĩnh.

(***) , (****) Khi đọc hiểu các văn bản khác trong Bài 2, học sinh cần vận dụng các gợi ý ở đây.

– Đọc nội dung sau đây để hiểu thêm tác phẩm và các đoạn trích *Truyện Kiều* trong bài học:

Truyện Kiều là tác phẩm tiêu biểu nhất của thể loại truyện thơ Nôm, được viết bằng thể lục bát. Tác phẩm là sự hội tụ những giá trị văn hoá, nghệ thuật của văn học dân tộc và sự tiếp thu văn học nước ngoài, trong đó, phần sáng tạo của Nguyễn Du là quan trọng và quyết định.

Nội dung *Truyện Kiều* chia thành ba phần. Phần thứ nhất: *Gặp gỡ và đính ước*, giới thiệu gia cảnh Thuý Kiều, việc nàng gặp gỡ và đính ước cùng Kim Trọng. Phần thứ hai: *Gia biến và lưu lạc*, kể lại việc gia đình Thuý Kiều gặp nạn, nàng bán mình chuộc cha, bị Mã Giám Sinh lừa mua đến lầu xanh của Tú Bà. Tại đây, nàng được Thúc Sinh chuộc ra khỏi lầu xanh và cưới làm vợ nhưng lại bị vợ cả Thúc Sinh là Hoạn Thư sai người bắt về hành hạ. Thuý Kiều trốn khỏi nhà Hoạn Thư và một lần nữa lại bị lừa bán vào lầu xanh rồi được Từ Hải cứu giúp, cưới làm vợ, giúp nàng trả ân, báo oán. Do bị mắc lừa quan tổng đốc Hồ Tôn Hiến nên Thuý Kiều đã khuyên Từ Hải đầu hàng triều đình, khiến Từ Hải tử trận. Đau đớn, tủi nhục, Kiều trẫm mình xuống sông Tiền Đường nhưng được sư Giác Duyên cứu sống. Phần thứ ba: *Đoàn tụ*, nói về việc Kiều gặp lại gia đình. Nể lời mọi người và cảm ân nghĩa của Kim Trọng, nàng nối lại duyên cùng chàng nhưng đem tình “cầm sắt” (vợ chồng) đổi ra “cầm kì” (bạn bè), sống như hai người bạn.

Đoạn trích *Cảnh ngày xuân* nằm ở Phần thứ nhất: *Gặp gỡ và đính ước* (từ dòng 39 đến dòng 56), đoạn tả Kiều cùng hai em đi du xuân, trước khi gặp Kim Trọng.

2 Đọc hiểu

1. Ngày xuân con én đưa thoi⁽¹⁾,
Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi⁽²⁾.
Cỏ non xanh tận chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.
5. Thanh minh⁽³⁾ trong tiết tháng Ba,
Lễ là tảo mộ, hội là đạp thanh⁽⁴⁾.

Chú ý việc sử dụng từ ngữ để miêu tả mùa xuân.

Lễ hội mùa xuân được khắc hoạ qua các hình ảnh nào?

(1) *Én đưa thoi*: mùa xuân chim én bay đi bay lại như đưa thoi khi dệt cửi.

(2) *Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi*: *thiều quang* chỉ ánh sáng đẹp ngày xuân, cũng là chỉ ngày xuân. Ý cả câu: ba tháng mùa xuân có chín chục ngày mà nay đã ngoài sáu mươi ngày, tức là đã qua tháng Giêng, tháng Hai và bước sang tháng Ba.

(3) *Thanh minh*: thời gian vào đầu tháng Ba. Mùa xuân khí trời mát mẻ, mọi người đi tảo mộ, tức đi viếng và sửa sang lại phần mộ của người thân. Đây là dịp lễ lớn để tỏ lòng thành kính, biết ơn tổ tiên, ông bà, cha mẹ và những người thân đã mất, cũng là dịp thắp hương cho những ngôi mộ vô chủ, thể hiện tấm lòng với những người thiệt thòi trong cuộc đời.

(4) *Đạp thanh*: giẫm lên cỏ xanh. Mùa xuân cây cối đâm chồi, nảy lộc, cỏ non lên xanh biếc. Tiết Thanh minh, đi du xuân trên những đồng cỏ xanh nên gọi là hội đạp thanh. Đây là một lễ hội lớn vào mùa xuân, là dịp để nam thanh, nữ tú gặp gỡ, giao duyên.



- Gần xa nô nức yến anh⁽¹⁾,
 Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân.
 Dập dìu tài tử, giai nhân⁽²⁾,
10. Ngựa xe như nước, áo quần như nêm⁽³⁾.
 Ngón ngang gò đống kéo lên,
 Thoi vàng vó rắc tro tiền giấy bay⁽⁴⁾.
 Tà tà bóng ngả về tây,
 Chị em thơ thẩn dan tay ra về.
15. Bước dần theo ngọn tiểu Khê⁽⁵⁾,
 Lần xem phong cảnh có bề thanh thanh.
 Nao nao dòng nước uốn quanh,
 Dịp⁽⁶⁾ cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.

Cảnh vật buổi chiều
 được miêu tả có gì khác
 với cảnh vật buổi sáng?

(Theo *Truyện Kiều*, trong *Từ điển "Truyện Kiều"*, ĐÀO DUY ANH,
 NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1974)

(1) *Yến anh*: chim én, chim oanh về mùa xuân thường ríu rít bay từng đàn. Ở đây ví cảnh từng đoàn người nhộn nhịp đi chơi xuân.

(2) *Tài tử, giai nhân*: trai tài, gái sắc.

(3) *Áo quần như nêm*: ý nói người đi lại đông đúc, chật như nêm cối.

(4) *Thoi vàng vó rắc tro tiền giấy bay*: chỉ việc đốt đồ hàng mã cúng tế cho người đã chết (*thoi vàng vó*: giấy làm giả thoi vàng hình hộp chữ nhật; *tiền giấy*: giấy in hình đồng tiền).

(5) *Tiểu Khê*: khe nước nhỏ.

(6) *Dịp*: nhịp.



1. Xác định bố cục của đoạn trích *Cảnh ngày xuân*. Nội dung văn bản kể lại việc gì?
2. Qua bốn dòng thơ đầu, em hình dung quang cảnh mùa xuân được Nguyễn Du miêu tả như thế nào?
3. Lễ hội trong tiết Thanh minh được miêu tả qua những hình ảnh nào trong tám dòng thơ tiếp theo?
4. Hãy so sánh bức tranh thiên nhiên ở bốn dòng thơ đầu và sáu dòng thơ cuối, phân tích để thấy được mối quan hệ giữa cảnh vật và tâm trạng của chị em Thúy Kiều trong đoạn trích.
5. Khái quát những thành công về nghệ thuật miêu tả thiên nhiên và lễ hội ngày xuân của Nguyễn Du trong đoạn trích *Cảnh ngày xuân* (việc sử dụng ngôn từ, xây dựng hình ảnh; những biện pháp nghệ thuật chủ yếu; thể thơ lục bát;...).
6. Trong đoạn trích trên, em thích nhất hình ảnh nào? Vì sao?



Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga^(*)

(Trích *Truyện Lục Vân Tiên*)

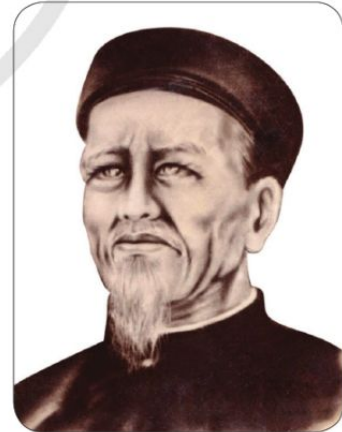
NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU^(**)

1 Chuẩn bị

– Đọc trước đoạn trích *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga*; tìm hiểu thêm những thông tin về Danh nhân văn hoá Nguyễn Đình Chiểu và tác phẩm *Truyện Lục Vân Tiên*.

– Đọc nội dung sau để hiểu thêm tác phẩm và các đoạn trích *Truyện Lục Vân Tiên* trong bài học:

Truyện Lục Vân Tiên là tác phẩm tiêu biểu của thể loại truyện thơ Nôm thế kỉ XIX, đặc biệt trong bối cảnh văn hoá Nam Bộ. Tác phẩm có yếu tố tự truyện với nhiều chi tiết giống cuộc đời của Nguyễn Đình Chiểu.



Tranh vẽ
Nguyễn Đình Chiểu
của họa sĩ Hoàng Hiệp

(*) Nhan đề do người biên soạn sách đặt.

(**) Nguyễn Đình Chiểu (1822 – 1888), quê ở Thừa Thiên Huế.

Truyện Lục Vân Tiên chia thành ba phần. Phần thứ nhất: *Gặp gỡ*, kể chuyện Lục Vân Tiên từ giã thầy xuống núi dự thi. Trên đường về quê thì gặp giặc cướp. Chàng một mình đánh tan bọn chúng, cứu được Kiều Nguyệt Nga. Sau khi gặp cha mẹ, Vân Tiên lên đường đi thi, ghé thăm Võ Công, người đã hứa gả con gái cho chàng. Chàng gặp và kết bạn với Vương Tử Trực, cùng tới kinh đô, gặp Trịnh Hâm, Bùi Kiệm. Thấy Vân Tiên tài cao, Trịnh Hâm và Bùi Kiệm đem lòng ghen ghét. Phần thứ hai: *Lưu lạc*, kể việc khi vào trường thi, Vân Tiên nhận được tin mẹ mất, liền bỏ thi về quê chịu tang. Chàng khóc mẹ, mù cả hai mắt, lại bị Trịnh Hâm lừa, đẩy xuống sông. Nhờ giao long⁽¹⁾ dìu vào bờ, chàng được gia đình ông Ngư cứu mang. Sau đó, chàng bị cha con Võ Công hãm hại, đem bỏ vào hang núi, rồi được Du thần⁽²⁾ và ông Tiều cứu giúp. Kiều Nguyệt Nga, sau khi nghe tin Lục Vân Tiên chết, nài nỉ thủ tiết thờ chàng. Thái sư đương triều hỏi nàng cho con trai không được, bèn tâu vua bắt nàng cống cho nước Ô Qua. Nguyệt Nga nhảy xuống sông tự vẫn được Phật Bà Quan Âm cứu sống rồi bị Bùi Kiệm ép làm vợ, khiến nàng phải bỏ trốn vào rừng. Phần thứ ba: *Đoàn tụ*, kể việc Lục Vân Tiên được tiên cho thuốc nên mắt sáng lại. Chàng đi Trạng nguyên và được nhà vua cử đi đánh giặc Ô Qua. Đánh tan giặc, Vân Tiên bị lạc trong rừng và gặp Nguyệt Nga. Hai người được sum vầy, hạnh phúc.

Đoạn trích *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga* nằm ở Phần thứ nhất: *Gặp gỡ*.

2 Đọc hiểu

- Vân Tiên ghé lại bên đàng,
Bẻ cây làm gậy nhằm làng xông vô.
Kêu rằng: “Bớ đảng hung đồ,
Chớ quen làm thói hồ đồ⁽³⁾ hại dân”.
- Phong Lai⁽⁴⁾ mặt đỏ phùng phùng:
“Thằng nào dám tới lấy lừng⁽⁵⁾ vào đây.
Trước gậy việc dữ tại mây⁽⁶⁾,
Truyền quân bốn phía phủ vây bịt bùng”.

Chú ý việc sử dụng từ ngữ mang sắc thái Nam Bộ trong cả đoạn trích.

Chú ý các chi tiết miêu tả hành động tượng nghĩa của Lục Vân Tiên.

(1) *Giao long*: rồng nước. Con vật được thần linh hoá, hay cứu giúp người nhân đức.

(2) *Du thần*: vị thần đi tuần để xem xét hạ giới.

(3) *Hồ đồ*: lơ mơ không rõ, thiếu chứng cứ. Ở đây chỉ thói làm càn của bọn cướp.

(4) *Phong Lai*: tên của kẻ cầm đầu bọn cướp.

(5) *Lấy lừng*: vang dội khắp nơi. Ở đây dùng với nghĩa là hung hăng, gây sự.

(6) *Mây* (tiếng địa phương): mây.

- Vân Tiên tả đột hữu xông⁽¹⁾,
10. Khác nào Triệu Tử phá vòng Đương Dương⁽²⁾.



- Lâu la bốn phía vỡ tan,
Đều quăng gươm giáo tìm đường chạy ngay.
Phong Lai trở chẳng kịp tay,
Bị Tiên một gậy thác rày thân vong⁽³⁾.
15. Đẹp rồi lũ kiến chòm ong,
Hỏi: “Ai than khóc ở trong xe này?”
Thưa rằng: “Tôi thiệt người ngay,
Sa cơ nên mới làm tay hung đồ.
Trong xe chật hẹp khôn phô⁽⁴⁾,
20. Cúi đầu trăm lạy cứu cô tôi cùng”.
Vân Tiên nghe nói động lòng,
Đáp rằng: “Ta đã trừ dòng lâu la.
Khoan khoan ngồi đó chờ ra,
Nàng là phận gái, ta là phận trai.

Các lời đối thoại giữa hai nhân vật chính thể hiện phẩm chất gì của họ?

(1) *Tả đột hữu xông* (xung): hết đánh vào bên trái, lại xông sang bên phải. Ý nói sức mạnh tung hoành (đọc ngang) khi xung trận.

(2) *Triệu Tử phá vòng Đương Dương* (Đương): nhắc chuyện Triệu Tử Long (Triệu Vân), tướng giỏi của Lưu Bị thời Tam quốc, một mình phá vòng vây của quân Tào Tháo ở Đương Dương (nay thuộc tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc), bảo vệ an toàn cho A Đâu, con nhỏ của Lưu Bị.

(3) *Thân vong*: ý nói chết bỏ mạng (*thân*: thân xác; *vong*: mất).

(4) *Khôn phô*: khó nói, khó mà bày tỏ được hết.

25. Tiểu thơ con gái nhà ai,
 Đi đâu nên nổi mang tai bất kì⁽¹⁾?
 Chẳng hay tên họ là chi?
 Khuê môn phận gái⁽²⁾ việc gì đến đây?
 Trước sau chưa hãn dạ này⁽³⁾,
30. Hai nàng ai tớ ai thầy nói ra?”
 Thưa rằng: “Tôi Kiều Nguyệt Nga,
 Con này tì tất⁽⁴⁾ tên là Kim Liên.
 Quê nhà ở quận Tây Xuyên,
 Cha làm tri phủ ở miền Hà Khê.
35. Sai quân đem bức thơ về,
 Rước tôi qua đó định bề nghi gia.
 Làm con dâu dám cãi cha,
 Ví dầu ngàn dặm đàng xa cũng đành!
 Chẳng qua là sự bất bình⁽⁵⁾,
40. Hay vậy⁽⁶⁾ cũng chẳng đặng trình⁽⁷⁾ làm chi.
 Lâm nguy chẳng gặp giải nguy,
 Tiết trăm năm cũng bỏ đi một hồi⁽⁸⁾.
 Trước xe quân tử⁽⁹⁾ tạm ngồi,
 Xin cho tiện thiếp lạy rồi sẽ thưa:
45. Chút tôi⁽¹⁰⁾ liễu yếu đào thơ⁽¹¹⁾,
 Giữa đường lâm phải bụi đờ đã phân⁽¹²⁾.

Nguyệt Nga đã thể hiện lòng biết ơn với Lục Vân Tiên thế nào?

(1) *Mang tai bất kì*: gặp tai nạn bất ngờ.

(2) *Khuê môn phận gái*: ý nói phận đàn bà con gái ở chốn buồng thê, không đi ra ngoài (*khuê môn*: cửa phòng của người con gái).

(3) *Chưa hãn dạ này* (tiếng địa phương): chưa rõ lòng này (*hãn*: rõ; *này*: này).

(4) *Tì tất*: đầy tớ gái.

(5) *Sự bất bình*: sự việc không bình thường. Ý nói không ngờ bị bọn cướp bắt.

(6) *Hay vậy* (tiếng địa phương): biết như thế này.

(7) *Đặng trình*: lên đường đi xa.

(8) *Tiết trăm năm cũng bỏ đi một hồi*: ý nói trinh tiết, phẩm giá mà người con gái gìn giữ cả đời bỗng chốc có thể bị phá hỏng.

(9) *Quân tử*: từ xưng hô để tỏ ý tôn trọng người con trai có tài, có đức.

(10) *Chút tôi*: một cách nói khiêm tốn khi xưng hô với người khác.

(11) *Liễu yếu đào thơ* (tơ): chỉ người con gái có thể chất yếu đuối, mềm mại.

(12) *Đã phân*: đã là phần của tôi. Ý nói: tôi giữa đường gặp phải bọn cướp, lâm vào hoàn cảnh nguy nan.

Hà Khê qua đó cũng gần,
Xin theo cùng thiếp đền ân cho chàng.
Gặp đây đương lúc giữa đàng,
50. Cửa tiền chẳng có, bạc vàng cũng không.
Gẫm câu báo đức thù công⁽¹⁾,
Lấy chi cho phi⁽²⁾ tấm lòng cùng người”.

Vân Tiên nghe nói liền cười:
“Làm ơn há dễ trông người trả ơn.

55. Nay đã rõ đặng nguồn cơn,
Nào ai tính thiệt so hơn làm gì.
Nhớ câu kiến nghĩa bất vi⁽³⁾,
Làm người thế ấy cũng phi anh hùng”.

(Theo *Truyện Lục Vân Tiên*, trong *Nguyễn Đình Chiểu toàn tập*, tập I,
NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1980)

Vân Tiên đã có hành động thế nào trước thái độ của Nguyệt Nga?



1. Có thể chia đoạn trích làm mấy phần? Trình bày nội dung chính của từng phần.
2. “Nhân vật trong truyện thơ Nôm thường được chia thành hai tuyến đối lập nhau”, đặc điểm đó được thể hiện như thế nào trong đoạn trích *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga*?
3. Phân tích nhân vật Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga, từ đó làm rõ những nét tính cách nổi bật của người dân Nam Bộ được thể hiện qua đoạn trích.
4. Phân tích đặc điểm ngôn ngữ đối thoại của các nhân vật được thể hiện trong đoạn trích.
5. Tìm hiểu chủ đề của văn bản *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga* và cho biết căn cứ để xác định chủ đề đó. Tư tưởng và tình cảm của tác giả được thể hiện trong đoạn trích như thế nào?
6. Nêu cảm nghĩ của em về câu chuyện Lục Vân Tiên đánh cướp cứu Kiều Nguyệt Nga.

(1) *Báo đức thù công*: báo trả ơn đức, đền đáp công lao.

(2) *Phi*: xứng đáng, thoả lòng.

(3) *Kiến nghĩa bất vi*: thấy việc nghĩa mà không làm. Hai câu cuối đoạn trích ý nói: Thấy việc nghĩa mà bỏ qua không làm thì không phải là người anh hùng.

Điển cố, điển tích

1. Ghép các điển cố, điển tích (in đậm) ở bên A với nguồn gốc và nghĩa nêu ở bên B:

A. Điển cố, điển tích	B. Nguồn gốc và nghĩa
a) Giường kia treo cũng hững hờ , (Nguyễn Khuyến)	1) Điển tích, lấy từ chuyện xưa bên Trung Quốc: “Vua Hán Vũ Đế kén phò mã, cho công chúa ngồi trên lầu ném quả cầu xuống, ai cướp được thì được làm phò mã.”. Câu thơ mượn chuyện này để ngụ ý: Cha mẹ Thuý Kiều mong muốn gả con vào nơi xứng đáng.
b) Đàn kia gảy cũng ngẩn ngơ tiếng đàn . (Nguyễn Khuyến)	2) Điển tích, dẫn theo chuyện xưa: “Trần Phồn thời hậu Hán (Trung Quốc) sắm chiếc giường dành riêng cho người bạn thân là Từ Trĩ. Khi bạn đến chơi thì mang giường xuống, khi bạn về thì lại treo cất đi.”.
c) Một hai nghiêng nước nghiêng thành , / Sắc đành đòi một tài đành họa hai . (Nguyễn Du)	3) Điển tích, lấy từ chuyện xưa: “Tương truyền Bá Nha và Chung Tử Kỳ là hai người bạn tri âm, sống vào thời Xuân Thu, Chiến Quốc (Trung Quốc xưa). Bá Nha chơi đàn giỏi. Tử Kỳ nghe tiếng đàn của Bá Nha mà như hiểu thấu tâm can của bạn. Sau khi Tử Kỳ chết, Bá Nha đập bỏ đàn vì cho rằng trên đời không còn ai hiểu được tiếng đàn của mình nữa.”.
d) Nuôi con những ước về sau , / Trao tơ phải lúa, gieo cấy đáng nơi . (Nguyễn Du)	4) Điển cố, lấy từ bài ca của Lý Diên Niên (Trung Quốc): “Nhất cố khuynh nhân thành, tái cố khuynh nhân quốc.” (Ngoảnh lại một cái làm xiêu thành trì của người, ngoảnh lại cái nữa làm xiêu nước người.). Câu thơ mượn từ ngữ của bài thơ xưa để diễn tả vẻ đẹp của Thuý Kiều.

M a) – 2)

2. Dựa vào chú thích trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, giải thích nguồn gốc và ý nghĩa của các điển cố, điển tích (in đậm) trong những câu dưới đây:

- a) *Trải qua một cuộc bể dâu,
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.*
- b) *Bấy lâu nghe tiếng má đào,
Mắt xanh chẳng để ai vào có không?*

3. Tìm trong sách, báo (hoặc trên Internet) câu chuyện *Tái Ông thất mã* (*Tái Ông mất ngựa*). Viết một đoạn văn (khoảng 10 – 12 dòng) kể lại chuyện đó và nêu ý nghĩa của điển tích “ngựa Tái Ông”.

THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU



Kiều ở lầu Ngưng Bích^(*)

(Trích *Truyện Kiều*)

NGUYỄN DU

1 Chuẩn bị

- Đọc trước đoạn trích *Kiều ở lầu Ngưng Bích*.
- Đọc nội dung giới thiệu dưới đây để hiểu bối cảnh đoạn trích:

Sau khi bị Mã Giám Sinh làm nhục, biết mình bị lừa bán vào lầu xanh, Kiều liêu mình tự vẫn. Mụ chủ nhà chứa sợ mất “cả vốn lẫn lời” nên đã vờ hứa hẹn sẽ gả chồng cho Kiều, rồi đưa nàng ra ở lầu Ngưng Bích để kén chồng nhưng thực chất là giam lỏng và chuẩn bị thực hiện âm mưu mới, hòng bắt nàng phải tiếp khách làng chơi.

Đoạn trích này nằm ở Phần thứ hai của *Truyện Kiều*: *Gia biến và lưu lạc*.

2 Đọc hiểu



1. Trước lầu Ngưng Bích khoá xuân⁽¹⁾,
Vẻ non xa tím trăng gần ở chung.

Chú ý việc sử dụng từ ngữ để diễn tả hoàn cảnh của Kiều.

(*) Nhan đề do người biên soạn sách đặt.

(1) *Khoá xuân*: khoá tuổi xuân (cắm cung). Ở đây nói việc Thuý Kiều bị giam lỏng.

- Bôn bề bát ngát xa trông,
Cát vàng còn nọ bụi hồng⁽¹⁾ dặm kia.
5. Bẽ bàng⁽²⁾ mây sớm đèn khuya,
Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng.
Trưởng người dưới nguyệt chén đồng⁽³⁾,
Tin sương⁽⁴⁾ luống những rày trông mai chờ.
Bên trời góc bể bơ vơ,
10. Tấm son⁽⁵⁾ gột rửa bao giờ cho phai.
Xót người tựa cửa⁽⁶⁾ hôm mai,
Quạt nồng ấp lạnh⁽⁷⁾, những ai đó giờ?
Sân Lai⁽⁸⁾ cách mấy nắng mưa,
Có khi gốc tử⁽⁹⁾ đã vừa người ôm?
15. Buồn trông cửa bể chiều hôm,
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?
Buồn trông ngọn nước mới sa,
Hoa trôi man mác biết là về đâu?
Buồn trông nội cỏ rầu rầu,
20. Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.
Buồn trông gió cuốn mặt duềnh⁽¹⁰⁾,
Âm âm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.

Hình ảnh nào diễn tả hoàn cảnh và thân phận Kiều?

Dự cảm tương lai được thể hiện qua hình ảnh nào?

(Theo *Truyện Kiều*, trong *Từ điển “Truyện Kiều”*,
ĐÀO DUY ANH, sách đã dẫn)

(2) *Bụi hồng*: bụi có sắc đỏ (*Bụi hồng* còn có nghĩa là “cõi hồng trần”).

(1) *Bẽ bàng*: cảm giác xấu hổ, tủi thẹn.

(2) *Chén đồng*: chén rượu (với Kim Trọng) thề nguyện cùng lòng, cùng dạ với nhau.

(3) *Tin sương*: do từ *sương tin* trong chữ Hán, có nghĩa là tin tức trước khi trời có sương. Khi chim nhận phương bắc bay về phương nam thì trời lại có sương rơi. Trong văn học, đôi khi dùng “tin nhận” cùng nghĩa với “tin sương”.

(4) *Tấm son*: tấm lòng son sắt, thể hiện sự thủy chung, gắn bó.

(5) *Người tựa cửa*: chỉ cha mẹ tựa cửa trông chờ tin tức con.

(6) *Quạt nồng ấp lạnh*: người con có hiếu vào mùa hè oi bức thì thức quạt cho cha mẹ ngủ; mùa đông lạnh giá thì vào nằm trước trong giường ủ chiếu chăn cho ấm, rồi mời cha mẹ vào ngủ. Ý cả câu thể hiện sự lo lắng, khi mình vắng nhà, không biết ai sẽ phụng dưỡng, chăm sóc cha mẹ.

(7) *Sân Lai*: sân nhà cha mẹ; lấy điển tích lão Lai Tử người nước Sở thời Xuân Thu (Trung Quốc) là người con hiếu thảo, tuổi đã cao nhưng vẫn nhảy múa ngoài sân để cho cha mẹ vui.

(8) *Gốc tử*: theo điển cũ thì cây dâu, cây tử (cây thi) là những cây thường được cha mẹ trồng quanh nhà, do vậy, gốc tử được dùng để chỉ cha mẹ. Cả câu ý nói thời gian trôi đi, chắc cha mẹ nay đã già rồi.

(9) *Duềnh* (hoặc *doành*): vụng (vũng) sông hoặc vụng biển.



1. Đoạn trích *Kiều ở lầu Ngưng Bích* có thể chia làm mấy phần? Trình bày nội dung chính của mỗi phần.
2. Thúy Kiều lần lượt nhớ tới những ai? Theo em, trình tự nhớ đó có hợp lí không? Vì sao?
3. Khung cảnh được miêu tả ở sáu dòng thơ đầu có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện tâm trạng của Thúy Kiều?
4. Theo em, tám dòng thơ tiếp theo (từ dòng 7 đến dòng 14) trong đoạn trích là lời của ai? Vì sao em biết điều đó? Những lời này có tác dụng gì trong việc thể hiện nội tâm nhân vật?
5. *Kiều ở lầu Ngưng Bích* được coi là một trong những đoạn trích thể hiện tài năng của Nguyễn Du trong nghệ thuật tả cảnh ngụ tình. Hãy phân tích tám dòng thơ cuối để làm sáng rõ điều đó.
6. Nhập vai người kể chuyện, em hãy chuyển 14 dòng thơ đầu thành một đoạn văn.

VIẾT

Phân tích một đoạn trích tác phẩm văn học

1 Định hướng

1.1. Ở Bài 1, các em đã được rèn luyện kỹ năng phân tích một tác phẩm văn học, đối tượng phân tích là một bài thơ trọn vẹn. Bài 2 tiếp tục rèn luyện kỹ năng phân tích một tác phẩm văn học, nhưng đối tượng là một đoạn trích gắn với truyện thơ Nôm.

1.2. Để viết bài văn phân tích đoạn trích từ một tác phẩm lớn (ở đây là truyện thơ Nôm: *Truyện Kiều* hoặc *Truyện Lục Vân Tiên*), các em cần chú ý:

– Đọc kĩ văn bản (đoạn trích), chú ý đặc điểm thể loại truyện thơ Nôm đã học và xác định rõ vị trí đoạn trích trong tác phẩm.

– Xác định nội dung và các yếu tố hình thức nổi bật. Chỉ ra mối quan hệ giữa hình thức và nội dung; từ đó, làm rõ giá trị của các yếu tố hình thức trong việc thể hiện nội dung, chủ đề của tác phẩm.

– Xác định luận đề và các luận điểm trong bài viết, lựa chọn bằng chứng từ đoạn trích cho mỗi luận điểm.

– Suy nghĩ, nhận xét về ý nghĩa, giá trị và sự tác động của tác phẩm đối với người đọc cũng như bản thân em.

2 Thực hành

2.1. Thực hành viết theo các bước

Bài tập: *Phân tích đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” (trích “Truyện Kiều” của Nguyễn Du).*

a) Chuẩn bị

- Đọc kỹ đề bài, xác định yêu cầu cần thực hiện.
- Xem lại phần *Kiến thức ngữ văn* về truyện thơ Nôm, đọc lại văn bản *Kiều ở lầu Ngưng Bích*, chú ý xuất xứ để biết nội dung câu chuyện trước và sau của đoạn trích.
- Xác định nội dung và hình thức nghệ thuật nổi bật nhất của văn bản (chú ý đặc điểm thơ lục bát trong tác phẩm *Truyện Kiều*).

b) Tìm ý và lập dàn ý

- Tìm ý cho bài viết bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi:
 - + Nội dung chính của đoạn trích là gì?
 - + Nghệ thuật của đoạn trích có gì đặc sắc?
 - + Các yếu tố hình thức nghệ thuật ấy đã làm nổi bật nội dung của đoạn trích như thế nào?
- + Qua đoạn trích, Nguyễn Du đã thể hiện được tấm lòng (chữ *tâm*) và tài năng (chữ *tài*) như thế nào?
- Lập dàn ý bằng cách sắp xếp các ý đã tìm được theo bố cục ba phần:

Mở bài

Giới thiệu khái quát về *Truyện Kiều* và đoạn trích *Kiều ở lầu Ngưng Bích*.

Thân bài

- + Nêu tóm tắt bối cảnh câu chuyện trước đoạn trích *Kiều ở lầu Ngưng Bích* và chủ đề, âm hưởng bao trùm đoạn trích này.
- + Phân tích khung cảnh gợi nỗi nhớ của Thúy Kiều qua đoạn mở đầu (từ đầu đến “Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng.”). Chú ý nghệ thuật lựa chọn không gian, thời gian và các hình ảnh.
- + Phân tích nỗi nhớ thương của Thúy Kiều qua đoạn tiếp theo (từ “Tưởng người dưới nguyệt chén đồng” đến “Có khi gốc tử đã vừa người ôm?”). Chú ý nghệ thuật lựa chọn ngôn từ và bút pháp miêu tả độc thoại nội tâm nhân vật.
- + Phân tích diễn biến tâm trạng của Thúy Kiều qua đoạn cuối (tám dòng thơ cuối). Chú ý các biện pháp nghệ thuật: điệp ngữ, lựa chọn hình ảnh, không gian và thời gian, câu hỏi tu từ,...

Kết bài

Nêu những suy nghĩ và cảm xúc của bản thân về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích *Kiều ở lầu Ngưng Bích*.

c) Viết

Dựa vào dàn ý đã làm để viết bài văn phân tích một đoạn trích thơ. Trong khi viết, chú ý vận dụng cách phân tích các yếu tố hình thức của thơ. Có thể viết cả bài, mở bài, kết bài hoặc viết một đoạn ở phần thân bài.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

- Đọc lại bài văn đã viết.
- Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 1, phần *Viết*, mục d (trang 27, 28) và đối chiếu với dàn ý đề văn đã làm ở bài này để kiểm tra, chỉnh sửa.

2.2. Rèn luyện kỹ năng viết: Phân tích văn học

a) Cách thức

Phân tích văn học là chia tách đối tượng (tác phẩm văn, thơ, kí, kịch) thành nhiều phần, xem xét từ nhiều bình diện (nội dung, nghệ thuật); từ đó, chỉ ra giá trị (cái hay, cái đẹp, ý nghĩa và tác dụng) của đối tượng ấy.

Dù chia tách đối tượng ra thành nhiều phần nhưng việc phân tích vẫn cần bảo đảm sự thống nhất của toàn bộ văn bản; kết quả phân tích của các bộ phận đều cùng hướng, tập trung làm nổi rõ chủ đề của toàn bộ tác phẩm.

Phân tích tác phẩm văn học cần thấy được sự gắn bó giữa nội dung và hình thức nghệ thuật, thể hiện bằng việc nhận ra các yếu tố nghệ thuật đặc sắc và chỉ ra tác dụng của chúng trong việc thể hiện nội dung. Ví dụ: Phân tích tám dòng thơ cuối đoạn trích *Kiều ở lầu Ngưng Bích* dưới đây:

“Tám câu thơ, mỗi cặp câu gợi ra một nỗi buồn sâu thẳm. “Buồn trông” là buồn mà nhìn xa, nhưng cũng là buồn mà trông ngóng một cái gì mơ hồ sẽ đến làm thay đổi tình trạng hiện tại. Hình như nàng mong một cánh buồm, nhưng cánh buồm chỉ thấp thoáng, xa xa, không rõ như một ước vọng mơ hồ, mỗi lúc một xa. Nàng lại trông ngọn nước [...], ngọn sóng xô đẩy cánh hoa phiêu dạt, không biết về đâu. [...]

Tám câu thơ, câu nào cũng vừa thực, vừa hư, vừa là thực cảnh, vừa là tâm cảnh. Toàn là hình ảnh về sự vô vọng, sự dạt trôi, sự bế tắc và sự chao đảo, nghiêng đổ. Đây chính là lúc mà tình cảm Kiều trở nên mong manh và yếu đuối nhất, là lúc mà nàng rất dễ rơi vào cạm bẫy...”⁽¹⁾

b) Bài tập

Hãy phân tích một đoạn thơ trích từ *Truyện Kiều* (Nguyễn Du) hoặc *Truyện Lục Vân Tiên* (Nguyễn Đình Chiểu) mà em yêu thích.

(1) Trần Đình Sử, *Đọc văn học văn*, NXB Tri thức, Hà Nội, 2018.

Nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến

1 Định hướng

Yêu cầu nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến đã được rèn luyện ở Bài 1. Bài 2 tiếp tục rèn luyện kỹ năng này. Về lí thuyết, các em xem lại nội dung đã nêu ở Bài 1. Trọng tâm của bài này tập trung vào thực hành luyện tập kỹ năng nghe.

2 Thực hành

Bài tập: Nghe và nhận biết tính thuyết phục của ý kiến người nói về một trong hai vấn đề sau:

(1) Từ đoạn trích “*Kiều ở lầu Ngưng Bích*”, làm sáng tỏ ý kiến: Nguyễn Du tả cảnh là để ngụ tình.

(2) Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu thể hiện rõ nét sắc thái của ngôn ngữ Nam Bộ. Hãy làm rõ ý kiến đó qua đoạn trích “*Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga*”.

a) Chuẩn bị

- Chuẩn bị (ở nhà) ý kiến của cá nhân về một trong hai vấn đề mà bài tập đã nêu lên.
- Chú ý các hướng dẫn trong mục 1. *Định hướng* (Bài 1) để nắm được cách nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến, những hạn chế trong khi trình bày ý kiến,...

b) Tìm ý và lập dàn ý

– Người nói: lựa chọn vấn đề nêu ở bài tập, dựa vào gợi ý đã tìm hiểu ở mục 1. *Định hướng* để tìm ý và lập dàn ý cho bài trình bày. Ví dụ với vấn đề 2, cần trả lời được một số câu hỏi sau:

- + Ý kiến đó là đúng hay sai? Vì sao?
- + Ngôn ngữ Nam Bộ là gì?
- + Ngôn ngữ Nam Bộ được thể hiện rõ trong đoạn trích *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga* như thế nào?

– Người nghe: chú ý các điểm cần tập trung khi nghe để nhận biết tính thuyết phục của ý kiến được trình bày.

- + Ý kiến tán thành hay phản đối của người nói có thuyết phục không?
- + Quan niệm về ngôn ngữ Nam Bộ của người nói có đúng không? Vì sao?

+ Những lí lẽ và bằng chứng về ngôn ngữ Nam Bộ trong đoạn trích được người nói dẫn ra có chính xác không?

+ Cần bổ sung, chỉnh sửa như thế nào cho đúng và có sức thuyết phục hơn?

c) Nói và nghe

Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 1, phần *Nói và nghe*, mục c (trang 30) và đối chiếu với dàn ý đề văn đã làm ở bài này.

d) Kiểm tra, chỉnh sửa

Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 1, phần *Nói và nghe*, mục d (trang 30, 31) và đối chiếu với dàn ý đề văn đã làm ở bài này.

TỰ ĐÁNH GIÁ

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

LỤC VÂN TIÊN GẶP NẠN^(*)

(Trích *Truyện Lục Vân Tiên*)

1. Đêm khuya lặng lẽ như tờ,
Nghinh ngang⁽¹⁾ sao mọc mịt mờ sương bay.
Trịnh Hâm khi ấy ra tay,
Vân Tiên bị gã xô ngay xuống vời⁽²⁾.
5. Trịnh Hâm giả tiếng kêu trời,
Cho người thức dậy, lấy lời phui pha⁽³⁾.
Trong thuyền ai nấy kêu la,
Đều thương họ Lục, xót xa tấm lòng.
Vân Tiên mình luy⁽⁴⁾ giữa dòng,
10. Giao long diu đờ vào trong bãi rày.
Vừa may trời đã sáng ngày,
Ông chài xem thấy vớt ngay lên bờ.

(*) Nhan đề do người biên soạn sách đặt.

(1) *Nghinh ngang*: nghênh ngang.

(2) *Vời*: khoảng nước rộng ngoài xa trên mặt sông, biển.

(3) *Phui pha*: phôi pha, phai nhạt dần. Ý ở đây muốn nói Trịnh Hâm kiếm lời nói lấp liếm, làm cho nhẹ chuyện đi, khiến không ai để ý mà truy cứu nữa.

(4) *Luy*: chịu lấy hậu quả việc làm của người khác. Ở đây ý nói bị hại.

- Hối con vẫy lửa⁽¹⁾ một giờ,
Ông hơ bụng dạ, mụ hơ mặt mày.
15. Vân Tiên vừa ẩm chơn tay,
Ngẩn ngơ hồn phách như say mới rồi.
Ngỡ thân mình phải nước trôi,
Hay đâu còn hãỵ đặng ngồi dương gian.
Ngư ông khi ấy hỏi han,
20. Vân Tiên thưa hết mọi đàng gần xa.
Ngư rằng: “Người ở cùng ta,
Hôm mai hẩm hút⁽²⁾ với già cho vui”.
Tiên rằng: “Ông lấy chi nuôi,
Thân tôi như thể trái mùi⁽³⁾ trên cây.
25. Nay đà trôi nổi đến đây,
Không chi báo đáp mình nầy trơ trơ”.
Ngư rằng: “Lòng lão chẳng mơ,
Dốc lòng nhơn nghĩa há chờ trả ơn?
Nước trong rửa ruột sạch trơn,
30. Một câu danh lợi chi sờn lòng đây.
Rày doi⁽⁴⁾ mai vịnh vui vầy,
Ngày kia hứng gió đêm nầy chơi trăng.
Một mình thông thả làm ăn,
Khoẻ quơ chài kéo; mệt quăng câu dầm.
35. Nghêu ngao nay chích⁽⁵⁾ mai dầm,
Một bầu trời đất vui thắm ai hay.

(1) *Vẫy lửa*: đốt lửa, nhóm lửa.

(2) *Hẩm hút*: chỉ thức ăn đạm bạc của người nghèo (*hẩm*: hư hỏng, tầm thường; *hút*: chỉ gạo không trắng). Ý cả câu: Ông Ngư mời Vân Tiên ở lại nhà mình, cùng chia sẻ rau, cháo đạm bạc.

(3) *Trái mùi*: trái cây quá chín có thể rụng bất cứ lúc nào. Ý Lục Vân Tiên nói mình bệnh tật, không biết chết khi nào, sẽ phụ công ơn ông Ngư.

(4) *Doi*: doi đất, dải đất ven sông.

(5) *Chích*: cái hồ.

Kinh luân⁽¹⁾ đã sẵn trong tay,
Thung dung dưới thế vui say trong trời.
Thuyền nan một chiếc ở đời,
40. Tắm mưa chải gió⁽²⁾ trong vời Hàn Giang”.

(Theo NGUYỄN ĐÌNH CHIẾU, *Truyện Lục Vân Tiên*,
trong *Nguyễn Đình Chiểu toàn tập*, tập I, sách đã dẫn)

Chọn phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 5):

1. Sự việc nào trong văn bản *Lục Vân Tiên gặp nạn* giống với truyện kể dân gian?
 - A. Hiệp sĩ cứu người gặp nạn và được trả ơn
 - B. Người nhân đức bị hại nhưng được cứu giúp
 - C. Ông tiên, ông bụt hiện lên cứu người gặp nạn
 - D. Người nghèo khổ, hiền lành được đền bù xứng đáng
2. Phương án nào nêu đúng đặc điểm truyện thơ Nôm thể hiện qua đoạn trích trên?
 - A. Không có chi tiết, sự việc và cốt truyện
 - B. Nhân vật không chia thành hai tuyến đối lập
 - C. Sử dụng thể lục bát và chữ Nôm
 - D. Sử dụng thể lục bát và chữ Hán
3. Nhận định nào dưới đây phù hợp với cuộc sống của ông Ngư được miêu tả trong đoạn trích?
 - A. Cuộc sống ngoài cỏi thực, đầy thơ mộng
 - B. Cuộc sống nghèo khổ, nhiều gian khó
 - C. Cuộc sống trong sạch, ngoài vòng danh lợi
 - D. Cuộc sống phóng khoáng nhưng buồn sầu

(1) *Kinh luân*: chỉ tài sắp đặt, cai trị quốc gia (khi làm tỵ, kéo từng mối chia ra gọi là *kinh*, so các sợi mà hợp lại gọi là *luân*). Ở đây ý ông Ngư muốn nói: Ông cũng là người có tài kinh luân, trị nước nhưng do thời thế mà sống ẩn dật với nghề chài lưới và trong nghề chài lưới ông cũng chẳng thua kém gì những người có tài trị nước.

(2) *Tắm mưa chải gió*: ý nói nghề chài lưới quen xông pha mưa gió, sống tự do giữa thiên nhiên.

4. Đặc điểm nổi bật về ngôn ngữ trong đoạn trích trên là gì?
- A. Sử dụng nhiều từ ngữ địa phương tạo cho đoạn thơ sắc thái Nam Bộ đậm đà
 - B. Sử dụng hiệu quả nhiều điển cố, điển tích giúp cho ý nghĩa đoạn thơ trở nên sâu sắc
 - C. Dùng nhiều từ Hán Việt giúp cho đoạn thơ mang vẻ đẹp thành kính, trang trọng
 - D. Dùng nhiều từ láy mới mẻ, sinh động cho thấy sự tìm tòi sáng tạo của tác giả
5. Nhận định nào dưới đây nêu **không** đúng về nghệ thuật kể chuyện trong đoạn trích?
- A. Sử dụng ngôn ngữ bình dị, dân dã
 - B. Sắp xếp các tình tiết hợp lí, hấp dẫn
 - C. Tạo diễn biến sự việc nhanh, gọn
 - D. Chú ý khắc họa nội tâm nhân vật
6. Tìm hiểu và nêu bối cảnh của câu chuyện trong đoạn trích.
7. Trịnh Hâm trong đoạn trích là người như thế nào?
8. Nhận xét về vợ chồng ông Ngự trong đoạn trích.
9. Qua đoạn trích, có thể thấy được thái độ, tình cảm của Nguyễn Đình Chiểu đối với người dân lao động như thế nào?
10. Hãy chọn và phân tích một hoặc hai câu thơ mà em thích nhất trong đoạn trích.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

1. Truy cập Internet hoặc tìm trong sách, báo những thông tin về nguồn gốc và sự hình thành, phát triển của chữ Nôm và truyện thơ Nôm.
2. Tìm đọc thêm một số đoạn trích trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, *Truyện Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu và 1 – 2 bài nghiên cứu về hai truyện thơ này.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết và phân tích được ý nghĩa của nhan đề, thông tin cơ bản, đặc điểm văn bản và mối quan hệ giữa đặc điểm với mục đích của văn bản giới thiệu một danh lam thắng cảnh; đánh giá được vai trò của các chi tiết quan trọng trong văn bản; mối quan hệ giữa phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ.
- Nhận biết được nghĩa và cách dùng tên viết tắt của một số tổ chức quốc tế.
- Biết viết bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh, sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ.
- Biết trình bày, thuyết minh về một danh lam thắng cảnh.
- Tự hào về những danh lam thắng cảnh của đất nước, có ý thức tìm hiểu và góp phần bảo vệ các di sản thiên nhiên – văn hoá.

Kiến thức ngữ văn

1. Văn bản thông tin thuyết minh về một danh lam thắng cảnh

Theo Luật Di sản văn hoá, danh lam thắng cảnh là những cảnh quan thiên nhiên đẹp hoặc là địa điểm có sự kết hợp giữa cảnh quan thiên nhiên với công trình kiến trúc có giá trị lịch sử, thẩm mỹ, khoa học. Nước Việt Nam cũng như các quốc gia khác trên thế giới có rất nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng. Mỗi danh lam thắng cảnh đều có vẻ đẹp và giá trị riêng.

Văn bản giới thiệu danh lam thắng cảnh là loại văn bản thông tin tập trung nêu lên vẻ đẹp và giá trị của một cảnh đẹp thiên nhiên nổi tiếng. Thông tin trong loại văn bản này thường được trình bày theo trật tự không gian, thời gian, quan hệ nguyên nhân – kết quả, phân loại các đối tượng hoặc so sánh và đối chiếu,...

Hầu hết nhan đề của loại văn bản thông tin này thường nêu tên các địa danh như: *Vườn quốc gia Tràm Chim – Tam Nông, Cao nguyên đá Đồng Văn,...* Cũng có nhiều nhan đề văn bản nêu giá trị nổi bật của danh lam thắng cảnh được giới thiệu, chẳng hạn: *Vịnh Hạ Long: một kì quan thiên nhiên độc đáo và tuyệt mỹ* hoặc *Khám phá kì quan thế giới: thác I-goa-zu,...*

2. Nghĩa và cách dùng tên viết tắt của các tổ chức quốc tế

Trong giao dịch hiện nay, tên của các tổ chức quốc tế thường xuyên được nhắc tới. Để tiết kiệm thời gian và kinh phí in ấn tài liệu, người ta thường sử dụng tên viết tắt của những tổ chức này. Tên viết tắt được tạo ra bằng cách ghép chữ cái đầu của các từ trong tên đầy đủ. Ví dụ, WTO: *World Trade Organization* (Tổ chức Thương mại Thế giới), IOC: *International Olympic Committee* (Ủy ban Olympic Quốc tế).

Để giao dịch được thuận lợi, trong lần đầu tiên văn bản nhắc đến tên các tổ chức nói trên, người ta thường sử dụng tên viết tắt gắn với tên đầy đủ, ví dụ:

– Dùng tên viết tắt để chú thích sau tên đầy đủ tiếng Việt: “Theo đánh giá của Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), Việt Nam sẽ dẫn đầu khu vực Đông Nam Á về tốc độ tăng trưởng kinh tế trong năm 2004.” (Theo Phí Như Chanh).

– Dùng tên đầy đủ tiếng Việt chú thích sau tên viết tắt tiếng Anh: *Theo đánh giá của ADB (Ngân hàng Phát triển châu Á), Việt Nam sẽ dẫn đầu khu vực Đông Nam Á về tốc độ tăng trưởng kinh tế trong năm 2004.*

Trong tiếng Việt, tên viết tắt của các tổ chức quốc tế, dù viết bằng tiếng Anh hay tiếng Pháp, tiếng Đức,... cũng cần được đọc theo tên chữ cái tiếng Việt (với một số ngoại lệ và một số chữ cái tiếng nước ngoài: D đọc là “Đê”; O đọc là “Ô”; F đọc là “Ép-phờ”; J đọc là “Gi”; W đọc là “Vê-kép”; Z đọc là “Giét”). Ví dụ: ADB phát âm là “A Đê Bê”, chứ không phải là “Ây Đì Bì”; WTO phát âm là “Vê-kép Tê Ô”, chứ không phải là “Đáp-bliu Ti Âu” theo tên chữ cái tiếng Anh.

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

1 Vịnh Hạ Long: một kì quan thiên nhiên độc đáo và tuyệt mỹ

1 Chuẩn bị

– Xem lại phần *Kiến thức ngữ văn* và những hiểu biết về văn bản thông tin nói chung để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.^(*)

– Đọc trước văn bản *Vịnh Hạ Long: một kì quan thiên nhiên độc đáo và tuyệt mỹ*, tìm hiểu thêm thông tin về vịnh Hạ Long.

^(*) Khi đọc hiểu các văn bản thông tin khác trong Bài 3, học sinh cần vận dụng các gợi ý ở đây.

– Em đã biết gì về vịnh Hạ Long và muốn biết thêm gì về danh lam thắng cảnh nổi tiếng này?

– Hãy chuẩn bị thông tin về một danh lam thắng cảnh mà em biết để giới thiệu với bạn cùng lớp.

2 Đọc hiểu

Vào lúc 17 giờ 17 phút ngày 14-12-1994, tại khách sạn du lịch Lơ Me-ri-diêng (Le Meridien) nổi tiếng của thành phố Phu-kết (Phuket) – miền Nam Thái Lan, Hội đồng Di sản thế giới, tại kì họp lần thứ 18, đã ghi nhận vịnh Hạ Long của Việt Nam vào danh mục Di sản thế giới.

Phần mở đầu nêu thông tin chính gì?

Thuyết trình về những giá trị ngoại hạng và giá trị toàn cầu của vịnh Hạ Long tại Hội đồng Di sản thế giới trước khi biểu quyết, ông Giêm Tho-sen (James Thorsell), Giám đốc Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế (IUCN) của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá Liên hợp quốc (UNESCO), đã đánh giá vẻ đẹp của Hạ Long như sau: “Những ngọn núi đá nhô lên từ mặt nước Hạ Long là một cảnh độc đáo tự nhiên với một sự tuyệt mỹ của thiên nhiên ưu đãi, đặc biệt là các di sản khảo cổ. Nó xứng đáng được bảo quản và ghi vào danh mục di sản thế giới theo tiêu chuẩn một Di sản thiên nhiên.”.

Chú ý tên viết tắt của các tổ chức quốc tế

Đánh giá trên của ông Giêm Tho-sen không phải là mới mẻ và bất ngờ, bởi trước ông khoảng 550 năm, đại thi hào Nguyễn Trãi, trong một chuyến chu du đến Vân Đồn, đã đắm say trước vẻ đẹp tuyệt mỹ của Hạ Long và khẳng định:

Lộ nhập Vân Đồn san phục san

Thiên khôi địa thiết phó kì quan

Dịch là:

Đường đến Vân Đồn lắm núi cao⁽¹⁾

Kì quan đất dựng giữa trời cao

Việc dẫn thơ Nguyễn Trãi ở đây có tác dụng gì?

(Trích bài *Vân Đồn* – Đào Duy Anh dịch)

Có lẽ Nguyễn Trãi là danh nhân đầu tiên và sớm nhất khẳng định vịnh Hạ Long là một kì quan.

Vậy vẻ đẹp nào của Hạ Long là “độc đáo” với một sự tuyệt mỹ của thiên nhiên ưu đãi” như Hội đồng Di sản thế giới đánh giá?

(1) Chữ *phục* có nghĩa *nếp vào, áp mặt vào, phục xuống*. Vì vậy, có thể hiểu câu thơ *Lộ nhập Vân Đồn san phục san* là *Đường đến Vân Đồn núi áp núi* hoặc *Đường đến Vân Đồn núi nhấp nhô*.

1. Vịnh Hạ Long là tác phẩm nghệ thuật thiên nhiên hoành tráng

Vịnh Hạ Long là tác phẩm nghệ thuật tạo hình kì vĩ của tạo hoá, kết hợp hài hoà giữa điêu khắc và hội hoạ, giữa tính hoành tráng khoẻ khoắn với nét duyên dáng mơ mộng.

Tiêu đề mục 1 cho biết nội dung chính của phần này là gì?

Trái Đất này không có vùng biển đảo nào như Hạ Long. Trên diện tích không rộng, mọc lên hàng nghìn đảo đá muôn hình muôn vẻ, tựa tấm thảm xanh lồng lẫ, lấp lánh vô số châu ngọc. Đảo có chỗ quần tụ lại, xúm xít, trông xa ngỡ chồng chất lên nhau, thoát nhìn, tưởng là những tảng than kíp lê⁽¹⁾ khổng lồ từ tầng Đèo Nai⁽²⁾ lăn xuống vịnh. Có chỗ đảo đứng dọc ngang, xen kẽ nhau, tạo nên tuyến chạy dài hàng chục ki-lô-mét, như bức trường thành vững chãi, ngăn khơi⁽³⁾ với lộng⁽⁴⁾. Có chỗ đảo tách ra, đứt nối, gãy khúc nhấp nhô,...

Chú ý những chi tiết làm sáng tỏ cho tiêu đề 1?

Đảo Hạ Long không phải là những quả núi đá đơn điệu, buồn tẻ, mà là thế giới sống động với những sinh linh ẩn hiện trong biết bao hình hài bí ẩn bằng đá. Đảo này thì giống ông già ngồi câu cá (hòn Lã Vọng), đảo kia tựa như nhà sư đứng chấp tay niệm Phật (hòn Ông Sư), đảo nọ y hệt đôi gà chọi nhau trên sóng nước (hòn Gà Chọi) hay chú đại bàng đậu trên mỏm đá rình mồi (hòn Đại Bàng),... Dường như các đảo đá đều có nội tâm, đều có suy nghĩ, khát vọng và hoài niệm về quá khứ như những sinh linh.



Ảnh: mia.vn

*Hạ Long! Bái Tử Long! Rong đã khuất rồi, chỉ còn có đá
Những đêm trăng đá suy nghĩ như người
Khi xuân đến, đá động lòng thương nhớ
Khi hè gọi, đá xôn xao trong dạ đá...*

(Chế Lan Viên, *Cảnh phong lan bể*)

Đi giữa Hạ Long, với hàng nghìn đảo đá sừng sững, trăm hình nghìn dáng nhấp nhô, ta có cảm giác như đi giữa một thế giới động vật trải qua hàng triệu năm hoá đá.

(1) *Kíp lê*: than đã qua sàng lọc.

(2) *Đèo Nai*: tên ngọn núi chứa mỏ than lớn ở Quảng Ninh.

(3) *Khơi*: vùng biển xa bờ.

(4) *Lộng*: vùng biển gần bờ.

Tại chân các đảo đá, chỗ gặp mé mặt nước, biển cả đã càn cù chạm khắc vào chân đảo nhiều hình dáng kì lạ, tầng tầng, lớp lớp, trông xa tựa bức phù điêu uốn lượn quanh chân đảo. Trải qua hàng triệu năm, với sự tác động không ngừng của nước biển (muối) và đá vôi (canxi), hình tượng chạm khắc quanh chân đảo hằn sâu xuống, làm cho chân đảo vệt⁽¹⁾ hẳn, nhiều chân đảo trở nên mảnh khảnh, không còn cân đối với cái thân đồ sộ của nó, tạo nên những hình tượng kì dị, ngộ nghĩnh, trông chỉ với một cơn gió cấp năm, cấp sáu, những đảo ấy có thể đổ rầm xuống biển. Điểm xuyết giữa cái thế giới điêu khắc kì lạ nhưng còn ở dạng phác thảo ấy là những khối kiến trúc uy nghi được tạo dựng bởi bàn tay tài hoa của nhà kiến trúc sư tạo hoá. Có đảo hình trụ tứ giác bề thế, bốn mặt phẳng lì, đen bóng như được ghép bằng ván gỗ lim bào nhẵn (hòn Mái Nhà). Có đảo cong cong giống chiếc ngà voi, càng lên cao càng thon nhỏ và nhọn sắc (hòn Ngà Voi). Có đảo được cấu trúc bởi những phiến đá vuông vức chồng lên nhau, trông chông chênh, nhưng trải qua hàng triệu năm vẫn bền vững trên sóng nước (hòn Xếp). Có đảo đứng sừng sững, trầm mặc, án ngữ một hướng nhìn ra cửa biển (hòn Pháo Đài),... [...]

Những biện pháp tu từ nào được sử dụng trong đoạn này?

Mặt vịnh Hạ Long, chỗ mênh mông khoáng đạt, chỗ thất lại như ao, vũng, chỗ bị kẹp giữa hai triền đảo như con kênh, chỗ uốn quanh chân đảo mềm mại tựa dải lụa xanh. Vẻ duyên dáng của Hạ Long là cái lung linh bát ngát, cái tĩnh lặng, huyền ảo của nước trời: “Núi thì lấp lánh bóng nước, nước thì lênh láng lưng trời” (Chúa Trịnh Cương⁽²⁾). Bốn mùa Hạ Long xanh một màu xanh đậm thắm. Màu xanh biếc của biển. Màu xanh lam của núi. Màu xanh lục của trời. Màu xanh ấy trường cửu, bát ngát, trẻ trung.

2. Cảnh quan Hạ Long biến đổi theo góc nhìn và thời gian

Chiêm ngưỡng Hạ Long, không gì thú bằng đi trên con thuyền buồm khe khẽ nhích lướt, len lỏi giữa rừng đảo huyền bí, ngắm nhìn trời nước ẩn hiện. Từ Bãi Cháy, vượt qua trũng biển Hòn Gai hình cánh quạt, hướng tới vùng đảo núi phía nam và đông nam, trông xa như bức trường thành sừng sững, nổi mặt bệ với chân trời. Nhưng khi đến gần, bức trường thành đột ngột rạn vỡ, biến thành những đảo núi tách biệt lớn nhỏ lô nhô. Những ngõ ngách quanh co đột nhiên mở ra trước mặt, rồi đột nhiên khép lại. Đằng sau các ngõ ngách ấy, có khi là vòm trời xanh trũng sáo với dải mây bông trắng muốt lơ lửng, có khi là mảng khơi sóng vỗ với cánh buồm nâu hoặc tím đang lướt vôi. Chưa hết ngõ ngách cảnh vật này thì trước mắt lại bỗng hiện lên một cảnh vật khác, mới lạ và đầy vẻ quyến rũ. Có khi đang luồn lách giữa những khe lạch chật hẹp, chợt một dãy đảo sừng sững vụt hiện

Dự đoán nội dung chính của phần 2.

(1) Vết: mòn hẳn đi.

(2) Trịnh Cương (1686 – 1729) là vị chúa Trịnh sống ở thời Lê Trung Hưng trong lịch sử Việt Nam.

lên, chặn ngang lạch nước, ngõ đã cùng đường. Nhưng không, lúc đến gần, dãy đảo như né mình, mở ra những lối ngoặt quanh co bất ngờ, dẫn sâu vào rừng đảo trầm mặc. Cảnh tượng đó không khác trò chơi ú tim giữa con người và thiên nhiên, tạo nên cảm xúc choáng ngợp đối với du khách. [...]

Hạ Long vào buổi sớm mùa xuân thật huyền ảo. Giữa màn sương bạc mỏng lung nhô lên thấp thoáng những đỉnh đảo xanh đen, bông bành, lúc ẩn lúc hiện. Những ngọn núi đá vốn vững chãi, bề thế, cứng cáp bỗng trở nên mềm mại, thanh tú, uyển chuyển khác thường, như được vẽ bằng những nét bút lông chấm phá.

Vẻ đẹp và cái thú ở Hạ Long được khắc hoạ theo trình tự nào?

Cái thú ở Hạ Long vào buổi sáng mùa hè, cùng với đón gió nồm nam và tắm biển, là chiêm ngưỡng cảnh Mặt Trời mọc. Khi vầng thái dương nhô lên trên biển cả là lúc bình minh như ánh đuốc vọt lên sáng rực. Bó đuốc leo lên đỉnh đầu, chiếu đỏ bầu trời còn rực rỡ đủ màu sắc hồng, da cam và vàng óng. Ở đằng xa, treo trên đỉnh Bài Thơ, hạt kim cương nhỏ xíu của ngôi sao Thần Nữ còn chưa tắt. Giữa mặt vịnh mênh mông xanh ngắt và tím tím nhô lên những tảng đá vôi hình thù kì dị và dường như được bút sơn của một họa sĩ quét lên vô số màu sắc, từ màu xanh ngọc bích đến màu đỏ nâu và vàng. Chính ở đây và lúc này, như chiếc đàn thất huyền⁽¹⁾, biển cả ung dung rung lên âm thanh réo rắt của gió và dạt dào của sóng.

Trưa hè, nắng rải trên mặt vịnh gọn sóng lăn tăn vô số sợi bạc lóng lánh. Đảo san sát vuron dài, nằm phơi tằm ngực cường tráng, trần trụi. Đây đó, hoa phong lan bám lũng lảng trên vách núi, nở cánh vàng, trắng, tím mềm mại, toả mùi hương êm dịu vào không gian trong lành của biển.

Chiều hè, khi đảo đá từ màu lam ngả sang màu tím sẫm, là lúc Mặt Trời cháy tàn ngọn lửa vàng, chỉ còn lại một quả cầu than đỏ rực dịch dần về phía tây, rồi khuất sau dãy đảo, hắt lên chân trời ráng vàng hình rẻ quạt. Giữa không gian đang chuyển màu, bỗng vang lên rộn rã bên bờ Bãi Cháy âm thanh nhiều cung bậc của sự sống chứa chan “khúc nhạc đời” (Huy Cận, *Một đêm thức trong mưa bão*).

Nếu đến Hạ Long vào một đêm trăng thu, sẽ thấy Hạ Long diễm lệ và huyền bí biết bao! Mặt vịnh yên tĩnh như tấm gương phản chiếu ánh trăng sáng bạc, lóng lánh tựa thuỷ ngân. Lúc trăng lên, trăng tà, trong tiếng lao xao của gió và sóng, đảo đá trầm tư ẩn hiện giữa mảng tối mảng sáng xen kẽ, trở nên xa lạ và bí mật.

Đêm trăng thu ở Hạ Long có gì độc đáo?

Cảnh quan biến đổi trong chớp mắt theo góc nhìn và thời gian của Hạ Long, là vẻ đẹp độc đáo và đặc sắc, chỉ ở môi trường biển đảo mới có được.

(1) *Đàn thất huyền*: một nhạc cụ cổ truyền có bảy dây, thuộc họ đàn tam thập lục.

3. Hệ thống hang động như những lâu đài bí ẩn

Vẻ đẹp của Hạ Long không chỉ phô bày ở dáng núi, sắc trời mà còn ẩn giấu trong các hang động. Hạ Long có hàng chục hang động mở trong lòng núi đá, phân bố nhiều nơi trên mặt vịnh nhưng tập trung chủ yếu trong khu vực di sản thế giới. Các hang động có quy mô, kiểu dáng, màu sắc đa dạng và phong phú.

Trong các hang động đã được phát hiện và đón khách đến tham quan, động Thiên Cung tuy mới tìm thấy nhưng có sức hấp dẫn kì lạ. Đường lên thăm động bám theo vách đá dốc ngược, luồn trong tán dây leo ngan ngát hương phong lan và thi thoảng vọng lên tiếng chim chuyền như chào mời. Du khách thăm động vừa có cái thú vui leo núi, vừa có cái háo hức như đang đi lên trời.

Động Thiên Cung có tiết diện⁽¹⁾ chữ nhật, rộng khoảng 25 mét, dài khoảng 120 mét, cao trên 20 mét, chiều dài nằm theo hướng bắc – nam. Đứng trước cửa động nhìn vào, thoát trông, ta đã có cảm nhận động có quy mô to lớn, khoáng đạt và bị quyến rũ trước sự tạo tác kì vĩ, lộng lẫy của thiên nhiên. Trên vách động đông và tây đối diện là hai bức tranh hoành tráng, chạm nổi nhiều hình, đường nét mềm mại, uyển chuyển và những khối điêu khắc có quy mô lớn, thô ráp với nét chạm khắc cách điệu khoẻ khoắn. Nơi này là voi phục, ngựa phi, hổ vờn. Nơi kia là những chiến binh, giáp mã với đao kiếm sáng loáng, tua tủa. Ngược lên trên hang phía đông, ta bàng hoàng bắt gặp những hình tượng sống động nơi thượng giới. Đây là Ngọc Hoàng, Thiên Lôi, Nam Tào, Bắc Đẩu râu tóc như mây. Kia là những tiên nữ xinh xắn, xiêm y lộng lẫy, thướt tha đang múa hát. Treo lơ lửng trên trần hang là chiếc gậy đá thần diệu của Tôn Ngộ Không từng làm náo động thiên cung, chốc chốc lại phát sáng. Chiếc gậy đá dài hai mét, tiết diện tròn, thẳng tắp như có bàn tay ai khéo léo đặt một đầu lên cột thạch nhũ đứng sừng sững giữa trần hang, đầu kia tựa vào vách động phía đông. Mỗi vách động là một kì công, mỗi ngăn hang là một tuyệt tác. Đứng dưới vòm động cao rộng, màu thạch nhũ xanh ánh như dát bạc, giữa thế giới những hình hài kì dị, vừa thật vừa ảo, ta ngỡ như lạc vào chốn thiên cung thần bí mà choáng ngợp.

Chú ý vẻ đẹp đa dạng của hang động ở Hạ Long.

Khác với động Thiên Cung (của hang mở giữa lưng chừng núi), hồ Ba Hầm, đáy là mặt vịnh, trần cách mặt nước 4 – 5 mét khi triều xuống thấp. Hồ Ba Hầm nằm giữa một hòn đảo đá lớn có tên Đầu Bê, tiếp giáp với vùng biển Long Châu bát ngát. Cửa hang hình bán nguyệt nhìn ra bên vách đá bằng phẳng ở phía tây bắc của đảo. Đáy cửa hang là mặt nước thông với dòng hải lưu uốn lượn khuất khúc chảy từ Cửa Vạn vào. Hồ Ba Hầm là một hệ thống gồm ba trũng

Hồ Ba Hầm có gì độc đáo?

(1) *Tiết diện*: một hình phẳng có được khi cắt một hình khối bằng một mặt phẳng. Ở đây chỉ độ lớn của hang.

biển, có tiết diện tròn, vách dựng đứng thành vại, thông với nhau từng đôi qua một hang luôn hẹp và quanh co. Du khách vào chơi hồ Ba Hầm phải đi bằng xuồng hay thuyền con qua hang luôn, nhích dần từng mái chèo giữa rừng thạch nhũ nhiều kiểu dáng lô nhô, màu sắc rực rỡ từ trần hang rủ xuống lơ lửng. Giữa không gian yên ắng đến kì lạ là cuộc sống hồn nhiên, sôi động của các loài cá, tôm, cua đang đua bơi dưới lòng nước xanh lung linh.

Qua hang luôn, gặp trũng biển hình tròn chẳng khác gì mặt giếng khổng lồ. Cây khế cổ thụ xum xuê hoa trái ở cạnh cửa hang là nơi hội tụ náo nhiệt các loài sóc bay, khi đít đỏ, vệt đầu bạc, chim xanh mắt thau,...

Xưa nay, vẻ đẹp của Hạ Long trở thành nguồn cảm hứng vô tận cho các sáng tạo của thơ ca, âm nhạc, nhiếp ảnh, hội hoạ, điện ảnh,... Nhưng, đứng trước vẻ đẹp kì ảo, vừa thơ mộng vừa hoành tráng của Hạ Long thì các tác giả đều cảm thấy tác phẩm của họ chưa xứng với hiện thực. Nhà thơ, nhà văn hoá lớn của Trung Quốc Quách Mạt Nhược, trong bài thơ *Cảm hứng trong khi chơi thuyền trên vịnh Hạ Long*, viết ngày 20-7-1957, đã thổ lộ:

*Cảnh trước mặt cho tôi vài thi từ
So với cảnh diệu kì, thơ có cũng như không*

Ý của Quách Mạt Nhược qua câu thơ là gì?

(Hoàng Trung Thông dịch)

Bài viết của chúng tôi chắc chắn cũng không thể hiện đầy đủ vẻ đẹp “đầy li kì và rất mộng mơ” của Hạ Long (thơ của Mi-rây Gan-sen (Mireille Gansel) – Pháp, bài *Vịnh Hạ Long*). Dầu vậy, qua mấy lời giới thiệu, nếu gặp bạn tri âm cũng là điều hạnh phúc đối với người viết.

Theo THI SÁNH

(Tạp chí *Di sản văn hoá*, số 8, năm 2004)



1. Nhan đề của văn bản thể hiện sự đánh giá như thế nào về kì quan vịnh Hạ Long?
2. Các đề mục nhỏ và nội dung của văn bản đã triển khai vấn đề được nêu ở nhan đề như thế nào? Trình bày bố cục văn bản theo một sơ đồ.
3. Vì sao văn bản *Vịnh Hạ Long: một kì quan thiên nhiên độc đáo và tuyệt mỹ* được coi là văn bản thông tin? Trong văn bản này có sự kết hợp của các phương thức biểu đạt nào? Chỉ ra tác dụng của sự kết hợp ấy.
4. Phân tích những giá trị của vịnh Hạ Long được nêu trong văn bản.
5. Học xong văn bản, em có được những hiểu biết gì về vịnh Hạ Long và còn muốn biết thêm những thông tin gì về địa danh nổi tiếng này?
6. Nếu được giới thiệu một số nét về danh lam thắng cảnh nổi tiếng của quê hương, em sẽ nêu các thông tin nào?

2

Khám phá kì quan thế giới: thác I-go-a-zu^(*)

1 Chuẩn bị

- Đọc trước văn bản *Khám phá kì quan thế giới: thác I-go-a-zu* và liên hệ với những danh lam thắng cảnh khác.
- Tìm hiểu một số kì quan thế giới liên quan đến các di sản thiên nhiên.

2 Đọc hiểu

Thác nước khổng lồ I-go-a-zu nằm ở vùng biên giới giữa hai quốc gia Nam Mỹ là Bra-xin (Brazil) và Ác-hen-ti-na (Argentina). Đây là một kì quan thiên nhiên thế giới đã được Tổ chức Bảy kì quan thiên nhiên thế giới mới (NOWC) – vinh danh chính thức từ tháng 11-2011.

Chú ý các thông tin chính về thác I-go-a-zu.

Thác I-go-a-zu có lưu lượng dòng chảy trung bình hằng năm lớn nhất thế giới, với khoảng 275 đến 300 ngọn thác (tùy vào từng mùa nước) trắng như tuyết, dài từ 64 đến 85 mét, thả mớ màng và bạo liệt như những mái tóc trắng buông toả từ đỉnh trời.



Do sự đứt gãy kì vĩ của hiện tượng núi lửa phun trào từ thượng cổ, mảng kiến tạo lục địa được nâng cao rồi trời sục với độ dốc lớn, trong một giây, lượng nước từ đỉnh thác ụp xuống phần lãnh thổ biên thủy hai quốc gia ở chân thác I-go-a-zu lên tới 450 000 mét khối.

(*) Nhan đề do người biên soạn sách đặt.

Xứ sở của những “kì quan tạo ra bởi Đức Chúa Trời”

Từ năm 1541, tức là hơn 400 năm qua, người Bồ Đào Nha, khi xâm chiếm thuộc địa Nam Mỹ, đã chính thức biết đến và ca tụng sự vĩ đại mang tính kỉ lục thế giới của thiên đường tự nhiên thác I-go-a-zu này. Sách vở, báo chí viết rõ, từ năm 1876, trong một cuốn sách nổi tiếng, tác giả An-đơ Rê-bu-ca (Andre Reboucas) đã mô tả thác “đẹp tuyệt vời”, là “kì quan tạo ra bởi Đức Chúa Trời”.

Ý nghĩa của đề mục in đậm này là gì?

Từ Việt Nam, chúng tôi đến bang biên giới Pa-ra-na (Parana) của nước bạn Bra-xin sau hành trình 23 giờ bay trên bầu trời, đây là chưa cộng thêm một giờ bay nội địa từ thành phố hoa lệ và cuồng nhiệt Xao Pao-lô (Sao Paulo). Ông cụ ngoài 70 tuổi vừa lái xe tắc xi (taxi) chở khách vừa vỗ vô lăng, hát vang một bài dân ca do chính ông phóng tác bằng tiếng Bồ Đào Nha. [...]

Quanh thác nước nhiều ngọn, nhiều nhánh I-go-a-zu, họ tổ chức “thủy, lục, không quân” phục vụ du khách đủ cả. Bạn có thể đi bộ xuyên rừng, thưởng thức ẩm thực và trải nghiệm văn hoá hoà nhập với thiên nhiên theo phong cách Pa-ra-goay (Paraguay), hoặc theo văn hoá của người Bra-xin rồi Ác-hen-ti-na.

Tìm hiểu nghĩa của cụm từ “thủy, lục, không quân”.

Đi thăm các vườn chim, khu quần tụ muông thú ở phía Bra-xin. Đạp xe xuyên các lối mòn của hai quốc gia. Hoặc, bay trên trực thăng, ngắm hồ thủy điện I-tai-pu (Itaipu) là tài sản chung của hai quốc gia Pa-ra-goay và Bra-xin, nơi từng nhiều thập niên là hồ thủy điện lớn nhất thế giới, trước khi đập Tam Hiệp của Trung Quốc ra đời. Hoặc chơi trò dù lượn, tung mình, nhảy ra khỏi máy bay trực thăng, bung dù, rồi thung thăng bay trên bầu trời như chim đại bàng, ngắm thác nước, rừng nguyên sinh từ trên chín tầng mây.

Có những trải nghiệm gì ở thác I-go-a-zu?

Trải nghiệm thiên nhiên trên bộ, trên không, rồi chúng tôi lại được đưa đi chơi trò dưới nước. Đi thuyền xuyên qua các ngọn thác cao, lao thẳng vào phía “Họng quỷ” – trung tâm của thác I-go-a-zu vài trăm nhánh với lưu lượng nước lớn nhất thế giới. Quả là một trải nghiệm... sừng sốt và khá kinh hoàng!

Ván bài sinh tử ở huyệt đạo thác I-go-a-zu

Sau khi đi bộ dọc các cánh rừng, với nhiều điểm chiêm ngưỡng thác I-go-a-zu được xây dựng công phu, tiện nghi ở dọc đường, chúng tôi được đưa lên thang máy dựng đứng, bấm nút lên đỉnh cao ngắm toàn cảnh thác. Dọc đường, các loài chim to lớn bay rợp trời, cây hương,

Từ đề mục in đậm, dự đoán nội dung của phần này.

kì đà, nhiều loài hoang dã quý hiếm nhón nhơ chơi. Chúng tôi ngắm thác, từ Bra-xin sang Ác-hen-ti-na. Tuy nhiên, việc xông vào trung tâm “Họng quỷ” luôn là một thách thức được lan truyền, số người dám tham gia khám phá việc mạo hiểm này không nhiều.

Nai nịt gọn gàng, lên xe điện đi dọc lối mòn, xuyên qua các khu bảo tồn xanh um, ngây ngất trước hệ sinh thái rừng nhiệt đới Bra-xin, chúng tôi được đưa đến một đường ray lớn. Tất cả leo lên cái lồng sắt, rồi nó từ từ trượt theo ray, chìm dần từ mỏm núi cao xuống sát mép nước sông I-go-a-zu cuộn xiết.

Dòng nước biên thủy lạnh ngắt, cây xanh trùm phủ từ dốc cao xuống sát mép nước. Chiếc tàu nhỏ, sơn trắng, có ghế ngồi và dây bảo hiểm, phao cứu sinh. Dù được cảnh báo trước là không nên mang gì và chỉ mặc quần áo kiêu đi tắm biển, tuy nhiên, các lữ khách mê mải với thiên nhiên vẫn cố gắng mang theo máy ảnh và điện thoại, với hi vọng ghi lại được những hình ảnh để đời.

Điều hết sức bất ngờ là người ta có thể làm tour⁽¹⁾ dữ dội và có phần mạo hiểm cũng như đáng nhớ suốt đời đến vậy. Tàu chao đảo, nước xoáy làm tất cả xoay vòng, rồi lồng thuyền bị nước té ngập quá mắt cá chân người.

Tiếng nước gầm thét ào ào như có muôn vàn con quỷ gào thét. Có lẽ, ngoài việc giống về hình dáng, cái kì quan huyết địa / huyết thủy “Họng quỷ” ấy đang phát ra âm thanh cuồng nộ đến mức “chết danh” thành tên gọi. Cuối cùng, sau khi lùi, lấy đà, vào cua, trong hoàng hôn vàng lênh láng như rót mật, tất cả chúng tôi bất ngờ lao thẳng vào các con thác. Nước từ trời cao đổ xuống như ai đó hất chậu nước lớn vào cái lá tre trôi trên sông, mà chúng tôi chỉ là lũ kiến bò trên lá mục.

Vì sao gọi đây là đi vào “Họng quỷ”?

Tất cả nín thở, lên gồng, vài trăm ngọn thác thi nhau gào thét. Toàn thân lạnh buốt, ướt như chuột lột. Biển nước cuộn cuộn, rót thẳng vào cơ thể bạn. Sức nước quả là vô biên, nếu tàu không biết tự cân bằng như con lật đật, nếu không kịp thời thoát ra ngay lập tức thì chắc chắn tất cả sẽ bị lật úp.

Chú ý bút pháp miêu tả của tác giả.

“Họng quỷ” được tạo thành khi một nửa con sông ghềnh thác với lưu lượng nước 450 000 mét khối mỗi giây đổ ụp từ đỉnh xuống chân khối đứt gãy do núi lửa hoạt động khi xưa. Theo tiếng Bồ Đào Nha, ngôn ngữ quốc gia của Bra-xin hiện nay, thì tên địa danh Ga-gan-ta đô Đì-a-bô (Garganta do Diabo) này chiết tự ra nghĩa là “Cổ họng của con quỷ”.

(1) *Tour* (tua): chuyến đi được chuẩn bị trước bao gồm tham quan một hay nhiều điểm du lịch và quay trở về nơi khởi hành.



Con quý “há môn” như ngâm nước, như phun nước, với đường kính cổ họng của nó đã được đo đạc và công bố trong hồ sơ kì quan thiên nhiên thế giới: cao 82 mét, rộng 150 mét, dài 700 mét. Cái cổ họng không lồ và vô cùng gợi cảm, gợi hình này là điểm đến không thể thiếu của tất cả du khách tới I-goa-zu.

Chú ý các con số.

Lao vào “Họng quý” trở về, phát cuồng lên trước vẻ đẹp của thiên nhiên hoang dã và sức mạnh kinh thiên của mẹ Trái Đất ở khu vực này, ai nấy trong chúng tôi đều ướt lút thút, lạnh căm căm. Cuộc đời không chỉ là dấu cộng của những hơi thở suốt dọc dài kiếp sống, mà quan trọng hơn, nó còn là những giây phút mà thiên nhiên lộng lẫy và con người tử tế đã khiến bạn phải nín thở rung rung. Một đoạn đời khiến mình nín thở thật tuyệt vời!

Câu văn nào nêu lên suy nghĩ của tác giả?

Theo ĐỖ DOÃN HOÀNG
(laodong.vn, 23-11-2019)




1. Văn bản *Khám phá kì quan thế giới: thác I-goa-zu* gồm những phần nào? Thông tin chính của mỗi phần và nội dung chính của toàn bộ văn bản là gì?
2. Xác định mục đích của văn bản. Người viết đã triển khai nội dung làm sáng tỏ mục đích ấy như thế nào?
3. Phân tích đặc điểm và giá trị của thác I-goa-zu.
4. Phân tích nghệ thuật miêu tả của tác giả thể hiện trong văn bản, dẫn ra một số câu văn giàu hình ảnh giúp người đọc như được chứng kiến con thác cùng tác giả.
5. Các hình ảnh trong văn bản có tác dụng bổ sung thông tin và khơi gợi cảm xúc của người đọc như thế nào?
6. Ở Việt Nam có những thác nước nổi tiếng nào? Em hãy tìm hiểu thông tin về một con thác mà em thích để giới thiệu với mọi người.

Nghĩa và cách dùng tên viết tắt của các tổ chức quốc tế

1. Ghép tên viết tắt của các tổ chức quốc tế ở bên A với tên tiếng Việt phù hợp ở bên B:

A. Tên viết tắt	B. Tên tiếng Việt
a) EU	1) Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá Liên hợp quốc
b) IAEA	2) Tổ chức Y tế Thế giới
c) UNESCO	3) Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc
d) UNICEF	4) Liên minh châu Âu
e) WHO	5) Cơ quan Năng lượng nguyên tử Quốc tế

 a) – 4)

2. Tìm tên viết tắt của các tổ chức quốc tế phù hợp với chỗ có kí hiệu ★ trong những câu dưới đây:

a) Theo đánh giá của **Quỹ Tiền tệ Quốc tế** (★) và **Ngân hàng Thế giới** (★), kinh tế thế giới năm 2003 đạt mức tăng trưởng 3,2%. (Theo Phí Như Chanh)

b) Việt Nam gia nhập **Tổ chức Thương mại Thế giới** (★) là một sự kiện quan trọng trong đời sống kinh tế – xã hội của nước ta. (Theo Ủy ban Quốc gia về Hợp tác Kinh tế quốc tế)

3. Tìm ba tên viết tắt của các tổ chức quốc tế mà em biết (ngoài những tên đã có ở các bài tập 1, 2). Nêu tên tiếng Việt của những tổ chức đó.

4. Viết một đoạn văn (khoảng 5 – 7 dòng) trình bày hiểu biết của em về một tổ chức quốc tế mà Việt Nam tham gia, trong đoạn văn có sử dụng tên viết tắt của tổ chức đó.

THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU



Vườn quốc gia Tràm Chim – Tam Nông^(*)

1 Chuẩn bị

- Đọc trước văn bản *Vườn quốc gia Tràm Chim – Tam Nông* và tìm hiểu thêm thông tin về những danh lam thắng cảnh ở Nam Bộ.
- Nếu được đi thăm Vườn quốc gia Tràm Chim, em muốn biết những thông tin gì?
- Em có biết một địa danh nào tương tự như Vườn quốc gia Tràm Chim – Tam Nông không?

2 Đọc hiểu

(1) Tại huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, có một Tràm Chim. Theo cách hiểu của người địa phương, “tràm” là cây tràm, rừng tràm; “Tràm Chim” có nghĩa là khu rừng tràm có chim sinh sống⁽¹⁾. Tràm Chim có cảnh sắc thiên nhiên tươi đẹp, thanh bình, giúp cho du khách quên mọi cảm giác mệt mỏi, căng thẳng trong cuộc sống, vì vậy, Tràm Chim luôn thu hút lượng lớn du khách tham quan.

Đoạn mở đầu cho biết thông tin gì?

Tràm Chim tại Tam Nông là khu bảo tồn thiên nhiên ngập nước rộng 7 612 héc-ta, nằm giữa bốn xã Phú Đức, Phú Hiệp, Phú Thọ và Tân Công Sính, cách thị trấn Tam Nông 800 mét đường chim bay.

Khu thiên nhiên này có những đám rừng sậy, lau, sen, súng, lúa ma (còn gọi là lúa trời, mọc hoang dã tự nhiên), lác, năng,... cùng nhiều động vật bò sát như rắn, rắn, lươn, rùa; các loại cá đồng; nhiều loại như chim nước, cò, vịt trời, diệc, công cộc; nhiều loại chim sếu, đặc biệt, trong đó có nhiều sếu cổ trụi đầu đỏ là loại chim quý hiếm.

Chú ý các loài sinh vật ở đây.

(2) Hằng năm, loài sếu này kéo đến Tràm Chim – Tam Nông vào mùa khô. Chúng ăn củ năng, cùng nhiều loài chim khác sống thành từng đàn, bay khá đông, trông rất vui mắt.

(*) Nguyên văn: *Vườn quốc gia Tràm Chim, Tam Nông, Đồng Tháp.*

(1) Theo một cách giải thích khác thì “tràm” là biến âm của từ “chằm” – chỉ vùng đất thấp bỏ hoang, thường bị ngập nước.

Sếu to, cao đến trên 1,7 mét, bộ lông xám mượt, cổ cao, đầu đỏ, đôi cánh dang rộng khi bay. Chim sếu rất chung thủy với nhau, bao giờ cũng cặp đôi vui đùa, nhảy múa, gần gũi với loài người từ khá lâu nay.

Tại sao sếu đầu đỏ được tập trung nói nhiều ở văn bản này?

Đối với người Việt Nam, sếu là loài hạc⁽¹⁾, nhất là sếu đầu đỏ, biểu tượng của sức mạnh, sự trường tồn và lòng thủy chung. Trong các đình, chùa và nhiều bàn thờ của gia đình Việt Nam có những hình tượng chim hạc ở các bộ đồ thờ như hạc đội đèn, hạc châu. Trên mặt trống đồng cổ cũng có hoa văn chim hạc bay thành đoàn cùng về một phía.

Chim hạc biểu tượng cho điều gì?

Các nhà nghiên cứu về chim hoang dã đã mô tả chúng là “sứ thần của môi sinh” là “nhà quý tộc đáng yêu trong các loài chim”. Sếu hay hạc có dáng vẻ cao ráo, thanh tú gây ấn tượng mạnh mẽ nhất cho người yêu thích và có tâm hồn nghệ sĩ.

(3) Từ tháng 3 đến tháng 7, sếu từ các nơi xa lạ kéo nhau quy tụ về Tràm Chim – Tam Nông khá đông đảo. Sự hiện diện trở lại của sếu ở nước ta sau nhiều năm vắng bóng (từ đầu thập niên 1950) đã khiến cho một số người chú ý phải thắc mắc.

Trong một bài viết đăng ở Tạp chí *Người Du lịch*, tác giả Hoàng Chu nhận xét: “Xưa kia, sếu có nhiều ở Việt Nam, nhưng vào đầu năm 1952 thì hoàn toàn biến mất ở Đồng Tháp Mười. Sau 33 năm biến mất, vào đầu năm 1988, sếu xuất hiện trở lại Tràm Chim – Tam Nông. Sự biến mất của loại sếu được giải thích là do sự di dân ồ ạt của con người và chiến tranh kéo dài làm cho hệ sinh thái thay đổi, khiến cho sếu không thể sống được, phải kéo nhau bay đi nơi khác.”

Vì sao có hiện tượng sếu biến mất và xuất hiện?

Sếu chỉ sống ở vùng sinh thái tự nhiên cân bằng, Tam Nông là vùng đất tự nhiên bảo đảm được sự cân bằng đó. Tuy nhiên, trong thời gian qua, sếu chưa định cư hẳn mà chỉ xuất hiện vào lúc rạng đông và bay đi sau ba giờ đào bới kiếm ăn. Cũng theo bài viết của Hoàng Chu, năm 1988, Tam Nông có khoảng 1 000 con, đến năm 1991 còn độ 814 con. Có năm số lượng sụt giảm thấp hơn.

Thấy trước nguy cơ có thể xảy ra trong việc khai phá Đồng Tháp Mười sau chiến tranh, Trung tâm Bảo vệ sinh học và môi trường thiên nhiên Tràm Chim – Tam Nông, được sự giúp đỡ của Hội Sếu Quốc tế (ICF), đã tiến hành quy hoạch khu bảo tồn Tràm Chim – Đồng Tháp. Đây vốn là nơi dung thân nổi tiếng của sếu Viễn Đông, có diện tích hơn 10 000 héc-ta (trong đó 5 000 héc-ta thuộc khu trung tâm ở dạng nguyên thủy).

(1) Theo giải thích của *Từ điển bách khoa Việt Nam*, tập 3, NXB Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2003, sếu là một họ gồm các loài chim lớn, có cổ dài, chân cao, bề ngoài giống như họ hạc.



Sếu đầu đỏ đi tìm nơi trú ngụ sinh sản

(4) Sếu ở Tràm Chim – Tam Nông là sếu quý hiếm nhất trong các loại sếu hiện được thống kê. Sếu đầu đỏ toàn thân khoác một màu lông xám nhạt, phơn phớt xanh màu ngọc trai, đầu và một phần cổ trụi lông, da đỏ sẫm. Sếu thường cao từ 1,5 đến 1,6 mét, lúc trưởng thành có thể nặng từ 10 đến 15 ki-lô-gam.

Chú ý đặc điểm sinh học của sếu đầu đỏ.

Có tất cả 15 loại sếu được thống kê. Chưa có loại nào có dấu hiệu tuyệt chủng. Các nhà nghiên cứu nhận thấy rằng, sếu có đến 15 cách thông tin khác nhau qua tiếng kêu để kết bầy khi bay, gọi nhau, chào hỏi, tỏ tình, biểu hiện thái độ khi báo nguy.

Ngoài “ngôn ngữ” thông tin bằng tiếng kêu, sếu còn có những hành động vận dụng cơ thể như giậm chân, vỗ cánh, dùng mỏ “trang điểm” ngoại hình. Vào mùa sinh sản, sếu còn biết phân chia lãnh thổ cho từng cặp. Tính sếu nóng nảy bất thường. Thức ăn chính của sếu là củ năng và các loài bò sát nhỏ. Sếu sống khoảng 30 năm, đẻ một hoặc hai trứng, ấp từ 28 đến 32 ngày, trứng nở, thường chỉ nở một con. Ngón chân út của sếu ngắn và nhô cao hẳn lên so với các ngón chân khác. Chúng làm tổ trên mặt đất, đầm lầy, nhảy múa với nhau theo cách điệu “luân vũ” thật tuyệt vời. [...] Khi múa, sếu ngẩng cao đầu, xoè cánh chạy vòng tròn rồi cúi đầu nhảy tung lên cao, xoay tròn thân mình rất đẹp. Trong mùa sinh sản, sếu múa ghép đôi trông thật kì thú. [...]

Tìm hiểu nghĩa của từ “luân vũ”.

(5) Dường như sếu đầu đỏ chỉ xuất hiện trong các vùng Đông Nam Á. Vì vậy, việc bảo vệ loài sếu quý hiếm này được coi là khẩn thiết. Sếu Tràm Chim – Tam Nông đã trở thành điểm hẹn hoà bình của các nhà nghiên cứu về sếu trên khắp thế giới với sự hợp tác quốc tế. Tại Tràm Chim đã xây dựng một trung tâm nghiên cứu về sếu phương Đông và một nhà khách dành cho khách du lịch đến viếng thăm.

Đoạn kết nêu lên vấn đề gì?

(Theo dulichviet.net.vn, 09-12-2018)



1. Nhan đề *Vườn quốc gia Tràm Chim – Tam Nông* cho em biết những thông tin gì? So với hai văn bản *Vịnh Hạ Long: một kì quan thiên nhiên độc đáo và tuyệt mĩ* và *Khám phá kì quan thế giới: thác I-goa-zu*, cách đặt nhan đề bài viết này có gì khác?
2. Xác định nội dung chính của mỗi phần được đánh số trong văn bản. Thử đặt tên đề mục cho mỗi phần.
3. Phân tích đặc điểm của văn bản thông tin giới thiệu một danh lam thắng cảnh thể hiện ở văn bản trên. Chỉ ra mối quan hệ giữa đặc điểm với mục đích của văn bản này.
4. Dựa vào văn bản, hãy phân tích giá trị nổi bật của sếu đầu đỏ ở Vườn quốc gia Tràm Chim – Tam Nông.
5. Trong những thông tin từ văn bản *Vườn quốc gia Tràm Chim – Tam Nông*, em thích nhất thông tin nào? Vì sao?
6. Bằng những hiểu biết của mình, em hãy giới thiệu một danh lam thắng cảnh ở Việt Nam.

VIẾT

Viết bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh

1 Định hướng

1.1. Mỗi vùng miền trên đất nước ta đều có những phong cảnh thiên nhiên kì diệu được coi là những danh lam thắng cảnh. Đó đều là những di sản quý báu cần bảo vệ, gìn giữ và giới thiệu rộng rãi cho nhiều người biết. Để giới thiệu và quảng bá rộng rãi các danh lam thắng cảnh ấy, cần biết viết bài văn thuyết minh. Thuyết minh về một danh lam thắng cảnh là nêu lên các đặc điểm nổi bật của thắng cảnh đó, phân tích làm sáng tỏ vẻ đẹp và giá trị (vật chất và tinh thần) của di sản được giới thiệu;... Ngoài ra, cũng có thể nêu các hướng dẫn và lưu ý đối với khách khi đến tham quan,...

Các văn bản trong phần *Đọc hiểu* của Bài 3 đều là các văn bản thuyết minh về một danh lam thắng cảnh.

- 1.2. Để viết bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh, các em cần chú ý:
- Xác định danh lam thắng cảnh cần giới thiệu.

– Tìm hiểu và ghi chép lại các thông tin quan trọng cần giới thiệu về danh lam thắng cảnh đó.

– Triển khai bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh theo bố cục ba phần, nội dung cụ thể của mỗi phần kết hợp thuyết minh với các phương thức biểu đạt, phương tiện ngôn ngữ với hình ảnh.

– Liên hệ và kết nối với những hiểu biết, trải nghiệm của cá nhân về các danh lam thắng cảnh trong nước và thế giới để viết bài văn sinh động, giàu sức thuyết phục.

2 Thực hành

Bài tập: Trong bài hát “Việt Nam quê hương tôi” của nhạc sĩ Đỗ Nhuận có đoạn:

*Bạn ơi hãy đến quê hương chúng tôi
Ngắm mặt biển xanh xa tít chân trời
Nghe sóng vỗ dạt dào biển cả
Vút phi lao gió thổi bên bờ
Buồm vươn cánh vượt sóng ra ngoài khơi
Trong nắng hồng bừng lên sáng ngời*

Từ cảm hứng tự hào về quê hương nêu trên, em hãy viết bài văn thuyết minh giới thiệu một danh lam thắng cảnh của Việt Nam mà em yêu thích.

a) Chuẩn bị

– Đọc kỹ và tìm hiểu yêu cầu của bài tập để biết các thông tin chính trước khi viết:
+ Trọng tâm cần làm rõ: giới thiệu một cảnh đẹp thiên nhiên mà em yêu thích (chú ý phân biệt với di tích lịch sử là những công trình do con người tạo nên).

+ Kiểu văn bản chính: thuyết minh giới thiệu về một danh lam thắng cảnh.

+ Phạm vi kiến thức cần huy động: kiến thức địa lí và lịch sử về vùng đất, địa điểm có cảnh đẹp thiên nhiên.

– Đọc và ghi chép các thông tin đã thu thập được từ sách, báo, Internet,... về danh lam thắng cảnh mà mình yêu thích.

– Xác định cách triển khai, trình bày thông tin cho bài viết (theo trình tự thời gian, không gian, chính – phụ, nguyên nhân – kết quả hay phân loại đối tượng,...).

b) Tìm ý và lập dàn ý

– Tìm ý: Từ yêu cầu nội dung của văn bản thuyết minh đã nêu trong mục a) *Chuẩn bị*, có thể đặt ra một số câu hỏi để tìm ý cho bài viết. Chẳng hạn:

+ Thắng cảnh thiên nhiên được giới thiệu ở đâu? Có thể đến địa điểm này bằng cách nào?

+ Thắng cảnh thiên nhiên này có gì đặc sắc (đẹp, hấp dẫn, độc đáo,...)?

- + Giá trị vật chất và tinh thần của danh lam thắng cảnh này là gì?
- + Cần phải làm gì để bảo vệ, phát huy giá trị của danh lam thắng cảnh này?
- Lập dàn ý: Dựa vào các thông tin về danh lam thắng cảnh đã nêu và các câu hỏi tìm ý để lập dàn ý cho bài viết theo ba phần của bài văn.

c) Viết

- Dựa vào dàn ý đã làm, viết bài văn thuyết minh về thắng cảnh thiên nhiên mà em yêu thích. Trong khi viết, chú ý vận dụng kĩ năng miêu tả và tự sự trong bài thuyết minh.

- Có thể viết một phần trong thân bài hoặc viết mở bài, kết bài.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Đọc lại bài viết, đối chiếu với dàn ý đã lập để xem xét:

- Bài viết có đúng kiểu văn bản thuyết minh về một danh lam thắng cảnh không? Nội dung bài viết đã đầy đủ ý chưa?

- Hình thức bài viết có đầy đủ các phần mở bài, thân bài và kết bài chưa? Các ý trong phần thân bài có làm nổi bật vấn đề nêu ở mở bài không?

- Bài viết còn mắc phải những lỗi gì (diễn đạt, dùng từ, chính tả, ngữ pháp,...)?

- Em thích nhất phần nào của bài viết?

2.2. Rèn luyện kĩ năng viết: Miêu tả và tự sự trong văn thuyết minh

a) Cách thức

Văn thuyết minh đề cao tính khách quan, khoa học trong việc trình bày, giới thiệu, phổ biến hoặc giải thích nhằm làm rõ đặc điểm cơ bản của một đối tượng, cung cấp tri thức về các hiện tượng, sự vật trong tự nhiên và xã hội. Tuy nhiên, để bài thuyết minh hấp dẫn, người viết thường kết hợp thuyết minh với các phương thức tự sự và miêu tả. Ví dụ, trong văn bản *Khám phá kì quan thế giới: thác I-go-a-zu*, người viết đã kết hợp kể và tả lại một cách rất sinh động, hấp dẫn về chuyến đi vào “Hạng quý” nhằm khám phá trung tâm thác nước. Tương tự, ở văn bản *Vịnh Hạ Long: một kì quan thiên nhiên độc đáo và tuyệt mỹ* hoặc văn bản *Vườn quốc gia Tràm Chim – Tam Nông* cũng có rất nhiều đoạn văn thuyết minh kết hợp với miêu tả để làm nổi bật vẻ đẹp độc đáo của các danh lam thắng cảnh này.

Việc kể và tả trong văn bản thuyết minh chỉ giúp làm rõ thêm các đặc điểm vốn có của đối tượng được giới thiệu, không làm người đọc hiểu sai về đối tượng ấy.

b) Bài tập

Hãy viết đoạn văn thuyết minh giới thiệu một thắng cảnh thiên nhiên của Việt Nam mà em yêu thích, trong đó có sử dụng kết hợp phương thức tự sự hoặc miêu tả.

Thuyết minh về một danh lam thắng cảnh

1 Định hướng

1.1. Phần *Viết* đã hướng dẫn các em cách viết bài thuyết minh tổng hợp với yêu cầu giới thiệu một thắng cảnh thiên nhiên Việt Nam. Ở phần *Nói và nghe* này, các em cần chuyển nội dung bài viết thành bài thuyết trình; nghĩa là sử dụng lời nói, giọng điệu và ngôn ngữ cơ thể phù hợp để trình bày lại nội dung đã viết. Bài này tập trung vào kĩ năng nói (thuyết minh, trình bày).

1.2. Để thuyết minh một cách hiệu quả, các em cần lưu ý:

- Nắm vững mục đích, đối tượng nghe và nội dung trình bày.
- Biết cách trình bày: cách nói, cách kết hợp, sử dụng sự hỗ trợ của thiết bị công nghệ và các yếu tố phi ngôn ngữ,...
- Có thái độ thân thiện, tôn trọng người nghe, trả lời đầy đủ các câu hỏi,...

2 Thực hành

Bài tập: *Giới thiệu về một thắng cảnh thiên nhiên của Việt Nam mà em yêu thích.*

a) Chuẩn bị

- Xem lại nội dung *Đọc hiểu* và phần *Viết* theo yêu cầu thuyết minh kết hợp với tự sự và miêu tả.
- Xem xét các yêu cầu đã nêu trong mục 1. *Định hướng*.
- Chú ý bổ sung và sắp xếp hợp lí các ý của bài giới thiệu,...

b) Tìm ý và lập dàn ý

Xem lại dàn ý đã làm ở phần *Viết*, cân nhắc yêu cầu của bài nói để bổ sung, sắp xếp lại các ý cho mạch lạc, phù hợp với nội dung cần trình bày.

c) Nói và nghe

- Thực hành nói và nghe theo dàn ý đã làm.
- Tập trung vào các yêu cầu nói (trình bày) về nội dung thuyết minh về một danh lam thắng cảnh, kĩ thuật, cách thức thuyết minh và thái độ khi trình bày.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 1, phần *Nói và nghe*, mục d (trang 30, 31); trong đó chú trọng yêu cầu nói và đối chiếu với dàn ý đề văn đã làm ở bài này để kiểm tra, chỉnh sửa.

TỰ ĐÁNH GIÁ

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

CAO NGUYÊN ĐÁ ĐỒNG VĂN^(*)

Cách Hà Nội khoảng 300 ki-lô-mét, cao nguyên đá Đồng Văn từ lâu đã là một điểm du lịch hấp dẫn, thu hút du khách mỗi khi có dịp ghé thăm Hà Giang. Cao nguyên đá Đồng Văn với vẻ đẹp hoang sơ, thơ mộng tựa như một “thiên đường xám” giữa miền sơn cước địa đầu Tổ quốc thân yêu.

Vượt qua khoảng 150 ki-lô-mét đường đèo, một bên là vực sâu hun hút, một bên là những dãy núi đá tai mèo với những khúc cua tay áo khá nguy hiểm, khung cảnh hùng vĩ của cao nguyên đá Đồng Văn dần hiện ra, ẩn hiện trong sương khói.



Cao nguyên đá Đồng Văn

Nằm ở độ cao trung bình từ 1 000 – 1 600 mét so với mực nước biển, cao nguyên đá Đồng Văn trải rộng qua bốn huyện Quản Bạ, Yên Minh, Mèo Vạc và Đồng Văn của tỉnh Hà Giang. Theo đánh giá của Hội đồng tư vấn Mạng lưới Công viên địa chất toàn cầu (GGN) của UNESCO, cao nguyên đá Đồng Văn là một trong những vùng đá vôi đặc biệt, chứa đựng những dấu ấn tiêu biểu về lịch sử phát triển vỏ Trái Đất, những hiện tượng tự nhiên, cảnh quan đặc sắc về thẩm mỹ, tính đa dạng sinh học cao và truyền thống văn hoá lâu đời của cộng đồng cư dân bản địa. Năm 2010, cao nguyên này đã được Hội đồng tư vấn Mạng lưới Công viên địa chất toàn cầu chính thức công nhận là Công viên địa chất toàn cầu.

(*) Nhan đề do người biên soạn sách đặt.

Đi từ Quán Bạ qua Yên Minh lên Mèo Vạc, Đồng Văn chỉ có những dãy núi xám ngắt lại một màu của đá tai mèo nên nơi đây được ví như “thiên đường xám” của Hà Giang. Đá dựng thành những hàng rào vững chắc, uốn lượn, ôm trọn lấy những ngôi nhà nhỏ, những nương ngô, nương rau. Những viên đá vốn thô ráp, gồ ghề, đầy góc cạnh đã được bàn tay tài hoa của những người đàn ông trong gia đình lựa chọn, sắp xếp một cách khéo léo mà không cần dùng tới xi măng hay bất cứ chất liệu kết dính nào khác để tạo thành những hàng rào đá vững chãi, chắc chắn và độc đáo. Bởi vậy mà người ta thường nói rằng hàng rào đá của người Mông thể hiện sự chu đáo của người đàn ông với gia đình. Hàng rào đá càng đẹp, càng cao thì càng chứng minh được ngôi nhà ấy có một người đàn ông trụ cột tuyệt vời.

Xen lẫn với màu xám ngắt của đá là màu xanh tươi của những ruộng ngô, màu vàng óng của những nương lúa như tượng trưng cho tinh thần không chịu khuất phục của con người nơi vùng đất “mở mắt ra là đá, bốn bề đều là đá”.

Cao nguyên đá Đồng Văn có lẽ đẹp nhất là khi xuân về. Lúc ấy, khắp núi đồi đâu đâu cũng phủ một màu vàng rực của hoa cải, những mái nhà rêu phong được điểm thêm những cánh hoa đào đỏ thắm, những bông hoa mận trắng tinh khôi.

Cao nguyên đá Đồng Văn là nơi có nhiều điểm du lịch hấp dẫn, nhiều di tích danh lam thắng cảnh quốc gia đã được công nhận như: Di tích kiến trúc Dinh thự họ Vương, phố cổ Đồng Văn, đèo Mã Pí Lèng, núi Đồi Quán Bạ,...

Vẻ đẹp hoang sơ, hùng vĩ của “thiên đường xám” cao nguyên đá Đồng Văn hứa hẹn sẽ mang đến cho bạn một chuyến đi khám phá vùng đất địa đầu Tổ quốc tuyệt vời với những trải nghiệm khó quên.

Theo LUYẾN NGUYỄN
(vntrip.vn, 12-10-2020)

Chọn phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 5):

1. Mục đích chính của văn bản trên là gì?

- A. Giải thích về hệ thống núi đá ở Hà Giang
- B. Giới thiệu về cao nguyên đá Đồng Văn ở Hà Giang
- C. Thuyết minh về vùng đất và con người Hà Giang
- D. Giới thiệu nguồn gốc hình thành núi đá ở Đồng Văn

2. Nhan đề văn bản được đặt theo cách nào?

- A. Nêu tên địa danh được giới thiệu
- B. Nêu đặc điểm nổi bật của cao nguyên đá
- C. Nêu giá trị của cao nguyên đá Đồng Văn
- D. Nêu vẻ đẹp và sức hấp dẫn của cao nguyên đá

3. Lí do nào sau đây khiến cao nguyên đá Đồng Văn được công nhận là Công viên địa chất toàn cầu?

A. Cao nguyên đá Đồng Văn với vẻ đẹp hoang sơ, thơ mộng tựa như một “thiên đường xám” giữa miền sơn cước địa đầu Tổ quốc.

B. Đi từ Quán Bạ qua Yên Minh lên Mèo Vạc, Đồng Văn chỉ có những dãy núi xám ngắt lại một màu của đá tai mèo.

C. Nằm ở độ cao trung bình từ 1 000 – 1 600 mét so với mực nước biển, cao nguyên đá Đồng Văn trải rộng qua bốn huyện.

D. Là một trong những vùng đá vôi đặc biệt, chứa đựng những dấu ấn tiêu biểu về lịch sử phát triển vỏ Trái Đất,...

4. Trong văn bản, ba màu nào được dùng để chỉ màu của đá, lúa và hoa cải trên cao nguyên đá Đồng Văn?

- A. Vàng rực, trắng tinh và đỏ thắm
- B. Trắng tinh, xanh tươi và vàng óng
- C. Xám ngắt, vàng óng và vàng rực
- D. Đỏ thắm, trắng tinh và xanh tươi

5. Hình ảnh nào tượng trưng cho tinh thần không chịu khuất phục khó khăn của con người vùng cao nguyên đá?

A. Đá dựng thành những hàng rào vững chắc, uốn lượn, ôm trọn lấy những ngôi nhà nhỏ, những nương ngô, nương rau.

B. Hàng rào đá càng đẹp, càng cao thì càng chứng minh được ngôi nhà ấy có một người đàn ông trụ cột tuyệt vời.

C. Xen lẫn với màu xám ngắt của đá là màu xanh tươi của những ruộng ngô, màu vàng óng của những nương lúa.

D. Cao nguyên đá Đồng Văn với vẻ đẹp hoang sơ, thơ mộng tựa như một “thiên đường xám”.

6. Vì sao văn bản *Cao nguyên đá Đồng Văn* được coi là văn bản thuyết minh về một danh lam thắng cảnh?
7. Danh lam thắng cảnh mà văn bản nói tới có gì đặc sắc cần giới thiệu?
8. Bố cục của văn bản gồm mấy phần? Nội dung chính của mỗi phần là gì?
9. Em biết thêm được điều gì từ văn bản *Cao nguyên đá Đồng Văn*?
10. Em thích nhất nội dung nào trong văn bản trên? Vì sao?

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

1. Tìm đọc thêm một số văn bản thông tin giới thiệu một danh lam thắng cảnh trong và ngoài nước.
2. Sưu tầm tư liệu về một danh lam thắng cảnh tại quê hương em để có thể viết bài giới thiệu với các bạn.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nêu được nội dung bao quát của văn bản; xác định được lời người kể chuyện, lời nhân vật, đối thoại và độc thoại; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận biết vai trò của người đọc và bối cảnh tiếp nhận đối với việc đọc hiểu văn bản truyện.
- Nhận biết được sự khác nhau giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp; biết vận dụng hai cách dẫn này trong đọc, viết, nói và nghe.
- Viết được bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm truyện.
- Biết thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.
- Yêu quê hương, đất nước, yêu thương con người; trân trọng các giá trị của nghệ thuật; căm ghét chiến tranh phi nghĩa.

Kiến thức ngữ văn

1. Người đọc và bối cảnh tiếp nhận trong đọc hiểu văn bản văn học

– Để đọc hiểu văn bản văn học, người đọc cần chủ động, tích cực huy động tri thức và trải nghiệm thực tế để hình dung, tưởng tượng bức tranh đời sống được nhà văn thể hiện trong câu chữ; lắng nghe, cảm nhận, kết nối thông tin trong và ngoài văn bản để suy luận, phân tích, khám phá vẻ đẹp nội dung, hình thức và ý nghĩa của văn bản. Bằng quá trình này, người đọc đã chuyển văn bản của tác giả thành tác phẩm cụ thể, sinh động trong tâm trí của mình. Mỗi người đọc có vốn hiểu biết, vốn sống, sở thích,... khác nhau, vì vậy, có thể có những cách cảm nhận, lí giải về tác phẩm không giống nhau khi đọc hiểu một văn bản văn học. Tuy nhiên, dù sự cảm nhận, cắt nghĩa có phong phú, đa dạng đến đâu cũng phải dựa trên văn bản tác phẩm, không được thoát li văn bản của nhà văn.

– Hoạt động đọc hiểu văn bản văn học của người đọc được thực hiện trong một bối cảnh tiếp nhận cụ thể. Đó là hoàn cảnh về không gian, thời gian, tâm thế của người đọc,... (hoàn cảnh hẹp); hoàn cảnh chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá,... của thời đại (hoàn cảnh rộng) mà hoạt động đọc diễn ra. Bối cảnh tiếp nhận là một trong những yếu tố mà người đọc sử dụng để suy luận, phát hiện ý nghĩa của văn bản khi đọc hiểu. Việc liên hệ với bối cảnh tiếp nhận trong quá trình đọc hiểu có thể khiến cho ý nghĩa của văn bản được mở rộng, phong phú, mới mẻ và cập nhật hơn với cuộc sống. Ví dụ, bối cảnh đất nước trong những năm tháng kháng chiến chống đế quốc Mỹ đã khiến nhà thơ Chế Lan Viên – với tư cách một bạn đọc *Truyện Kiều* (Nguyễn Du) – liên tưởng cuộc đời của nàng Kiều với số phận của dân tộc: “Chạnh thương cô Kiều như đời dân tộc / Sắc tài sao mà lại lắm truân chuyên / Cành xuân phải trao tay khi nước mất / Cỏ bên trời xanh một sắc Đạm Tiên” (*Đọc “Kiều”*). Hoặc từ bối cảnh tiếp nhận trong cuộc sống hiện tại, người đọc có thể suy nghĩ về những biểu hiện mới mẻ của tình yêu làng, yêu nước ở con người Việt Nam khi đọc truyện ngắn *Làng* của nhà văn Kim Lân.

2. Cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp

Khi nói (viết), có hai cách dẫn lời nói (lời nói thành tiếng, lời nói được viết thành chữ hoặc lời nói bên trong – ý nghĩ) của một người (một nhân vật): *dẫn trực tiếp* và *dẫn gián tiếp*.

Dẫn trực tiếp là nhắc lại nguyên văn lời nói hay ý nghĩ của một người (một nhân vật). Trong ngôn ngữ nói, lời dẫn trực tiếp được đánh dấu bằng chỗ nghỉ hơi. Trong ngôn ngữ viết, lời dẫn trực tiếp được đặt sau dấu hai chấm và trong dấu ngoặc kép. Ví dụ: “Người xưa có câu: “Trúc đầu cháy, đốt ngay vẫn thẳng.”” (Thép Mới). Khi thuật lại lời đối thoại của nhân vật, lời dẫn trực tiếp thường được đặt sau dấu hai chấm, xuống dòng và đặt sau dấu gạch ngang. Ví dụ:

“Vừa đến ngõ, ông lão đã lên tiếng:

– Chúng mày đâu rồi, ra thấy chia quà cho nào.” (Kim Lân).

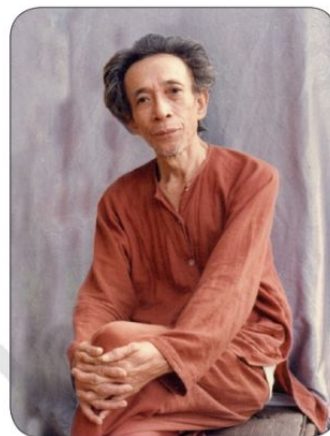
Dẫn gián tiếp là thuật lại lời nói hay ý nghĩ của một người (một nhân vật) có điều chỉnh cho thích hợp. Trong ngôn ngữ nói, lời dẫn gián tiếp thường không được đánh dấu bằng chỗ nghỉ hơi rõ rệt. Trong ngôn ngữ viết, lời dẫn gián tiếp không được đánh dấu bằng dấu hai chấm và dấu ngoặc kép. Ví dụ: “Bà Nguyễn Hồng nói rằng nhìn “ông ấy” cầm chén rượu khê khà nhấm nháp một mình, thấy không khác gì những bác phu xe ngày xưa ngồi uống rượu nơi hè phố sau những giờ lao động mệt nhọc.” (Nguyễn Đăng Mạnh).



Làng

(Trích)

KIM LÂN



Kim Lân (1920 – 2007),
quê ở Bắc Ninh

1 Chuẩn bị

– Xem lại phần *Kiến thức ngữ văn* để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.^(*)

– Khi đọc tác phẩm truyện, các em cần chú ý:^(**)

+ Tóm tắt truyện, xác định tình huống, ngôi kể, lời dẫn trực tiếp, gián tiếp,... để hiểu nhân vật và đánh giá nghệ thuật kể chuyện.

+ Tìm hiểu nhân vật và mối quan hệ giữa các nhân vật trong truyện.

+ Xác định đề tài, chủ đề, ý nghĩa nhan đề, thông điệp của tác phẩm,...

+ Liên hệ với vốn sống, trải nghiệm của bản thân và bối cảnh cuộc sống hiện tại để hiểu và vận dụng kết quả đọc vào thực tiễn.

– Đọc trước truyện ngắn *Làng*; tìm hiểu thêm thông tin về tác giả Kim Lân.

– Chia sẻ phỏng đoán của em về nội dung văn bản từ nhan đề của truyện *Làng*.

– Văn bản dưới đây lược bớt phần đầu kể về hoàn cảnh khiến gia đình ông Hai phải đi tản cư và tính thích khoe làng của ông.

2 Đọc hiểu

① [...] Ông lão náo nức bước ra khỏi phòng thông tin, rẽ vào quán dặn vợ mấy việc rồi đi thẳng ra lối huyện cũ. Ở đây, những tốp người tản cư⁽¹⁾ mới ở dưới xuôi lên đứng ngòai ló nhỏ cả dưới mấy góc đa xù xì, cành lá rườm rà ken vào nhau, rải xuống mặt đường và bãi cỏ một vùng bóng mát rộng. Ông lão ngồi vào một cái quán gần đấy. Hút một điếu thuốc lào, uống một hùm chè tươi nóng, ông

Chú ý các chi tiết khắc họa nhân vật ông lão trong truyện.

(*), (**) Khi đọc hiểu các văn bản khác trong Bài 4, học sinh cần vận dụng các gợi ý ở đây.

(1) *Tản cư*: tạm rời nơi cư trú, đến ở nơi xa chiến sự hơn để tránh tai nạn chiến tranh. Trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp, nhân dân ở những vùng xảy ra chiến sự ác liệt hoặc bị giặc chiếm đóng thường tản cư đến vùng tự do dưới sự kiểm soát của chính quyền cách mạng.

chóp chép cái miệng ngẫm nghĩ; bao nhiêu ý nghĩ vui thích chen chúc trong đầu óc. Tiếng quạt, tiếng thở, tiếng trẻ con khóc, cùng với tiếng cười nói của cánh đi phá đường về râm rạn một góc đường. Dưới chân đồi, những thửa ruộng lúa xanh mượt, uốn quanh co dưới trời nắng, lấp loáng như một khúc sông. Có mấy bóng cò trắng bay dật dờ...

– Các ông, các bà ở đâu ta lên đây ạ?

Ông Hai đặt bát nước xuống chõng hỏi. Một người đàn bà mau miệng trả lời:

– Thưa ông, chúng cháu ở Gia Lâm lên đây ạ. Đi bốn năm hôm mới lên đến đây, vất vả quá!

– Ở Gia Lâm lên ạ! Lúa má dưới ta thế nào, liệu có cấy được không bác?

– Chả cấy thì lấy gì mà ăn. Cấy tất ông ạ. Chân ruộng dưới chúng cháu còn tốt hơn trên này nhiều.

– Thì vườn⁽¹⁾! Lúa dưới ta tốt nhiều chứ.

Ông lão rít một hơi thuốc lòn nữa, gật gù cái đầu: “Hừ, đánh nhau cứ đánh nhau, cày cấy cứ cày cấy, tản cư cứ tản cư... Hay đáo để”.

– Nay, bác có biết mấy hôm nay súng nó bắn ở đâu mà nghe rít thế không?

Một người đàn bà cho con bú mé bên kia nói xen vào:

– Nó rít ở Bắc Ninh về qua Chợ Dầu⁽²⁾, nó khủng bố ông ạ.

Ông Hai quay phắt lại lấp bắp hỏi:

– Nó... Nó vào làng Chợ Dầu hở bác? Thế ta giết được bao nhiêu thằng?

Người đàn bà ẵm con cong môi lên đồng đánh:

– Có giết được thằng nào đâu. Cả làng chúng nó Việt gian⁽³⁾ theo Tây còn giết gì nữa!

Cổ ông lão nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi, tưởng như đến không thở được. Một lúc lâu ông mới rặn ề ề, nuốt một cái gì vướng ở cổ, ông cất tiếng hỏi, giọng lạc hẳn đi:

– Liệu có thật không hở bác? Hay là chỉ lại...

– Thì chúng tôi vừa mới ở dưới ấy lên đây mà lại. Việt gian từ thằng chủ tịch mà đi cơ ông ạ. Tây vào làng, chúng nó bảo nhau vác cờ thần ra hoan hô. Thằng chánh

Thông tin nào ông lão nghe được tác động mạnh đến ông? Tác động như thế nào?

(1) *Thì vườn* (khẩu ngữ): vẫn biết là như vậy, đúng là như vậy.

(2) *Chợ Dầu*: làng thuộc thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, có tên chữ là Phù Lưu.

(3) *Việt gian*: những kẻ là người Việt Nam nhưng theo giặc, chống lại Tổ quốc.

Bệu thì khuôn cả tử chè, đình đồng, vải vóc lên xe cam-nhông⁽¹⁾, đưa vợ con lên vị trí với giặc ở ngoài tỉnh mà lại.

Có người hỏi:

– Sao bảo làng Chợ Dầu tinh thần⁽²⁾ lắm cơ mà?...

– Ấy thế mà bây giờ đổ đốn ra thế đấy!

Ông Hai trả tiền nước, đứng dậy, chèm chẹp miệng, cười nhạt một tiếng, vươn vai nói to:

– Hà, nắng gớm, về nào...

Ông lão vờ vờ đứng lảng ra chỗ khác, rồi đi thẳng. Tiếng cười nói xôn xao của đám người mới tản cư lên ấy vẫn dõi theo. Ông nghe rõ cái giọng chua lanh lảnh của người đàn bà cho con bú:

– Cha mẹ tiên sư nhà chúng nó! Đói khổ ăn cắp ăn trộm bắt được người ta còn thương. Cái giống Việt gian bán nước thì cứ cho mỗi đứa một nhát!

Ông Hai cúi gằm mặt xuống mà đi. Ông thoáng nghĩ đến mụ chủ nhà.

② Về đến nhà, ông Hai nằm vật ra giường, mấy đứa trẻ thấy bố hôm nay có vẻ khác, len lén đùa nhau ra đầu nhà chơi sậm chơi sụi⁽³⁾ với nhau.

Nhìn lũ con, tủi thân, nước mắt ông lão cứ giàn ra. Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy ư? Khốn nạn, bằng ấy tuổi đầu... Ông lão nắm chặt hai tay lại và rít lên:

– Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này!

Ông lão bỗng ngừng lại, ngờ ngợ như lời mình không được đúng lắm. Chả nhẽ cái bọn ở làng lại đốn đến thế được. Ông kiểm điểm từng người trong óc. Không mà, họ toàn là những người có tinh thần cả mà. Họ đã ở lại làng, quyết tâm một sống một chết với giặc, có đời nào lại cam tâm làm điều nhục nhã ấy!...

Nhưng sao lại nảy ra cái tin như vậy được? Mà thằng chánh Bệu thì đích là người làng không sai rồi. Không có lừa làm sao có khói? Ai người ta hơi đâu bịa tạc ra những chuyện ấy làm gì. Chao ôi! Cực nhục chưa, cả làng Việt gian! Rồi đây biết làm ăn, buôn bán ra sao? Ai người ta chứa. Ai người ta buôn bán mấy. Suốt cả cái nước Việt Nam này

Đây là lời đối thoại hay độc thoại?

Điều gì diễn ra trong tâm trạng của ông Hai?

Đây là lời dẫn trực tiếp hay gián tiếp?

(1) Xe cam-nhông (tiếng Pháp: *camion*): xe tải để chở hàng.

(2) Tinh thần: ở đây có nghĩa là hăng hái tham gia kháng chiến.

(3) Chơi sậm chơi sụi: chơi một cách lặng lẽ, kín đáo vì e ngại điều gì đó.

người ta ghê tởm, người ta thù hằn cái giống Việt gian bán nước... Lại còn bao nhiêu người làng, tan tác mỗi người một phương nữa, không biết họ đã rõ cái sự này chưa?...

Chiều hôm ấy bà Hai về cũng có vẻ khác. Bà bước từng bước uể oải, cái mặt cúi xuống bần thần. Đôi quang thúng thông thẹo trên hai mấu đòn gánh. Bà đi thẳng vào trong nhà lúi húi xếp hàng vào một xó, rồi lẳng lẳng ra bậc cửa ngồi ôm má nghĩ ngợi. Trẻ con cũng không đứa nào dám vò quạ. Trong nhà có cái im lặng thật là khó chịu, không ai dám cất tiếng lên nói, cả đến nhìn nhau, họ cũng không dám nhìn nhau nữa.

Mãi khuya, bà Hai mới chống gối đứng dậy. Bà lẳng lẳng xuống bếp châm lửa ngồi tính tiền hàng. Vẫn những tiền cua, tiền bún, tiền đỗ, tiền kẹo,... Vẫn cái giọng rì rầm, rì rầm thường ngày.

– Này, thầy nó ạ.

Ông Hai nằm rũ ra ở trên giường không nói gì.

– Thầy nó ngủ rồi à?

– Gì?

Ông lão khẽ nhúc nhích.

– Tôi thấy người ta đồn...

Ông lão gất lên:

– Biết rồi!

Bà Hai nín bật. Gian nhà lặng đi, hiu hắt. Ánh lửa vàng nhờ nhờ ở ngọn đèn dầu lạc vờn trên nét mặt lo âu của bà lão. Tiếng thở của ba đứa trẻ chụm đầu vào nhau ngủ nhẹ nhàng nổi lên, nghe như tiếng thở của gian nhà.

– Thế nhưng người ta đồn trên này người ta không chứa những người Chợ Dầu nữa thầy nó ạ.

Nghe ngóng một chút, không thấy chồng trả lời, bà lão lại cúi xuống lầm bầm tính. Nét mặt bà lặng đi, chịu đựng và nhẫn nhục.

Bên gian bác Thứ đã ngủ từ lâu, chung quanh đều im lặng... Một vài tiếng chó nhúc nhích sủa phía xa, và có tiếng trẻ con khóc văng vẳng trong tiếng gió.

Ông Hai vẫn trần trọc không sao ngủ được. Ông hét trở mình bên này lại trở mình bên kia, thở dài. Chợt ông lão lẳng hẩn đi, chân tay nhũn ra, tưởng chừng như không cất lên được... Có tiếng nói léo xéo ở gian trên. Tiếng mụ chủ... Mụ nói cái gì vậy? Mụ nói cái gì mà lào xào thế? Trống ngực ông lão đập thình thịch. Ông lão nín thở, lẳng tai nghe ra bên ngoài...

Chú ý các chi tiết thể hiện tâm trạng của nhân vật ông Hai.

Bà Hai bỗng lại cất tiếng:

– Thầy nó ngủ rồi ư? Dậy tôi bảo cái này đã.

Ông Hai bật ngóc đầu dậy, giơ tay trở lên nhà trên, ông hít hai hàm răng lại mà nghiêng:

– Im! Khổ lắm! Nó mà nghe thấy lại không ra cái gì bây giờ.

Ông lão lại ngã mình nằm xuống, không nhúc nhích.

Đã ba, bốn hôm nay, ông Hai không bước chân ra đến ngoài, cả đến bên bác Thứ ông cũng không dám sang. Suốt ngày ông chỉ quanh quẩn ở trong cái gian nhà chật chội ấy mà nghe ngóng. Nghe ngóng xem binh tình⁽¹⁾ bên ngoài ra sao. Một đám đông xúm lại, ông cũng để ý, dăm bảy tiếng cười nói xa xa, ông cũng chột dạ. Lúc nào ông cũng nơm nớp tưởng như người ta đang để ý, người ta đang bàn tán đến “cái chuyện ấy”. Cứ thoáng nghe những tiếng Tây, Việt gian, cam-nhông,... là ông lùi ra một góc nhà, nín thít. Thôi lại chuyện ấy rồi!

Nhưng còn cái này nữa mà ông sợ, có lẽ còn ghê rợn hơn cả những tiếng kia nhiều, ấy là mẹ chủ nhà. Từ ngày xảy ra chuyện ấy, hình như mẹ ta lấy điều làm cho vợ chồng ông khổ ngấm khổ ngấm là mẹ thích.

Điều gì khiến ông Hai sợ nhất?

Sáng chiều bốn buổi đi làm đồng về, mẹ kéo lê cái nạo cỏ quèn quẹt dưới đất, qua cửa, mẹ nhòm vào nói những câu bóng gió xa xôi, như khía vào thịt ông lão. Thôi thì bây giờ thế nào mà chả phải chịu. Có được chỗ chui ra chui vào là may mắn rồi. Mỗi lần mẹ nói, ông lão chỉ cười gượng làm như không biết chuyện gì.

Ông thì ông muốn lặng đi như thế, nhưng mẹ chủ nhà có để cho ông yên đâu.

Sáng hôm nay, lúc bà Hai sắp sửa quang gánh ra hàng thì mẹ chủ nhà không biết đi đâu về, mẹ đứng dạng háng ở ngoài sân nói chõ vào:

– Bà lão chưa đi hàng cơ à? Muộn mấy?...

– Chưa bà ạ. Mời bà vào chơi trong này!

– Vâng, bà để mặc em... À bà Hai này!...

Mẹ chạy sát vào bực cửa, thân mật:

– Trên này họ đồn giăng giăng ra rằng, thì là làng dưới nhà ta đi Việt gian theo Tây đấy, ông bà đã biết chưa nhi?... Nghe nói, bảo có lệnh đuổi hết những người làng Chợ Dầu ra khỏi vùng này không cho ở nữa.

Hình dung tâm trạng của ông Hai khi nghe những lời nói của bà chủ nhà.

Mẹ chủ nhà chép miệng, giọng ngọt xót:

(1) *Bình tình*: tình hình.

– Em cứ khó nghĩ quá... ông bà cũng là người làm ăn tử tế cả. Nhưng mà có lệnh biết làm thế nào. Đành nhẽ là ông bà kiếm chỗ khác vậy... Này, ở với nhau đang vui vẻ, ông bà dọn đi, em lại cứ nhớ đáo để đấy nhớ.

Bà Hai cúi mặt xuống rần rần nước mắt, bà nói:

– Vâng... thôi thì dân làng đã chả cho ở nữa, chúng tôi cũng đành phải đi nơi khác chứ biết làm thế nào. Nhưng xin ông bà trên ấy nghĩ lại thư thư cho vợ chồng chúng tôi vài ba hôm nữa. Bây giờ bảo đi, vợ chồng chúng tôi cũng không biết là đi đâu...

Mụ chủ đi rồi, bà Hai và con bé lớn nước mắt rùng rùng, lẳng lẳng gánh hàng ra quán. Vợ chồng cũng chẳng dám nói với nhau câu gì.

Ông Hai ngồi lặng trên một góc giường. Bao nhiêu ý nghĩ đen tối, ghê rợn, nối tiếp bồi bồi trong đầu óc ông lão. Biết đem nhau đi đâu bây giờ? Biết đâu người ta chứa bố con ông mà đi bây giờ?...

Thật là tuyệt đường sinh sống! Mà không một gì cái đất Thăng này. Ở Đài, ở Nhã Nam, ở Bồ Hạ, Cao Thượng⁽¹⁾,... đâu đâu có người Chợ Dầu người ta cũng đuổi như đuổi hủi⁽²⁾. Mà dẫu cho vì chính sách Cụ Hồ người ta chẳng đuổi đi nữa, thì mình cũng chẳng còn mặt mũi nào đi đến đâu.

“Cả làng chúng nó Việt gian theo Tây...”, cái câu nói của người đàn bà tản cư hôm trước lại dội lên trong tâm trí ông.

Hay là quay về làng?...

Vừa chớm nghĩ như vậy, lập tức ông lão phản đối ngay. Về làm gì cái làng ấy nữa. Chúng nó theo Tây cả rồi. Về làng tức là bỏ kháng chiến, bỏ Cụ Hồ...

Nước mắt ông giàn ra. Về làng tức là chịu quay lại làm nô lệ cho thằng Tây. [...]

Ông Hai nghĩ rợn cả người. Cả cuộc đời đen tối, lầm than cũ nổi lên trong ý nghĩ ông. Ông không thể về cái làng ấy được nữa. Về bây giờ ra ông chịu mất hết à?

Không thể được! Làng thì yêu thật, nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù.

Ông lão ôm thằng con út lên lòng, vỗ nhẹ nhẹ vào lưng nó, khẽ hỏi:

- Húc kia! Thầy hỏi con nhé, con là con ai?
- Là con thầy mấy lị con u.
- Thế nhà con ở đâu?
- Nhà ta ở làng Chợ Dầu.
- Thế con có thích về làng Chợ Dầu không?

Hãy dự đoán ông Hai sẽ trả lời như thế nào trước câu hỏi này.

(1) *Đài, Nhã Nam, Bồ Hạ, Cao Thượng*: các địa danh thuộc tỉnh Bắc Giang.

(2) *Hủi*: bệnh phong, người bị bệnh phong (trước đây bị hiểu lầm là bệnh lây).

Thằng bé nép đầu vào ngực bố trả lời khe khẽ:

– Có.



Ông lão ôm khít thằng bé vào lòng, một lúc lâu ông lại hỏi:

– À, thầy hỏi con nhé. Thế con ủng hộ ai?

Thằng bé giơ tay lên, mạnh bạo và rành rọt:

– Ủng hộ Cụ Hồ Chí Minh muôn năm!

Nước mắt ông lão giàn ra, chảy ròng ròng trên hai má. Ông nói thủ thỉ:

– Ủ đúng rồi, ủng hộ Cụ Hồ, con nhỉ.

Mấy hôm nay ru rú ở xó nhà, những lúc buồn khổ quá chẳng biết nói cùng ai, ông lão lại thủ thỉ với con như vậy. Ông nói như để ngỏ lòng mình, như để mình lại mình oan cho mình nữa.

Anh em đồng chí biết cho bố con ông.

Cụ Hồ trên đầu trên cổ xét soi cho bố con ông.

Cái lòng bố con ông là như thế đấy, có bao giờ dám đơn sai⁽¹⁾. Chết thì chết có bao giờ dám đơn sai. Mỗi lần nói ra được đôi câu như vậy, nỗi khổ trong lòng ông cũng vơi đi được đôi phần.

③ Khoảng ba giờ chiều hôm ấy, có một người đàn ông đến chơi nhà ông Hai. Hắn cũng là người làng Chợ Dầu. Hai người thì thầm ở góc nhà một lúc lâu rồi thấy ông Hai đóng khăn áo chỉnh tề tất tả theo hắn đi. Ông vội vã đến quên cả dặn trẻ coi nhà.

Ông Hai đi mãi đến sẩm tối mới về. Cái mặt buồn thiu mọi ngày bỗng tươi vui, rạng rỡ hẳn lên. Mồm bồm bẻm nhai trầu, cặp mắt hung hung đỏ, hấp háy... Vừa đến ngõ, ông lão đã lên tiếng:

(1) Đơn sai: không giữ đúng như lời, thiếu trung thực.

– Chúng mày đâu rồi, ra thầy chia quà cho nào.

Lũ trẻ trong nhà ùa ra, ông lão rút vội cái gói bọc lá chuối khô cho con bé lớn:

– Bánh rán đường đây, chia cho em mỗi đứa một cái.

Dứt lời, ông lão lại lật đật đi thẳng sang bên gian bác Thứ.

Chưa đến bực cửa, ông lão đã bô bô:

– Bác Thứ đâu rồi? Bác Thứ làm gì đấy? Tây nó đốt nhà tôi rồi bác ạ. Đốt nhẵn! Ông chủ tịch làng tôi vừa mới lên trên này cải chính⁽¹⁾, ông ấy cho biết... cải chính cái tin làng Chợ Dầu chúng tôi đi Việt gian ấy mà. Láo! Láo hết! Toàn là *sai sự mục đích*⁽²⁾ cả.

Ông Hai khoe điều gì? Điều ông khoe có gì khác thường không?

Bác Thứ chưa nghe thủng câu chuyện ra sao, ông lão đã lại lật đật bỏ lên nhà trên.

– Tây nó đốt nhà tôi rồi ông chủ ạ. Đốt nhẵn. Ông chủ tịch làng em vừa lên cải chính... cải chính cái tin làng Chợ Dầu chúng em Việt gian ấy mà. Láo! Láo hết, chẳng có gì sất. Toàn là *sai sự mục đích* cả!

Cũng chỉ được bằng ấy câu, ông lão lại lật đật bỏ đi nơi khác. Còn phải kể cho người khác biết chứ. Ông lão cứ múa tay lên mà khoe cái tin ấy với mọi người. Ai cũng mừng cho ông lão.

Đến ngay cả mẹ chủ nhà là người ông lão yên trí nghe xong tin này thế nào mặt mẹ cũng sa sầm xuống mà nói tức nói xóc, thì trái lại, mẹ lại tỏ vẻ rất vui sướng. Mẹ giương tròn cả hai mắt lên mà reo:

Vì sao bà chủ nhà thay đổi thái độ với gia đình ông Hai?

– A, thế chứ! Thế mà tớ cứ tưởng dưới nhà đi Việt gian thật, tớ ghét ghê ấy... Thôi, bây giờ thì ông bà lại cứ ở tự nhiên chả ai bảo sao. Ăn hết nhiều chứ ở hết bao nhiêu.

Mẹ cười khi khi:

– Này, rồi cũng phải nuôi lấy con lợn... mà ăn mừng đấy!...

Ông Hai gật gật:

– Được, được, chuyện này phải nuôi chứ...

Tối hôm ấy, ông Hai lại sang bên gian bác Thứ, lại ngồi trên chiếc chõng tre, vén quần lên tận bẹn mà nói chuyện về cái làng của ông.

(1) *Cải chính*: chữa lại, sửa lại cho đúng sự thật.

(2) *Sai sự mục đích*: sai sự thật (nghĩa trong lời nói của ông Hai). Ở đây, có lẽ ông Hai thích nói chữ nhưng dùng từ không chính xác. Đúng ra, phải dùng từ *mục kích* (trông thấy bằng chính mắt mình, tận mắt).

Ông kể lại hôm Tây vào khủng bố. Chúng nó có bao nhiêu thằng, bao nhiêu Tây, bao nhiêu Việt gian, đi những đường nào, đốt phá những đâu đâu, và dân quân, tự vệ làng ông bố trí, cầm cự ra sao, rành rọt, tỉ mỉ như chính ông lão vừa mới dự trận đánh giặc ấy xong thật...

(Truyện ngắn chọn lọc Kim Lân, NXB Văn học, Hà Nội, 2017)



1. Tóm tắt cốt truyện và xác định nhân vật chính của truyện.
2. Hãy nêu tình huống truyện và chỉ ra tác dụng của tình huống trong việc khắc họa nhân vật và chủ đề của tác phẩm.
3. Tìm các chi tiết thể hiện diễn biến tâm trạng của nhân vật ông Hai trong truyện. Qua đó, hãy nêu nhận xét của em về nhân vật ông Hai và nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật của nhà văn Kim Lân.
4. Em có ấn tượng gì về ngôn ngữ của các nhân vật trong truyện? Vì sao?
5. Theo em, tại sao nhà văn đặt tên cho tác phẩm là *Làng* mà không phải là *Làng Chợ Dầu*?
6. Hãy tưởng tượng: Nếu nhân vật ông Hai trong tác phẩm của Kim Lân sống ở làng Chợ Dầu trong bối cảnh cuộc sống hôm nay thì em nghĩ ông sẽ chia sẻ với mọi người điều gì về làng quê của mình?

2

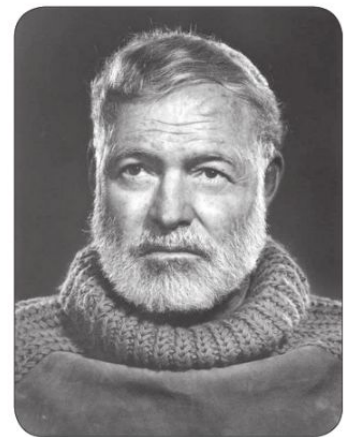
Ông lão bên chiếc cầu

HÊ-MINH-UÊ

1 Chuẩn bị

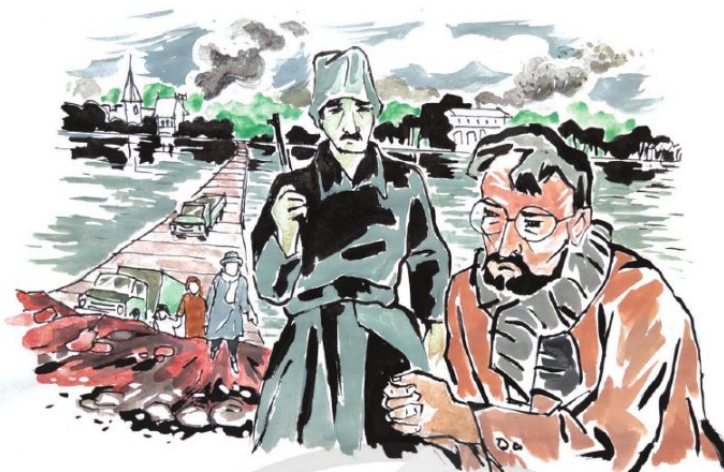
– Đọc trước văn bản; tìm hiểu thêm thông tin về tác giả Ô-nít Hê-minh-uê và tác phẩm *Ông lão bên chiếc cầu*.

– Từ khoá “chiến tranh” gợi lên cho em những cảm nhận, suy nghĩ gì? Hãy chia sẻ cùng thầy cô và các bạn!



Ô-nít Hê-minh-uê
(1899 – 1961), Mỹ

2 Đọc hiểu



① Ông lão mặc bộ đồ rất bẩn, đeo đôi kính gọng thép đang ngồi bên lề đường. Có một chiếc cầu phà bắc qua sông. Xe chở hàng, xe tải, đàn ông, đàn bà và trẻ con đang vượt qua. Máy chiếc xe hàng, do lừa kéo, chậm rãi bò lên bờ dốc khi qua khỏi cầu. Binh lính giúp đẩy hộ. Máy chiếc xe tải chuyển bánh chạy trước. Những người nông dân lê chân trong bụi đất ngập đến mắt cá. Nhưng ông lão vẫn ngồi đấy, không nhúc nhích. Lão quá mệt để đi tiếp. Nhiệm vụ của tôi là băng qua cầu, thăm dò đầu cầu bên kia và tìm xem bước tiến của quân địch. Tôi thu xếp xong mọi thứ rồi quay lại. Bấy giờ chỉ còn vài chiếc xe ngựa và ít người rớt lại, nhưng ông lão vẫn ngồi đó.

Chú ý các chi tiết thể hiện bối cảnh của truyện.

② “Bác từ đâu đến?”, tôi hỏi.

“Từ Xan Các-lốt (San Carlos)⁽¹⁾”, lão đáp và mỉm cười.

Đấy là quê hương của lão. Lão hãnh diện và mỉm cười khi có người nhắc đến.

“Tôi nuôi gia súc.”, lão giải thích.

“Tuyệt!”, tôi tiếp lời song thật chưa hiểu hết.

“Ừ”, lão nói, “tôi ở lại, anh biết đấy, để chăm nom gia súc. Tôi là người cuối cùng rời khỏi thị trấn Xan Các-lốt.”.

Trông lão chẳng giống người chăn cừu hay nuôi gia súc tí nào. Tôi nhìn bộ đồ bẩn màu đen, khuôn mặt xám bẩn, đôi kính gọng thép của lão và hỏi: “Chúng thuộc loại nào?”.

Lời đối thoại cho biết các thông tin gì về nhân vật ông lão?

(1) *Xan Các-lốt*: một thị trấn ở Tây Ban Nha.

“Nhiều loài.”, lão trả lời và lắc đầu, “Tôi phải để chúng lại.”.

Tôi đang quan sát chiếc cầu và miền đồng bằng trông hết như ở châu Phi của vùng châu thổ E-brô (Ebro)⁽¹⁾ và tự nhủ chẳng biết bao lâu nữa, chúng tôi mới có thể thấy quân thù. Tôi lắng nghe để xem có tiếng động nào là dấu hiệu chúng tỏ chúng đang đến. Ông lão vẫn ngồi đấy.

“Chúng là loại gì?”, tôi hỏi.

“Có ba loại cả thảy”, lão giải thích, “hai con dê, một con mèo, và bốn cặp chim bồ câu.”.

“Và bác đã thả chúng?”, tôi hỏi.

“Ừ. Bởi vì pháo. Đại úy bảo tôi phải rời đi bởi vì pháo.”.

“Bác sống một mình à?”, tôi tiếp tục hỏi trong lúc đang nhìn về phía bên kia cầu, nơi những chiếc xe ngựa cuối cùng đang vội vã lăn bánh xuống bờ dốc.

“Ừ.”, lão đáp “Chỉ sống với mấy con vật mà tôi mới kể. Con mèo, dĩ nhiên, sẽ tự xoay xở được. Giống mèo có thể tự kiếm ăn lấy. Nhưng tôi không biết điều gì sẽ xảy ra với các con khác.”.

Điều gì khiến ông lão lo lắng?

“Bác theo phái nào?”, tôi hỏi.

“Tôi không quan tâm đến chính trị.”, lão đáp, “Tôi đã 76 tuổi. Tôi đã đi được 12 ki-lô-mét. Và tôi nghĩ chẳng nên đi nữa.”.

“Bác không thể ở lại nơi này.”, tôi nói, “Nếu bác muốn đi nhờ xe, thì hãy còn vài chiếc đang đỗ trên lối rẽ về hướng Tô-rơ-tô-sa (Tortosa)⁽²⁾.”.

“Tôi ngồi thêm lát nữa”, lão nói, “rồi sẽ đi. Những chiếc xe ấy về đâu?”.

“Đến Bác-xê-lô-na (Barcelona)⁽³⁾.”, tôi đáp.

“Tôi không quen ai ở đó”, lão nói, “dẫu sao thì cũng cảm ơn anh. Cảm ơn anh rất nhiều.”.

Lão lơ đãng và mệt mỏi nhìn tôi, rồi nói như muốn chia sẻ nỗi lo với người khác. “Con mèo sẽ tự xoay xở được, tôi chắc thế. Chẳng cần phải lo cho nó. Nhưng còn những con khác. Anh nghĩ gì về chúng?”.

“Chẳng sao, chúng có thể tự lo được.”.

“Anh tin vậy sao?”.

(1) *E-brô*: con sông lớn nhất ở Tây Ban Nha.

(2) *Tô-rơ-tô-sa*: thủ phủ của vùng Bai-xơ E-brê (Baix Ebre), tỉnh Ta-ra-gô-na (Tarragona), Tây Ban Nha.

(3) *Bác-xê-lô-na*: thành phố lớn thứ hai của Tây Ban Nha, thủ phủ vùng Ca-ta-lô-ni-a (Catalonia).

“Tại sao không?”, tôi nói, rồi nhìn sang bờ bên kia, nơi ấy bây giờ chẳng còn một chiếc xe nào nữa.

“Nhưng chúng làm sao tránh được đạn pháo một khi tôi bị buộc phải rời đi vì pháo kích?”.

“Bác có mở chuồng chim ra không?”. Tôi hỏi.

“Có.”.

“Vậy thì chúng sẽ bay.”.

“Ừ, chắc chắn chúng sẽ bay. Nhưng còn những con khác. Tốt hơn hết là không nên nghĩ gì về chúng.”, lão nói.

“Nếu cháu là bác, cháu sẽ đi”, tôi giục, “cố đứng dậy và đi ngay.”.

“Cảm ơn.”, lão đáp và co chân gượng đứng dậy, lão đảo rồi ngồi bệt trở lại trên con đường đầy bụi.

“Tôi phải trông nom chúng.”, lão buồn bã nói, nhưng không với tôi, “Tôi chỉ quan tâm đến mấy con vật.”.

Đây là lời đối thoại hay độc thoại?

Tôi không biết phải nói gì với lão. Hôm ấy là Chủ nhật Phục sinh. Quân đội phát xít đang tiến về E-brô. Bầu trời u ám dường như sà thấp xuống, vì thế, máy bay của chúng không hoạt động được. Điều ấy cùng với thực tế là giống mèo có thể tự xoay sở, đã mang lại cho ông lão niềm may mắn.

(*O-nít Hê-minh-uê, Truyện ngắn,*

LÊ HUY BẮC Chủ biên và giới thiệu, dịch, NXB Văn học, Hà Nội, 2004)




1. Hãy xác định đề tài, bối cảnh, ngôi kể và các nhân vật trong truyện *Ông lão bên chiếc cầu*.
2. Nhân vật ông lão được thể hiện như thế nào trong văn bản? Câu chuyện dự báo điều gì sẽ đến với ông? Vì sao?
3. Chi tiết về ngày “Chủ nhật Phục sinh” và “niềm may mắn” của ông lão ở phần cuối tác phẩm tạo ra sự tương phản như thế nào với cảnh ngộ của ông? Qua đó, tác giả muốn gửi gắm điều gì?
4. Hãy chỉ ra và phân tích một số đặc sắc nghệ thuật của truyện (các hình ảnh biểu tượng, ngôn ngữ đối thoại, độc thoại nội tâm,...).
5. Việc tác giả không đặt tên cho nhân vật ông lão trong tác phẩm có ý nghĩa gì?
6. Truyện gửi đến người đọc thông điệp gì? Theo em, thông điệp đó có ý nghĩa như thế nào trong cuộc sống hiện nay?

Cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp

1. Ghép các lời dẫn (in đậm) ở bên A với cách dẫn phù hợp ở bên B:

A. Lời dẫn	B. Cách dẫn
a) Ông kiểm điểm từng người trong óc. Không mà, họ toàn là những người có tinh thần cả mà. Họ đã ở lại làng, quyết tâm một sống một chết với giặc, có đời nào lại cam tâm làm điều nhục nhã ấy! (Kim Lân)	1) Dẫn trực tiếp ý nghĩ của nhân vật
b) Bà Hai bỗng lại cất tiếng: – Thấy nó ngủ rồi ư? Dậy tôi bảo cái này đã. (Kim Lân)	2) Dẫn gián tiếp lời nói của nhân vật
c) Anh tìm vô nhà gặp mẹ, kể với mẹ anh ấy gặp cậu đang theo bộ đội đi qua bên mặt trận... (Phùng Quán)	3) Dẫn trực tiếp lời nói của nhân vật
d) Trong đầu tôi chợt nảy ra một ước mơ rất trẻ con: “Biết đâu có lúc nào đó mình cũng làm được một chiếc xe như thế nhỉ?”. (Hon-đa Sô-i-chi-rô – Honda Soichiro)	4) Dẫn gián tiếp ý nghĩ của nhân vật

 a) – 4)

2. Tìm lời dẫn trong những đoạn văn dưới đây. Xác định các trường hợp: dẫn lời nói, dẫn ý nghĩ; dẫn trực tiếp, dẫn gián tiếp. Chỉ ra đặc điểm giúp em nhận biết mỗi cách dẫn và sự phù hợp của cách dẫn đó trong mỗi đoạn văn.

a) *Bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng Pháp năm 1791 cũng nói: “Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi.”.* (Hồ Chí Minh)

b) *Ông kể lại hôm Tây vào khủng bố. Chúng nó có bao nhiêu thằng, bao nhiêu Tây, bao nhiêu Việt gian, đi những đường nào, đốt phá những đâu đâu,*

và dân quân, tự vệ làng ông bố trí, cầm cự ra sao, rành rọt, tỉ mỉ như chính ông lão vừa mới dự trận đánh giặc ấy xong thật... (Kim Lân)

c) *Hoạ sĩ nghĩ thầm: “Khách tới bất ngờ, chắc cu cậu chưa kịp quét tước dọn dẹp, chưa kịp gấp chăn chẳng hạn.”*. (Nguyễn Thành Long)

3. Chuyển lời dẫn trực tiếp dưới đây thành lời dẫn gián tiếp:

a) *Hôm sau, Linh Phi lấy một cái túi bằng lụa tía, đựng mười hạt minh châu, sai sứ giả Xích Hồn đưa Phan ra khỏi nước. Vũ Nương nhân đó cũng đưa gửi một chiếc hoa vàng mà dặn:*

– *Nhờ nói hộ với chàng Trương, nếu còn nhớ chút tình xưa nghĩa cũ, xin lập một đàn giải oan ở bên sông, đốt cây đèn thần chiếu xuống nước, tôi sẽ trở về.* (Nguyễn Dữ)

b) *Sau khi thằng con đi, lão tự bảo rằng: “Cái vườn là của con ta. Hồi còn mồ ma mẹ nó, mẹ nó cố thắt lưng buộc bụng, dè sẻn mãi, mới để ra được năm mươi đồng bạc tậu.”*. (Nam Cao)

c) *Nhà văn Xu-khôm-lin-xki (Sukhomlynsky) đã nói: “Con người sinh ra không phải để tiêu biến như một hạt cát vô danh. Họ sinh ra để in dấu lại trên mặt đất, in dấu lại trong trái tim người khác.”*. (Theo Trần Thị Ngọc Luyến)

4. Viết một đoạn văn (khoảng 8 – 10 dòng) về chủ đề *tinh thần yêu nước của nhân dân ta*, trong đó có dẫn trực tiếp một trong các ý kiến dưới đây của Chủ tịch Hồ Chí Minh:

a) *Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta.*

b) *Lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta. Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung,... Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng.*



Chiếc lược ngà

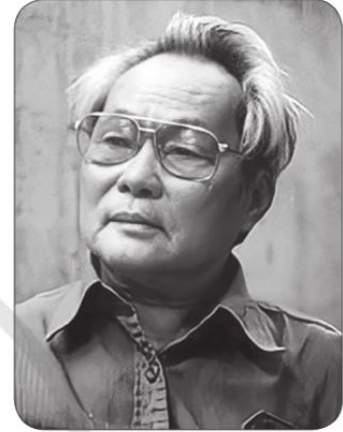
(Trích)

NGUYỄN QUANG SÁNG

1 Chuẩn bị

– Đọc trước truyện ngắn *Chiếc lược ngà*; tìm hiểu thêm thông tin về tác giả Nguyễn Quang Sáng và một số bài viết về tác phẩm của ông.

– Hãy chia sẻ suy nghĩ về một tác phẩm văn học thể hiện tình cha con để lại ấn tượng sâu sắc cho em.



Nguyễn Quang Sáng
(1932 – 2014),
quê ở An Giang

2 Đọc hiểu

① Các bạn! Mỗi lần nhìn thấy cây lược ngà nhỏ ấy là mỗi lần tôi băn khoăn và ngậm ngùi. Trong cuộc đời kháng chiến của tôi, tôi chứng kiến không biết bao nhiêu cuộc chia tay, nhưng chưa bao giờ tôi bị xúc động như lần ấy. Trong những ngày hoà bình vừa lập lại⁽¹⁾, tôi cùng về thăm quê với một người bạn. Nhà chúng tôi ở cạnh nhau, gần vàm kinh⁽²⁾ nhỏ đổ ra sông Cửu Long. Chúng tôi cùng thoát li⁽³⁾ đi kháng chiến đầu năm 1946, sau khi tỉnh nhà bị chiếm. Lúc đi, đưa con gái đầu lòng của anh – và cũng là đứa con duy nhất của anh, chưa đầy một tuổi. Anh thứ sáu và cũng tên Sáu. Suốt mấy năm kháng chiến, chị Sáu có đến thăm anh mấy lần. Lần nào anh cũng bảo chị đưa con đến. Nhưng cái cảnh đi thăm chồng ở chiến trường miền Đông⁽⁴⁾ không đơn giản. Chị không dám đưa con qua rừng.

Chú ý bối cảnh xảy ra câu chuyện.

(1) *Hoà bình vừa lập lại*: chỉ sự kiện hoà bình lập lại trên đất nước ta theo Hiệp định Giơ-ne-vơ (Genève) tháng 7-1954, sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

(2) *Vàm kinh* (từ địa phương): vùng cửa kênh (kinh), rạch đổ ra sông.

(3) *Thoát li*: rời gia đình đi tham gia công tác hay chiến đấu.

(4) *Miền Đông*: miền Đông Nam Bộ, nơi có căn cứ của lực lượng kháng chiến và là chiến trường nổi tiếng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Nam Bộ.

Nghe chị nói có lí, anh không trách được. Anh chỉ thấy con qua tấm ảnh nhỏ thôi. Đến lúc được về, cái tình người cha cứ nôn nao trong người anh. Xuống vào bên, thấy một đứa bé độ tám tuổi tóc cắt ngang vai, mặc quần đen, áo bông⁽¹⁾ đỏ đang chơi nhà chòi⁽²⁾ dưới bóng cây xoài trước sân nhà, đoán biết là con, không thể chờ xuống cập lại bên, anh nhún chân nhảy tót lên, xô chiếc xuống tạt ra, khiến tôi bị chói với. Anh bước vội vàng với những bước dài, rồi dừng lại kêu to:

– Thu! Con.

Vừa lúc ấy, tôi đã đến gần anh. Với lòng mong nhớ của anh, chắc anh nghĩ rằng, con anh sẽ chạy xô vào lòng anh, sẽ ôm chặt lấy cổ anh. Anh vừa bước, vừa khom người đưa tay đón chờ con. Nghe gọi, con bé giật mình, tròn mắt nhìn. Nó ngơ ngác, lạ lùng. Còn anh, anh không ghìm nổi xúc động. Mỗi lần bị xúc động, vết sẹo⁽³⁾ dài bên má phải lại đỏ ửng lên, giần giật, trông rất dễ sợ. Với vẻ mặt xúc động ấy và hai tay vẫn đưa về phía trước, anh chậm chậm bước tới, giọng lặp bập run run:

– Ba đây con!

– Ba đây con!

Con bé thấy lạ quá, nó chớp mắt nhìn tôi như muốn hỏi đó là ai, mặt nó bỗng tái đi, rồi vụt chạy và kêu thét lên: “Má! Má!”. Còn anh, anh đứng sững lại đó, nhìn theo con, nỗi đau đớn khiến mặt anh sầm lại trông thật đáng thương và hai tay buông xuống như bị gãy.

② Vì đường xa, chúng tôi chỉ ở nhà được có ba ngày. Trong ba ngày ngắn ngủi đó, con bé không kịp nhận ra anh là cha... Suốt ngày anh chẳng đi đâu xa, lúc nào cũng vỗ về con. Nhưng càng vỗ về, con bé càng đẩy ra. Anh mong được nghe một tiếng “ba” của con bé, nhưng con bé chẳng bao giờ chịu gọi. Nghe mẹ nó bảo gọi ba vào ăn cơm thì nó bảo lại:

– Thì má cứ kêu đi.

Mẹ nó đâm nổi giận quơ đũa bếp dọa đánh, nó phải gọi nhưng lại nói trống⁽⁴⁾:

– Vô ăn cơm!

Anh Sáu vẫn ngồi im, giả vờ không nghe, chờ nó gọi “Ba vô ăn cơm.”. Con bé cứ đứng trong bếp nói vọng ra:

(1) Áo bông (từ địa phương): áo vải hoa (bông: hoa).

(2) Chơi nhà chòi (từ địa phương): trò chơi cất lều con của trẻ em.

(3) Sẹo (từ địa phương): sẹo.

(4) Nói trống (từ địa phương): nói trống không với người khác, không dùng từ xưng hô.

Hình dung cuộc gặp gỡ ban đầu của hai cha con.

Chú ý ngôn ngữ đối thoại trong văn bản.

Chú ý các lời “nói trống” của bé Thu.

– Cơm chín rồi!

Anh cũng không quay lại. Con bé bực quá, quay lại mẹ và bảo:

– Con kêu rồi mà người ta không nghe.

Anh quay lại nhìn con, vừa khe khẽ lắc đầu vừa cười. Có lẽ vì khổ tâm đến nỗi không khóc được, nên anh phải cười vậy thôi. Bữa sau, đang nấu cơm thì mẹ nó chạy đi mua thức ăn. Mẹ nó dặn, ở nhà có gì cần thì gọi ba giúp cho. Nó không nói không rằng, cứ lui cui⁽¹⁾ dưới bếp. Nghe nồi cơm sôi, nó giở nắp, lấy đũa bếp sơ qua – nồi cơm hơi to, nhắm không thể nhắc xuống để chắt nước được, đến lúc đó nó mới nhìn lên anh Sáu. Tôi nghĩ thầm, con bé đang bị dồn vào thế bí, chắc nó phải gọi ba thôi. Nó nhìn dáo dác một lúc rồi kêu lên:

– Cơm sôi rồi, chắt nước giùm cái! – Nó cũng lại nói trống.

Tôi lên tiếng mở đường cho nó:

– Cháu phải gọi “Ba chắt nước giùm con.”, phải nói như vậy.

Nó như không để ý đến câu nói của tôi, nó lại kêu lên:

– Cơm sôi rồi, nhão bây giờ!

Anh Sáu cứ vẫn ngồi im. Tôi dọa nó:

– Cơm mà nhão, má cháu về thế nào cũng bị đòn. Sao cháu không gọi ba cháu? Cháu nói một tiếng “ba” không được sao?

Lúc đó, nồi cơm sôi lên sùng sục. Nó hơi sợ, nó nhìn xuống, vẻ nghĩ ngợi, nhắc không nổi, nó lại nhìn lên. Tiếng cơm sôi như thúc giục nó. Nó nhăn nhó muốn khóc. Nó nhìn nồi cơm, rồi nhìn lên chúng tôi. Thấy nó lúng lúng, tôi vừa tội nghiệp vừa buồn cười, nghĩ chắc thế nào nó cũng chịu thua. Nó loay hoay rồi nhón gót lấy cái vá⁽²⁾ múc ra từng vá nước, miệng lẩm bẩm điều gì không rõ. Con bé dáo dác thật.

Trong bữa cơm đó, anh Sáu gắp một cái trứng cá to vàng để vào chén⁽³⁾ nó. Nó liền lấy đũa xoi vào chén, để đó rồi bắt thần hất cái trứng ra, cơm văng tung toé cả mâm. Giận quá và không kịp suy nghĩ, anh vung tay đánh vào mông nó và hét lên:

– Sao mày cứng đầu quá vậy, hả?

Tôi tưởng con bé sẽ lăn ra khóc, sẽ giãy, sẽ đập đổ cả mâm cơm, hoặc sẽ chạy vụt đi. Nhưng không, nó ngồi im, đầu cúi gằm xuống. Nghĩ thế nào, nó cầm đũa, gắp lại cái trứng cá để vào chén, rồi lặng lẽ đứng dậy, bước ra khỏi mâm. Xuống bếp, nó

Lời nói của nhân vật bé Thu được trích dẫn trực tiếp hay gián tiếp?

Dự đoán xem nhân vật bé Thu sẽ làm gì.

(1) *Lui cui* (từ địa phương): lúi húi (chăm chú, luôn tay làm một việc gì đó, không để ý đến xung quanh).

(2) *Cái vá* (từ địa phương): cái môi (muôi).

(3) *Chén* (từ địa phương): bát ăn cơm.

nhảy xuống xuống, mở lời tới⁽¹⁾, cố làm cho dây lời tới khua ròn rảng⁽²⁾, khua thật to, rồi lẩy dầm bơi qua sông. Nó sang nhà ngoại, méc⁽³⁾ với ngoại và khóc ở bên ấy. Chiều đó, mẹ nó sang dỗ dành mấy nó cũng không về. Ngày mai anh Sáu phải đi, đó là đêm cuối cùng của hai anh chị, chị cũng không muốn bắt nó về.

③ Sáng hôm sau, bà con bên nội, bên ngoại đến rất đông. Cả con bé cũng theo ngoại nó về. Anh Sáu phải lo tiếp khách, anh như không chú ý đến con nữa. Còn chị Sáu thì lo chuẩn bị đồ đạc cho chồng, chị lo xếp từng chiếc áo, gói ghém đồ đạc vun vọt vào cái túi nhỏ, chị cứ lúi húi bên chiếc ba lô. Con bé như bị bỏ rơi, lúc đứng vào góc nhà, lúc đứng tựa cửa và cứ nhìn mọi người đang vây quanh ba nó. Vẻ mặt của nó có cái gì hơi khác, nó không bướng bỉnh hay nhăn mày cau có nữa, vẻ mặt nó sầm lại buồn rầu, cái vẻ buồn trên gương mặt ngây thơ của con bé trông rất dễ thương. Với đôi mi dài uốn cong, và như không bao giờ chớp, đôi mắt nó như to hơn, cái nhìn của nó không ngờ ngạc, không lạ lùng, nó nhìn với vẻ nghĩ ngợi sâu xa.

Thái độ của bé Thu có gì khác với lúc đầu gặp ông Sáu?

Đến lúc chia tay, mang ba lô lên vai, sau khi bắt tay hết mọi người, anh Sáu mới đưa mắt nhìn con, thấy nó đứng trong góc nhà.

Chắc anh cũng muốn ôm con, hôn con, nhưng hình như cũng sợ nó giẫy lên lại bỏ chạy, nên anh chỉ đứng nhìn nó. Anh nhìn với đôi mắt trĩu mền lẫn buồn rầu. Tôi thấy đôi mắt mênh mông của con bé bỗng xôn xao.

– Thôi! Ba đi nghe con! – Anh Sáu khe khẽ nói.

Chúng tôi, mọi người – kể cả anh, đều tưởng con bé sẽ đứng yên đó thôi. Nhưng thật lạ lùng, đến lúc ấy, tình cha con như bỗng nổi dậy trong người nó, trong lúc không ai ngờ đến thì nó bỗng kêu thét lên:

– Ba... a... a... ba!

Tiếng kêu của nó như tiếng xé, xé sự im lặng và xé cả ruột gan mọi người, nghe thật xót xa. Đó là tiếng “ba” mà nó cố đè nén trong bao nhiêu năm nay, tiếng “ba” như vỡ tung ra từ đáy lòng nó, nó vừa kêu vừa chạy xô tới, nhanh như một con sóc, nó chạy tót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó. Tôi thấy làn tóc tơ sau ót nó như dựng đứng lên.

Hình dung tình cảm xúc động trong lòng người cha và con gái.

Nó vừa ôm chặt lấy cổ ba nó vừa nói trong tiếng khóc:

– Ba! Không cho ba đi nữa! Ba ở nhà với con!

(1) *Lời tới* (từ địa phương): dây xích sắt hoặc dây chảo lớn dùng để buộc tàu, thuyền.

(2) *Ròn rảng*: từ gọi tả tiếng va chạm mạnh, vang và khô của những vật cứng, giòn.

(3) *Méc* (từ địa phương): mách.



Ba nó bé nó lên. Nó hôn ba nó cùng khắp. Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết thẹo dài bên má của ba nó nữa.

Trong lúc đó, ngoại nó cho tôi biết, đêm qua, bà đã tìm hiểu được vì sao nó không chịu nhận ba nó. Bà hỏi:

- Ba con, sao con không nhận?
- Không phải. – Đang nằm mà nó cũng giãy lên.
- Sao con biết là không phải? Ba con đi lâu, con quên rồi chứ gì!
- Ba không giống cái hình ba chụp với má.
- Sao không giống, đi lâu, ba con già hơn trước thôi.
- Cũng không phải già, ba con không có cái thẹo trên mặt như vậy.

Vì sao bé Thu lúc đầu không nhận ông Sáu là cha mình?

À ra vậy, bây giờ bà mới biết. Té ra nó không nhận ba nó là vì cái vết thẹo, và bà cho nó biết, ba nó đi đánh Tây bị Tây bắn bị thương – bà nhắc lại tội ác mấy thằng Tây ở đồn đầu vằm cho nó nhớ. Nghe bà kể, nó nằm im, lẩn lộn và thỉnh thoảng lại thở dài như người lớn. Sáng hôm sau, nó lại bảo ngoại đưa nó về. Nó vừa nhận ra thì ba nó đã đến lúc phải đi rồi.

Trong lúc đó, nó vẫn ôm chặt lấy ba nó. Không ghìm được xúc động và không muốn cho con thấy mình khóc, anh Sáu một tay ôm con, một tay rút khăn lau nước mắt, rồi hôn lên mái tóc con:

- Ba đi rồi ba về với con.
- Không! – Con bé hét lên, hai tay nó siết chặt lấy cổ, chắc nó nghĩ hai tay không thể giữ được ba nó, nó dang cả hai chân rồi câu chặt lấy ba nó, và đôi vai nhỏ bé của nó run run.

Nhìn cảnh ấy, bà con xung quanh có người không cầm được nước mắt, còn tôi bỗng thấy khó thở như có bàn tay ai nắm lấy trái tim tôi. Tôi bỗng nảy ra ý nghĩ, muốn bảo anh ở lại vài hôm. Nhưng thật khó, chúng tôi chưa biết mình sẽ đi tập kết hay ở lại. Chúng tôi cần về đúng ngày nhận lệnh để kịp chuẩn bị. Thế là đã đến lúc phải đi rồi, mọi người phải xúm lại vỗ về nó, mẹ nó bảo:

– Thu! Để ba con đi. Thống nhất rồi ba con về.

Bà ngoại nó vừa vuốt tóc nó vừa dỗ:

– Cháu của ngoại giỏi lắm mà! Cháu để ba cháu đi rồi ba sẽ mua về cho cháu một cây lược.

Con bé lại ôm chầm ba nó một lần nữa và mếu máo:

– Ba về! Ba mua cho con một cây lược, nghe ba! – Nó nói trong tiếng nấc, vừa nói vừa từ từ tuột xuống.

④ Sau đó hai chúng tôi trở lại miền Đông. Chúng tôi là cán bộ đoàn thể, chúng tôi không đi tập kết. Từ năm năm mươi tư đến năm năm mươi tám, năm mươi chín là những năm khó khăn, các bạn đã biết rồi. Về công việc và đời sống ở rừng, tôi có thể kể cho đến sáng, có đêm bị biệt kích và vây bắt đến ba lần, có ngày không gạo ăn, ăn toàn là bắp, nhưng thôi, đó là chuyện khác. Tôi xin trở lại mối tình cha con của bạn tôi. Những đêm rừng, nằm trên võng, mắt chỉ thấy tấm ni lông nóc, lúc nhớ con anh cứ ân hận sao mình lại đánh con. Nỗi khổ tâm đó cứ giày vò anh.

[...] Tôi hãy còn nhớ buổi chiều hôm đó – buổi chiều sau một ngày mưa rừng, giọt mưa còn đọng trên lá, rừng sáng lấp lánh. Đang ngồi làm việc dưới tấm ni lông nóc, tôi bỗng nghe tiếng kêu. Từ con đường mòn chạy lẫn trong rừng sâu, anh hớt hải chạy về, tay cầm khúc gỗ đưa lên khoe với tôi. Mặt anh hớn hở như một đứa trẻ được quà.

Sau đó anh lấy vỏ đạn hai mươi li của Mỹ, đập mỏng làm thành một cây chĩa nhỏ, chĩa khúc gỗ thành từng miếng nhỏ. Những lúc rỗi, anh chĩa từng chiếc răng lược, thận trọng, tỉ mỉ và cố công như người thợ bạc.

Chẳng hiểu sao tôi thích ngồi nhìn anh làm và cảm thấy vui vui khi thấy bụi gỗ rơi mỗi lúc một nhiều. Một ngày, anh chĩa được một vài răng. Không bao lâu sau, cây lược được hoàn thành. Cây lược dài độ hơn một tấc⁽¹⁾, bề ngang độ ba phân rưỡi, cây lược cho con gái, cây lược dùng để chải mái tóc dài, cây lược chỉ có một hàng răng thưa. Trên sống lưng lược có khắc một hàng chữ nhỏ mà anh đã gò lưng, tần mần khắc từng nét: “Yêu nhớ tặng Thu con của ba”. Cây lược gỗ ấy chưa chải được mái tóc của con, nhưng nó như gỡ rối được phần nào tâm trạng của anh.

Chi tiết nào thể hiện sự xúc động của nhân vật “tôi”?

Người cha đã làm gì để thực hiện lời hứa với con?

(1) Tấc: đơn vị đo chiều dài, một tấc bằng mười xăng-ti-mét.

Những đêm nhớ con, anh ít nhớ đến nỗi hối hận đánh con, nhớ con, anh lấy cây lược ra ngắm nghĩa rồi mài lên tóc cho cây lược thêm bóng, thêm mượt. Có cây lược, anh càng mong gặp lại con. Nhưng rồi một chuyện không may xảy ra. Một ngày cuối năm năm mươi tám – năm đó ta chưa vỡ trang

Chuyện không may gì đã xảy ra?

– trong một trận càn lớn của quân Mỹ – nguy, anh Sáu hi sinh. Anh bị viên đạn của máy bay Mỹ bắn vào ngực.

Trong giờ phút cuối cùng, không còn đủ sức trăng trối lại điều gì, hình như chỉ có tình cha con là không thể chết được, anh đưa tay vào túi, móc cây lược, đưa cho tôi và nhìn tôi một hồi lâu. Tôi không đủ lời lẽ để tả lại cái nhìn ấy, chỉ biết rằng, cho đến bây giờ, thỉnh thoảng tôi cứ nhớ lại đôi mắt của anh.

– Tôi sẽ mang về trao tận tay cho cháu.

Tôi cúi xuống gần anh và khẽ nói. Đến lúc ấy, anh mới nhắm mắt đi xuôi⁽¹⁾.
(Tóm tắt đoạn cuối: *Bác Ba – nhân vật kể chuyện, trong một chuyến đi công tác đã tình cờ gặp Thu tại một trạm giao liên ở vùng Đồng Tháp Mười. Thu đã thành một cô giao liên dũng cảm, dẫn đoàn cán bộ vượt qua đoạn đường nguy hiểm. Bác Ba đã thực hiện được nguyện vọng cuối cùng của người đồng đội cũ (ông Sáu), trao tận tay cho Thu chiếc lược ngà. Một tình cảm giống như tình cha con nảy nở giữa bác Ba với Thu.*)

Đoạn tóm tắt này cho biết điều gì?

1966

(25 truyện ngắn Nguyễn Quang Sáng, NXB Thông tin, Hà Nội, 1990)



1. Tóm tắt câu chuyện trong văn bản. Nhan đề *Chiếc lược ngà* liên quan đến chi tiết nào trong văn bản?
2. Người kể câu chuyện là ai? Nêu tác dụng của ngôi kể này. Hãy chỉ ra mối quan hệ giữa người kể chuyện và các nhân vật chính trong văn bản.
3. Phân tích sự chuyển biến trong suy nghĩ, hành động của bé Thu trước và sau khi nhận ông Sáu là cha mình.
4. Phân tích nghệ thuật xây dựng cốt truyện (mở đầu, diễn biến, kết thúc) và nghệ thuật miêu tả nhân vật (hành động, tâm lí, lời đối thoại,...) của tác giả qua văn bản *Chiếc lược ngà*.
5. Xác định chủ đề của văn bản. Chủ đề ấy còn có ý nghĩa đối với cuộc sống hôm nay như thế nào?
6. Em thích nhất chi tiết nào trong câu chuyện? Vì sao?

(1) *Nhắm mắt đi xuôi*: chỉ cái chết.

Chiếc lá cuối cùng

(Trích)

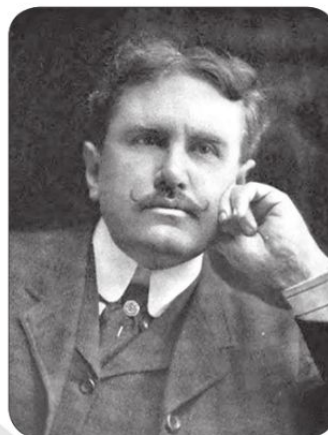
O. HEN-RI

1 Chuẩn bị

– Đọc trước văn bản *Chiếc lá cuối cùng* và tìm hiểu thêm thông tin về nhà văn O. Hen-ri (O. Henry).

– Tìm một số bài phân tích tác phẩm *Chiếc lá cuối cùng* và viết về tác giả O. Hen-ri.

– Em hiểu như thế nào là lòng nhân ái, vị tha? Hãy tìm một câu chuyện về lòng nhân ái, vị tha để có thể kể trước lớp.



O. Hen-ri
(1862 – 1910), Mỹ

2 Đọc hiểu

(Tóm tắt phần lược đi: *Xiu (Sue) và Giôn-xi (Johnsy) là hai nữ họa sĩ nghèo, còn trẻ, sống trong một căn hộ thuê ở gần công viên Oa-sinh-ton (Washington). Cụ Bơ-men (Behrman) cũng là một họa sĩ nghèo thuê phòng ở tầng dưới. Bốn chục năm nay, cụ mơ ước vẽ một kiệt tác nhưng chưa thực hiện được; cụ thường ngồi làm mẫu vẽ cho các họa sĩ để kiếm tiền. Lúc ấy là vào mùa đông, Giôn-xi bị bệnh sưng phổi. Bệnh tật và nghèo túng khiến cô tuyệt vọng không muốn sống nữa. Cô đếm từng chiếc lá còn lại trên cây thường xuân⁽¹⁾ bám vào bức tường gạch đối diện với cửa sổ, chờ khi nào chiếc lá cuối cùng rụng nốt thì cô cũng buông xuôi, là đời...)*

① Khi hai người lên trên gác thì Giôn-xi đang ngủ. Xiu kéo tấm màn màn xuống che kín cửa sổ và ra hiệu cho cụ Bơ-men sang buồng bên cạnh. Sang đến nơi, họ sợ sệt ngó ra ngoài cửa sổ, nhìn cây thường xuân. Rồi họ nhìn nhau một lát, chẳng nói năng gì. Một cơn mưa lạnh lẽo, dai dẳng vẫn đang rơi, lẫn cùng với tuyết. Cụ Bơ-men mặc chiếc sơ mi cũ màu xanh, ngồi đóng vai một tay thợ mỏ già trên cái ấm đun nước lật úp giả làm tảng đá.

Sáng hôm sau, Xiu tỉnh dậy sau khi chợp mắt được một tiếng đồng hồ thì thấy Giôn-xi đang mở to cặp mắt thần thờ nhìn tấm màn màu xanh đã kéo xuống.

“Kéo nó lên, em muốn nhìn.”, cô thều thào ra lệnh.

Xiu làm theo một cách chán nản.

Giôn-xi mong muốn điều gì?

(1) *Thường xuân*: một loại cây dây leo, bám vào tường gạch, lá rụng dần về mùa đông.

Nhưng, ô kìa! Sau trận mưa vùi dập và những cơn gió phũ phàng kéo dài suốt cả một đêm, tưởng chừng như không bao giờ dứt, vẫn còn một chiếc lá thường xuân bám trên bức tường gạch. Đó là chiếc lá cuối cùng trên cây. Ở gần cuống lá còn giữ màu xanh sẫm, nhưng vóirìa lá hình răng cưa đã nhuộm màu vàng úa, chiếc lá vẫn đứng cảm treo bám vào cành cách mặt đất chừng hai mươi bộ⁽¹⁾.

“Đó là chiếc lá cuối cùng.”, Giôn-xi nói, “Em cứ tưởng là nhất định trong đêm vừa qua nó đã rụng. Em nghe thấy gió thổi. Hôm nay nó sẽ rụng thôi và cùng lúc đó thì em sẽ chết.”.

“Chiếc lá cuối cùng” có ý nghĩa như thế nào với Giôn-xi?

“Em thân yêu, thân yêu!”, Xiu nói, cúi khuôn mặt hốc hác xuống gần gối, “Em hãy nghĩ đến chị, nếu em không còn muốn nghĩ đến mình nữa. Chị sẽ làm gì đây?”.

Nhưng Giôn-xi không trả lời. Cái cô đơn nhất trong khắp thế gian là một tâm hồn đang chuẩn bị sẵn sàng cho chuyến đi xa xôi bí ẩn của mình. Khi những dây ràng buộc cô với tình bạn và với thế gian cứ lơ lửng dần từng sợi một, ý nghĩ kì quặc ấy hình như càng choán lấy tâm trí cô mạnh mẽ hơn.

“Chuyến đi xa xôi bí ẩn” muốn chỉ điều gì?

Ngày hôm đó trôi qua và ngay cả trong ánh hoàng hôn, họ vẫn có thể trông thấy chiếc lá thường xuân đơn độc níu vào cái cuống của nó trên tường. Thế rồi, cùng với màn đêm buông xuống, gió bắc lại ào ào, trong khi mưa vẫn đập mạnh vào cửa sổ và rơi lộp độp xuống đất từ mái hiên tháp kiêu Hà Lan.

Hoàn cảnh ở đây có tác dụng gì?

② Khi trời vừa hửng sáng thì Giôn-xi, con người tàn nhẫn, lại ra lệnh kéo màn lên. Chiếc lá thường xuân vẫn còn đó.

Giôn-xi nằm nhìn chiếc lá hồi lâu. Rồi cô gọi Xiu đang quấy món cháo gà trên lò hơi đốt.

“Em thật là một con bé hư, chị Xiu thân yêu ơi.”, Giôn-xi nói, “Có một cái gì đấy đã làm cho chiếc lá cuối cùng vẫn còn đó để cho em thấy rằng mình đã tệ như thế nào. Muốn chết là một tội. Giờ thì chị có thể cho em xin tí cháo và chút sữa pha ít rượu vang đỏ và – khoan – đưa cho em chiếc gương tay trước đã, rồi xếp mấy chiếc gối lại quanh em, để em ngồi dậy xem chị nấu nướng.”.

Hình dung thái độ và tình cảm của Giôn-xi khi thấy “chiếc lá cuối cùng vẫn còn đó”.

Một tiếng đồng hồ sau, cô nói: “Chị Xiu thân yêu ơi, một ngày nào đó em hi vọng sẽ được vẽ vịnh Na-plo⁽²⁾ (Naples).”.

(1) Bộ: đơn vị đo chiều dài (fut), một bộ bằng 0,3048 mét.

(2) Vịnh Na-plo: tức Na-pô-li (Napoli), địa danh đẹp nổi tiếng thuộc bờ biển I-ta-li-a (Italia).

Buổi chiều, bác sĩ tới và khi ông ra về, Xiu kiếm có ra ngoài hành lang.

“Được năm phần mười rồi.”, bác sĩ nói và cầm lấy bàn tay mảnh dẻ run rẩy của Xiu, “Chăm sóc chu đáo thì chị sẽ thắng. Và bây giờ tôi phải xuống dưới nhà thăm một bệnh nhân khác, tên là Bơ-men, hình như là một nghệ sĩ thì phải. Cũng lại chứng sưng phổi. Ông cụ là một người già yếu, bệnh tình nguy kịch. Chẳng còn hi vọng gì, nhưng hôm nay ông cụ sẽ vào nằm bệnh viện để được chăm sóc chu đáo hơn.”

③ Hôm sau, bác sĩ bảo Xiu: “Cô ấy khỏi nguy hiểm rồi, chị đã thắng. Giờ chỉ còn việc bồi dưỡng và chăm nom – thể thôi.”

Suy luận: Vì sao Giôn-xi bình phục?

Và buổi chiều hôm đó, Xiu tới bên giường Giôn-xi nằm, thấy Giôn-xi đang vui vẻ đan một chiếc khăn choàng len màu xanh thẫm rất vô dụng, chị ôm lấy cả người Giôn-xi lẫn những chiếc gối.

“Chị có chuyện này muốn nói với em, con chuột bạch của chị.”, cô nói, “Cụ Bơ-men đã chết vì sưng phổi hôm nay ở bệnh viện rồi. Cụ ốm chỉ có hai ngày. Buổi sáng ngày thứ nhất, bác gác cổng thấy cụ ốm nặng trong căn phòng của cụ ở tầng dưới. Giày và áo quần của cụ ướt sũng và lạnh buốt. Chẳng ai hình dung nổi cụ đã ở đâu trong một đêm khủng khiếp như thế. Nhưng rồi người ta tìm thấy một chiếc đèn bão vẫn còn thấp sáng và một chiếc thang đã bị lôi ra khỏi chỗ để của nó, và vài chiếc bút lông rơi vung vãi, và một bảng pha màu có màu xanh và màu vàng trộn lẫn với nhau, và – em thân yêu ơi, em hãy nhìn ra ngoài cửa sổ, nhìn chiếc lá thường xuân cuối cùng ở trên tường. Em có lấy làm lạ tại sao chẳng bao giờ nó rung rinh hoặc lay động khi gió thổi không? Ồ, em thân yêu, đó chính là kiệt tác của cụ Bơ-men, – cụ vẽ nó ở đây vào cái đêm mà chiếc lá cuối cùng đã rụng.”

Sự việc cụ Bơ-men mất tạo nên điều bất ngờ gì?

Kết thúc truyện giúp người đọc hiểu ra điều gì?

(*Chiếc lá cuối cùng*, NGÔ VĨNH VIỄN dịch,
NXB Văn học, Hà Nội, 1983)



1. Tóm tắt truyện trong khoảng 5 – 7 dòng. Nhan đề *Chiếc lá cuối cùng* có liên quan như thế nào đến nội dung câu chuyện?
2. Truyện được kể ở ngôi thứ mấy? Dẫn ra và phân tích tác dụng của một số lời người kể chuyện và lời nhân vật.
3. Tình huống truyện có gì hấp dẫn? Kết thúc truyện có gì độc đáo? Nếu Xiu và Giôn-xi biết cụ Bơ-men sẽ vẽ chiếc lá trên tường thì câu chuyện có còn hấp dẫn không? Vì sao?

4. Phân tích tâm trạng của Giôn-xi qua hai lần yêu cầu “kéo mảnh lên”. Vì sao “chiếc lá cuối cùng” đã giúp Giôn-xi hồi sinh?

5. Nếu là Giôn-xi, em sẽ có suy nghĩ, cảm xúc như thế nào khi nghe Xiu kể lại sự việc cụ Bơ-men đã qua đời vì sưng phổi sau đêm vẽ “chiếc lá cuối cùng”?

6. Vì sao “chiếc lá cuối cùng” mà cụ Bơ-men vẽ lại được coi là một “kiệt tác”? Theo em, truyện nhằm gửi đến người đọc thông điệp gì?

VIẾT

Phân tích một tác phẩm truyện

1 Định hướng

1.1. Ở những lớp dưới, các em đã được học cách viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm truyện. Sách *Ngữ văn 9* tiếp tục rèn luyện kỹ năng phân tích và viết kiểu bài văn nghị luận này.

Bài văn phân tích một tác phẩm truyện cần phân tích được nội dung chủ đề; dẫn ra và phân tích tác dụng của một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm, từ đó, nêu lên nhận xét, đánh giá của bản thân về hiệu quả thẩm mỹ của những nét đặc sắc ấy.

Khi viết bài văn phân tích một tác phẩm truyện cần tránh sa đà vào kể lại nội dung văn bản mà không phân tích, lí giải, đánh giá,... các phương diện nội dung và hình thức của tác phẩm hoặc vừa kể lại, vừa “chêm xen” các nhận xét tản mát, vụn vặt. Các ý kiến, nhận xét về tác phẩm cần được khái quát thành luận điểm và được làm rõ bằng việc phân tích dựa trên văn bản của nhà văn cùng sự cảm nhận của bản thân. Số lượng luận điểm trong bài viết tùy thuộc vào sự phức tạp, phong phú,... của tác phẩm cần phân tích nhưng thông thường, khoảng từ 2 – 3 luận điểm chính được nêu lên và làm rõ trong bài viết là phù hợp.

Bài văn phân tích một tác phẩm truyện có thể yêu cầu phân tích toàn bộ tác phẩm, đoạn trích hoặc tập trung vào một số yếu tố nội dung, hình thức của tác phẩm truyện.

1.2. Để viết bài văn phân tích một tác phẩm truyện, các em cần chú ý:

– Đọc kĩ văn bản truyện, xác định chủ đề của truyện.

– Xác định các đặc sắc nghệ thuật của truyện như: nhan đề, ngôi kể, cốt truyện, tình huống truyện, nhân vật, ngôn ngữ của nhân vật và của người kể chuyện,...; làm rõ tác dụng của những yếu tố này trong việc thể hiện chủ đề, ý nghĩa của tác phẩm.

– Xác định các luận điểm trong bài viết; lựa chọn các bằng chứng từ tác phẩm truyện cho mỗi luận điểm.

– Liên hệ, so sánh với những tác giả, tác phẩm khác có cùng đề tài, chủ đề để nhận xét điểm gặp gỡ và sáng tạo riêng của tác giả được thể hiện trong tác phẩm truyện; liên hệ với bối cảnh đọc hiện tại, với bản thân để suy nghĩ, nhận xét về tác động, ý nghĩa của tác phẩm với người đọc và với chính bản thân em.

2 Thực hành

2.1. Thực hành viết theo các bước

Bài tập: *Chọn một trong hai đề sau:*

(1) *Phân tích truyện ngắn “Làng” của Kim Lân.*

(2) *Phân tích truyện ngắn “Ông lão bên chiếc cầu” của O-nít Hê-minh-uê.*

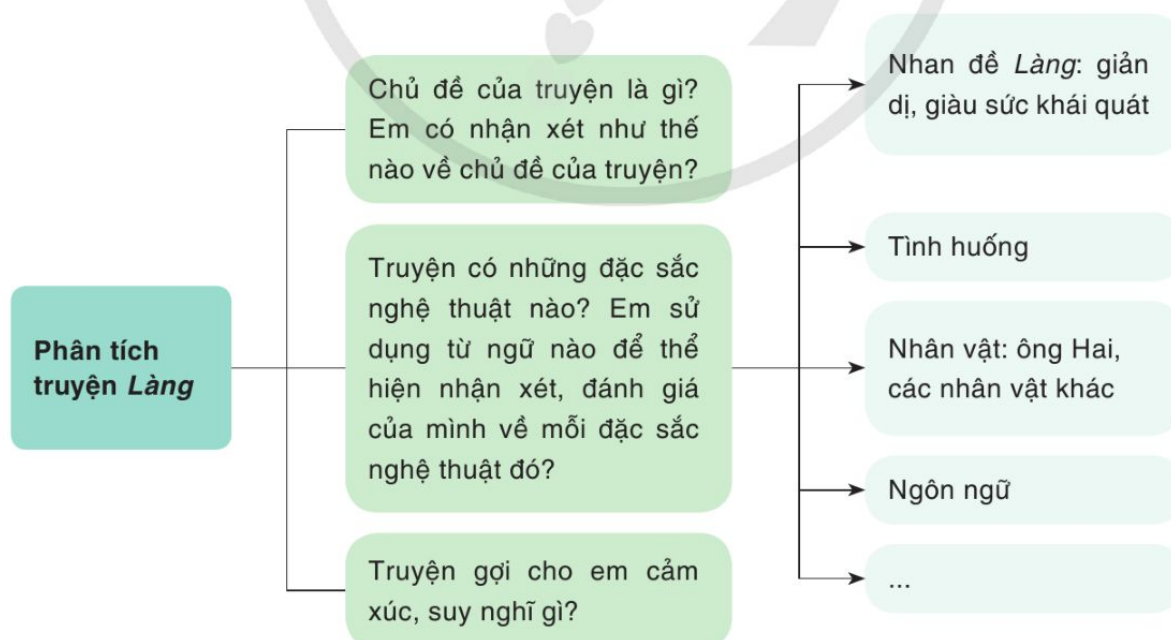
a) Chuẩn bị (ví dụ với đề 1)

– Xác định yêu cầu của đề bài (về nội dung, kiểu loại văn bản) và người đọc bài viết.

– Xem lại nội dung đọc hiểu truyện ngắn *Làng* của Kim Lân.

b) Tìm ý và lập dàn ý

– Tìm ý cho bài viết bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi theo sơ đồ sau:



– Lập dàn ý bằng cách lựa chọn, sắp xếp các ý đã tìm được theo bố cục ba phần:

Mở bài

Giới thiệu nhan đề, tác giả, thể loại và nhận xét chung về truyện.

Thân bài

Phân tích nội dung chủ đề của truyện:

+ Nêu và nhận xét về chủ đề của truyện.

+ Phân tích, đánh giá các đặc sắc nghệ thuật để làm rõ chủ đề của truyện và hiệu quả thẩm mỹ của các đặc sắc đó:

• Đặc sắc về nhan đề và tình huống truyện: nhan đề giản dị, giàu sức khái quát; tình huống truyện độc đáo.

• Đặc sắc về nhân vật và nghệ thuật xây dựng nhân vật:

› Nhân vật ông Hai (tập trung vào diễn biến tâm trạng của ông Hai khi nghe tin làng Chợ Dầu làm Việt gian và khi biết tin cải chính).

› Những nhân vật khác: bà Hai, chủ nhà, bác Thứ, người dân tản cư (tập trung vào thái độ, tình cảm với ông Hai và gia đình trong mỗi tình huống để làm nổi bật chủ đề của truyện).

• Một số đặc sắc nghệ thuật khác trong truyện: ngôi kể, điểm nhìn, ngôn ngữ,...

Kết bài

Nhận xét khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của truyện. Nêu tác động của truyện đối với cá nhân người viết bài.

c) Viết

– Dựa vào dàn ý đã lập để luyện tập kỹ năng viết bài.

– Khi phân tích mỗi yếu tố cần chú ý những điểm nổi bật, sử dụng bằng chứng từ văn bản và làm rõ tác dụng của chúng.

– Trong khi phân tích, chú ý tạo điểm nhấn cho các yếu tố hình thức được lựa chọn bằng những đánh giá, nhận xét phù hợp, xác đáng, thể hiện sự tìm tòi, khám phá của cá nhân.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 1, phần *Viết*, mục d (trang 27, 28) và đối chiếu với dàn ý đề văn đã làm ở bài này.

2.2. Rèn luyện kỹ năng viết: Phân tích nhân vật trong tác phẩm truyện

a) Cách thức

Nhân vật là yếu tố quan trọng giúp nhà văn thể hiện chủ đề của tác phẩm truyện. Vì vậy, khi phân tích một tác phẩm truyện, cần quan tâm đến việc tìm hiểu nhân vật. Để phân tích nhân vật, cần xác định các chi tiết nhà văn sử dụng để thể hiện nhân vật như ngoại hình, hành động, suy nghĩ, lời nói, mối quan hệ với các nhân vật khác,... từ đó, khái quát để đưa ra các nhận xét về đặc điểm của nhân vật (ví dụ đặc điểm về

số phận, tính cách,...), về nghệ thuật thể hiện nhân vật của tác giả, về tác dụng thể hiện chủ đề của nhân vật được phân tích,... Có thể lựa chọn để liên hệ, so sánh với nhân vật trong các tác phẩm văn học khác để nhận ra điểm gặp gỡ và khác biệt. Cần kết hợp linh hoạt giữa lí lẽ và bằng chứng, giữa phân tích và đánh giá, nhận xét, giữa nội dung khách quan về nhân vật và cảm nhận chủ quan của người viết về nhân vật đó.

Ví dụ dưới đây là đoạn văn phân tích nhân vật lão Hạc trong truyện *Lão Hạc* của Nam Cao:

Đoạn văn	Chức năng của câu văn
<p>(1) Lão hiện ra tự nhiên quá đỗi, cứ như thấy thế nào tả thế ấy, chẳng gia công sắp đặt, bài binh bố trận gì. (2) Mà chấp nối từ toàn những chuyện không đâu vào đâu: nào dẫn đo về bán hay không bán con chó vàng và mảnh vườn, chuyện ốm đau tiêu lạm vào số tiền góp nhặt, chắt bóp, dành dụm được, nào chuyện thằng con đi xa có đến hàng năm chẳng giấy má gì... được kể nhân lúc hút thuốc lào vặt của hai ông hàng xóm, thế thôi. (3) Ấy thế nhưng, lão hiện lên là nhờ một chùm tương quan được giấu kín trong cái mạch đầy vắn vớ, tuy tiện ấy, tựa như một “hệ vi mạch” bí mật và hoàn hảo. (4) Mỗi tương quan là một luồng sáng, chúng hội tụ về từ khắp phía giúp nhà văn làm rạng ngời lên chân dung lão Hạc. [...] (5) Từ tấm lòng của lão Hạc dành cho đứa con trai duy nhất, Nam Cao đã nhìn thấy ở người cha xác xơ còm cõi này một tình phụ tử nguyên sơ và vĩnh cửu. (6) Không phải lão không biết quý sinh mệnh của mình. (7) Tuy nhiên, có một thứ lão còn quý hơn: ấy là đạo làm người, làm cha! (8) Đối với lão, sống dường như có một ý nghĩa: <i>sống cho con!</i> (9) Hoàn cảnh cùng cực đẩy lão đến trước một lựa chọn nghiệt ngã: muốn sống thì phải lổi đạo làm cha (phải xâm phạm vào mảnh vườn – tài sản duy nhất đáng giá mà lão đem ngày gìn giữ để bù trừ⁽¹⁾ tạo lập cho giọt máu duy nhất mình để lại chơ vơ trên cõi đời này), còn muốn trọn đạo làm cha thì phải chết. (10) Và lão đã quyền sinh. (11) Cái chết của lão khiến ta đau đớn nhận ra tình phụ tử mộc mạc ấy mới thăm thẳm và thiêng liêng làm sao! (12) Nó xui ta nhớ đến cha con Chủ Cù Vân và Chủ Đồng Tử. (13) Người cha hấp hối cứ một mực dành cho con cái khổ độc nhất, còn mình thì chết có vùi không trong đất lạnh cũng xong! (14) Thì ra cái dòng máu ấy vẫn chảy âm thầm và bền bỉ trong trái tim mỗi người cha Việt Nam suốt mấy nghìn năm nay, nó là vẻ đẹp bất diệt của dân tộc này.</p> <p>(Theo Chu Văn Sơn, <i>Nghệ thuật văn xuôi của truyện ngắn “Lão Hạc”</i>, in trong <i>Tiếng nói tri âm</i>, tập II, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 1996)</p>	<p>(1) Nêu nhận xét ban đầu về nhân vật. (2) Nêu bằng chứng từ các chi tiết trong tác phẩm. (3), (4): Nêu nhận xét, phát hiện mới về nhân vật: lão Hạc hiện lên nhờ chùm tương quan được giấu kín như một “hệ vi mạch” bí mật và hoàn hảo. (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11): Phân tích, bình luận về tình phụ tử sâu sắc của nhân vật lão Hạc từ mối tương quan với người con trai duy nhất. (12), (13): Liên hệ với tác phẩm văn học khác. (14) Đánh giá, khái quát hoá về tình phụ tử của nhân vật.</p>

(1) *Bù trừ*: chăm lo nuôi nấng hoặc giúp đỡ một cách ân cần.

b) Bài tập

Viết một đoạn văn (khoảng 10 – 12 dòng) phân tích tâm trạng của ông Hai khi trò chuyện với bé Húc trong truyện ngắn *Làng* (Kim Lân).

NÓI VÀ NGHE

Thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống

1 Định hướng

1.1. Trong đời sống luôn xảy ra những vấn đề cần được quan tâm, xem xét, giải quyết. Thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống là trình bày, chia sẻ ý kiến cá nhân về vấn đề được nêu ra; đồng thời, lắng nghe, trao đổi lại ý kiến của người khác để có được hiểu biết đầy đủ, toàn diện, sâu sắc về vấn đề.

1.2. Để thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống, các em cần chú ý:

– Quan sát, tìm hiểu thực tế đời sống để phát hiện và lựa chọn được vấn đề cần thảo luận phù hợp với lứa tuổi.

– Tìm hiểu kĩ vấn đề, nêu rõ ý kiến (quan điểm) của bản thân về vấn đề được nêu ra; về các ý kiến của những người khác cùng tham gia thảo luận vấn đề (đồng tình, đồng tình một phần, hoặc không đồng tình với các ý kiến khác về vấn đề thảo luận).

– Khi trình bày, cần đưa ra được các lí lẽ, kèm theo phân tích những bằng chứng tin cậy thể hiện quan điểm của bản thân.

– Khi thảo luận, cần nêu được nhận xét, đánh giá về ý kiến của các thành viên khác trong nhóm; nếu không đồng tình vẫn cần thể hiện sự tôn trọng người cùng tham gia thảo luận.

– Có thể kết hợp sử dụng phương tiện hỗ trợ như tranh, ảnh, video,... và máy chiếu, màn hình (nếu có) để tăng hiệu quả thuyết phục.

2 Thực hành

Bài tập: *Chọn một trong hai đề sau:*

(1) *Em suy nghĩ như thế nào về việc giữ gìn và phát huy những vẻ đẹp của làng quê Việt Nam trong xã hội hiện đại?*

(2) *Chia sẻ những suy nghĩ của em về chiến tranh và số phận con người qua truyện “Ông lão bên chiếc cầu” (Hê-minh-uê).*

a) Chuẩn bị (ví dụ với đề 1)

– Xác định vấn đề cần thảo luận: việc giữ gìn và phát huy những vẻ đẹp của làng quê Việt Nam trong xã hội hiện đại.

– Xác định đối tượng tham gia, bối cảnh thảo luận để chuẩn bị nội dung cho phù hợp.

– Chuẩn bị các phương tiện hỗ trợ như tranh, ảnh, video,... và máy chiếu, màn hình (nếu có).

b) Tìm ý và lập dàn ý

– Tìm ý cho bài nói theo gợi ý sau:

+ Làng quê Việt Nam có những vẻ đẹp nào cần giữ gìn và phát huy?

+ Tại sao cần giữ gìn và phát huy những vẻ đẹp đó trong xã hội hiện đại?

+ Làm thế nào để giữ gìn và phát huy những vẻ đẹp của làng quê Việt Nam trong xã hội hiện đại?

– Lập dàn ý cho bài nói bằng cách lựa chọn, sắp xếp các ý theo bố cục ba phần:

Mở đầu

Nêu vấn đề cần trình bày: việc giữ gìn và phát huy những vẻ đẹp của làng quê Việt Nam trong xã hội hiện đại.

Nội dung chính

Lần lượt trình bày và thảo luận ý kiến về các nội dung đã chuẩn bị trong mục tìm ý.

Kết thúc

Khẳng định ý nghĩa của việc giữ gìn và phát huy vẻ đẹp của làng quê Việt Nam trong bối cảnh cuộc sống hiện đại.

c) Nói và nghe

Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 1, phần *Nói và nghe*, mục c (trang 30) và đối chiếu với dàn ý đề văn đã làm ở bài này.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 1, phần *Nói và nghe*, mục d (trang 30, 31) và đối chiếu với dàn ý đề văn đã làm ở bài này.

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

NHỮNG CON CÁ CỜ

(1) Hằng năm, cứ vào dịp hè là khu tập thể này lại ẩm ỉ lên được một dạo. Ấy là nhờ có lũ trẻ con. Lũ trẻ từ khắp các miền quê theo bố mẹ ra Hà Nội nghỉ hè, đến ở trong khu nhà gồm toàn những hộ độc thân này. Một bọn lau nhau với những bộ quần áo cộc cộn, ngả màu cháo lòng suốt lượt, trông đứa nào cũng có vẻ rụt rè, ngơ ngác. Thằng hoặc có một vài đứa ngổ ngáo thì cũng chỉ là cái ngổ ngáo nhà quê – vừa chân ướt chân ráo đến buổi sáng, buổi trưa đã có thể tót lên vắt vẻo trên ngọn cây bàng trong sân, nhưng hễ có việc cần qua đường phố lại nhón nhác mắt trước mắt sau, chỉ chực va vào dòng xe cộ ngược xuôi không ngớt.

Mùa hè năm nay, Chất cũng đưa vợ con ra nghỉ trong khu tập thể. [...]

Thằng Quang – con Chất, mới tám tuổi, làm quen với bọn trẻ rất nhanh. Nó chơi với cả bọn khá vui vẻ và... biết điều. [...] Suốt ngày người lớn đi làm vắng và suốt cả những buổi tối mất điện không được xem ti vi, lũ trẻ la hét, chạy huỳnh huych, leo cả lên mái hiên và bám lũng lảng ở đấy như những con dơi. Thằng Quang không biết trèo nhưng rất giỏi câu cá. Ở giữa khu nhà – vốn là một toà biệt thự cổ hai tầng được cải tạo và mở rộng, vẫn còn một cái bể xi măng hình bầu dục khá lớn, giữa bể là hòn non bộ và trong bể lúc nào cũng lũng lảng một lớp nước lừ cừu⁽¹⁾, đen sẫm như mực. Những chú cá cờ sống trong đó, có vẻ sặc sỡ, nhưng lại ngù ngờ và ngốc nghếch hơn nhiều so với đồng loại sống ở nơi thông thoáng. Chỉ cần một sợi chỉ, một mẩu dây phanh xe đạp uốn thành lưới câu, vài hạt cơm nguội, Quang đã có thể một loáng bắt sống được năm, sáu chú. Rửa sạch một cái lọ thủy tinh, đổ đầy nước, thả các chú cá vào đó là chúng có thể sống và bơi loăng quăng.

Chất thấy con chơi ngoan, cũng bớt dần đi sự nhắc nhở hay quát nạt. Anh cảm thấy yên tâm, và cái ý định đưa vợ con đi chơi đây đó mỗi nơi một tí cho mở mang tầm mắt cứ nhạt dần. Ngại, rất ngại. Ban ngày bận bù đầu lên ở cơ quan. Buổi chiều về, mâm cơm dọn sẵn, vợ con sạch sẽ phởn phơ thế kia là tốt lắm! Áo quần, xe pháo dắt díu nhau ra đường làm gì nữa cho thêm bụi và thêm mệt? Cái nếp sống không riêng gì của Chất, cái nếp sống của cả khu tập thể này xưa nay vẫn là như vậy, luôn luôn coi sự yên ổn, chùng mực làm trọng.

Nhưng thằng Quang và bọn trẻ thì không. Tất cả mọi trò chơi, dù hấp dẫn đến đâu, chúng cũng rất mau chán. Chúng dần dà phát hiện ra khu nhà này quá

(1) *Lừ cừu*: tù đọng, tích lại từ lâu.

chật hẹp, chật hẹp tới mức thuộc lòng từng chỗ đặt vòi nước, từng cống rãnh, từng gốc cây và mọi xó xỉnh khác. Ngay đằng sau khu nhà là Hồ Tây, một mặt nước rộng mênh mang và ngằn ngặt xanh. Nhưng lũ trẻ chưa tìm được cách chui qua cánh cổng gỗ để có thể nhảy tùm xuống đó mà vùng vẫy. [...]

Ngoài kia phố xá vẫn ồn ào. Leng keng chuông tàu điện và ầm ầm ô tô chạy. Những quả bóng bay đủ màu sắc... Những que kem ngọt lịm và mát lạnh... Công viên, mặt hồ xanh, chiếc xuống máy lao vun vút tung bọt trắng,... Vườn bách thú, nào sư tử, hổ, báo, cá sấu, đại bàng và khỉ, đủ mọi loại khỉ,... Thành phố rộng lớn còn biết bao nhiêu điều mới lạ, kì thú nữa mà nó chưa biết.

(2) Buổi tối lại mất điện. [...] Trời oi ngọt thế này, nghĩ đến việc phải chui vào màn đã vã mồ hôi, còn mong gì ngủ? [...]

– Các anh ơi, bọn trẻ con!...

Vợ Chất bất thần xuất hiện ở cửa, và tiếng kêu hốt hoảng của chị làm căn phòng lặng đi trong một giây. Một giây đủ cho họ nhận ra: Lũ trẻ con đã biến mất! Bất ngờ và kinh hoàng. Ngọn lửa đèn chao nghiêng. Mấy người nằm bật dậy. Cái điều cày bị chân ai đá phải, lẩn lách cách. Quát tháo, la gọi. Chân người chạy. Khoá xe đạp mở...

Khu tập thể, vì lũ trẻ con, lại một phen nháo nhác.

*

(Lược một đoạn: *Lũ trẻ kéo nhau đi thành một hàng dọc trên vỉa hè như một đoàn thám hiểm qua Lăng Bác Hồ, chùa Một Cột, chợ Đồng Xuân, hồ Hoàn Kiếm, cung Thiếu nhi. Quang mãi mê nhìn ngắm một thiên đường dành cho trẻ con với bao nhiêu thứ đồ chơi và say mê nghe tiếng đàn của một cô bé. Quang cứ đi, cho đến khi biết chắc rằng mình đã bị lạc.*)

(3) Còn lại một mình nó, trên đường phố. [...]

Bản năng xúi giục thẳng bé trong đêm phải tìm tới chỗ đông người. Nó mừng rỡ dừng lại trước cửa ga tàu hoả rồi vội tìm một chỗ điện sáng ngồi nghỉ. Những người đang chờ tàu nhìn nó dò xét, nghi ngại. Mấy bàn tay bất giác giữ chặt hơn quai ba lô, miệng túi xách. Thẳng bé vừa hãi sợ vừa bực tức, liền tìm một chỗ ít người hơn và tối hơn.

Bây giờ thì thắm mệt. Nó ngồi tựa đầu vào chiếc cột đá, nhắm mắt lại.

Vẳng đến từ xa một tiếng đàn, ban đầu còn bị át đi bởi tiếng còi tàu, tiếng người gọi nhau í ới, tiếng một chiếc xe tải ầm ầm chạy. Nhưng tiếng đàn rõ dần, rõ dần. Một toà lâu đài lộng lẫy. Không phải những chiếc bóng điện sáng bình thường, mà là cơ man những chiếc đèn ông sao. Những ngôi sao hồng hồng, xanh biếc phôi phới bay... Cô bé mặc áo váy màu xanh đứng đợi cậu bé ở chân cầu thang. Cô mỉm cười, chìa bàn tay trắng trắng xinh xinh của mình ra cho cậu. Tay kia cô bé vẫn cầm đàn – cây đàn có âm thanh kì lạ mà cậu chưa biết tên. Cậu bé nắm chặt miệng chiếc túi giấy bóng, bên trong sáng sủa nước và những con

cá cờ. Bàn tay xinh nhỏ và cái bóng áo xanh huyền ảo luôn luôn ở phía trước mặt. Những bậc thang bằng đá loang loáng sáng. Rất nhiều trẻ con. Ở đây toàn là trẻ con. Lên cao, lên cao nữa. Chân cậu bé ríu lại, và tim đập, tim đập, tim đập...

Một giọt nước mắt ứa ra, lăn chậm trên má thẳng bé. Người cảnh sát khu vực tần ngần hồi lâu, rồi quả quyết đưa bàn tay rắn chắc của mình ra nắm lấy vai nó, lắc nhẹ.

(4) [...] Thăng Quang không đủ thì giờ để bình tĩnh lại và sợ hãi. Quả thật, thằng bé đã không sợ hãi, kể cả khi bị ngọn roi đầu tiên quất vào đít đau quắn lên. Đôi mắt mở to, nó nhìn khuôn mặt hốc hác và đẫm mồ hôi của bố. Về mặt ấy như muốn nói: Nó đã hư đốn đến mức không thể tha thứ được. Nó không biết như vậy có đúng không? Nhưng chắc là bố nó, những người lớn và cả những đứa trẻ đã từng là đồng bọn với nó đang nhao nhao ở ngoài cửa kia không hề biết giấc mơ ban nãy của nó.

[...] Thăng Quang bỗng giật thót người. Không phải vì bị ăn đòn, mà vì một vật gì đó vừa vỡ choang trên nền nhà. Mấy giọt nước lạnh bắn vào chân nó. Trời ơi, cái lọ thuỷ tinh, cái lọ thuỷ tinh nuôi cá cờ...

Chất đã hắt đổ cái lọ thuỷ tinh từ trên bàn xuống đất.

Theo phản xạ tự nhiên, thằng Quang sụp ngay xuống. Bây giờ mới thấy nó khóc. Nước mắt thằng bé trào ra, trào ra, rơi xuống và hoà tan ngay vào vũng nước đang loang rộng trên nền nhà. Những con cá cờ quấy quấy. Một bàn tay thằng bé xoè ra. Những ngón tay run rẩy, thận trọng nhặt lên từng con cá vô tội.

Chất bàng hoàng nhìn cảnh tượng đang diễn ra trước mắt. Những ý nghĩ thoáng nhanh trong đầu. Ngọn roi của anh. Nỗi lo lắng của anh. Những điều bận tâm của anh, của mấy ông người lớn trong khu tập thể. Tất cả những thứ đó bỗng trở nên vô vắn, vô nghĩa đến thảm hại trước sinh mệnh của mấy con cá nhỏ.

Thằng bé đứng dậy, không nhìn bố, khe khẽ mở then cửa. Nó rón rén đi ra ngoài, về phía bể nước có hòn non bộ. Nhưng bất ngờ nó dừng lại và đổi hướng, hấp tấp chạy ù ra sau nhà. Chất sực tỉnh, lao vút theo, rơi mất cả roi. Không hiểu bằng cách nào, thằng bé đã lọt ra ngoài cánh cổng gỗ. Một chút nữa thôi, một chút nữa là những chú cá này có thể chết vì mắc cạn. Thằng bé từ từ thả nhẹ bàn tay đựng cá xuống. Nước Hồ Tây mát lạnh. Những con cá vùng bơi đi.

Thằng bé hớn hỡ một cách rất trẻ con, quay nhìn mọi người đang lơ nhố bên trong cánh cổng gỗ.

Cho đến nay, những con cá cờ ấy vẫn còn sống. Chúng may mắn không phải luẩn quẩn trong bể nước dưới chân hòn núi giả. Lòng hồ mệnh mông...

1985

(Theo TRẦN ĐỨC TIẾN, *Mười lăm năm mưa xối*,
NXB Lao động, Hà Nội, 1997)

Chọn phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 4):

1. Truyện viết về đề tài gì?

- A. Thiếu nhi
- B. Loài vật
- C. Hà Nội
- D. Mùa hè

2. Phương án nào nêu đúng về bối cảnh của câu chuyện?

- A. Khu tập thể vốn toàn những hộ độc thân, gần Hồ Tây (Hà Nội); vào mùa hè
- B. Khu tập thể của các gia đình gồm nhiều thế hệ cùng sinh sống; vào mùa hè
- C. Các vùng quê quanh Hà Nội, nơi bố mẹ bọn trẻ về thăm con vào mỗi dịp hè
- D. Khu vườn bách thú của Hà Nội, nơi bọn trẻ được tham quan vào mỗi dịp hè

3. Hình ảnh những con cá cờ được miêu tả trong phần (1) của văn bản thể hiện điều gì?

- A. Cuộc sống bình yên, an toàn, hạnh phúc, tràn đầy niềm vui được thoả sức khám phá những điều mới mẻ của lũ trẻ con trong khu tập thể
- B. Cuộc sống quen thuộc, chật hẹp, đơn điệu, không được thoả sức khám phá, phát hiện những niềm vui mới mẻ của lũ trẻ con trong khu tập thể
- C. Cuộc sống tràn đầy niềm vui mới mẻ mà lũ trẻ con mang tới cho khu tập thể vào mỗi mùa hè
- D. Cuộc sống vất vả, nhọc nhằn, tạm bợ của những hộ độc thân trong khu tập thể vốn được cải tạo lại từ toà biệt thự cổ hai tầng

4. Đoạn văn “Vẳng đến từ xa một tiếng đàn [...] tim đập...” kể về điều gì?

- A. Giấc mơ của Quang sau khi đã thả những con cá cờ ra Hồ Tây
- B. Giấc mơ của Quang trong lúc bị lạc và thiếp đi ở ga tàu hoả
- C. Những điều Quang đang chứng kiến khi cùng các bạn đứng trước cung Thiếu nhi
- D. Những điều Quang và các bạn tưởng tượng khi cùng chơi ở khu nhà tập thể

5. Ghép trích dẫn ở bên A với phương án phù hợp được nêu ở bên B:

A	B
1) Áo quần, xe pháo dắt díu nhau ra đường làm gì nữa cho thêm bụi và thêm mệt?	a) Lời đối thoại của nhân vật vợ Chắt
2) – Các anh ơi, bọn trẻ con!...	b) Lời kể của người kể chuyện ngôi thứ ba

3) Ngoài kia phố xá vẫn ồn ào. Leng keng chuông tàu điện và ầm ầm ô tô chạy. Những quả bóng bay đủ màu sắc... Những que kem ngọt lịm và mát lạnh... Công viên, mặt hồ xanh, chiếc xuồng máy lao vun vút tung bọt trắng,... Vườn bách thú, nào sư tử, hổ báo, cá sấu, đại bàng và khỉ, đủ mọi loại khỉ,... Thành phố rộng lớn còn biết bao nhiêu điều mới lạ, kì thú nữa mà nó chưa biết.

4) Cho đến nay, những con cá cờ ấy vẫn còn sống. Chúng may mắn không phải luẩn quẩn trong bể nước dưới chân hòn núi giả. Lòng hồ mệnh mông...

c) Lời độc thoại nội tâm của nhân vật Chất được dẫn gián tiếp, hoà vào lời của người kể chuyện ở ngôi thứ ba

d) Lời đối thoại của nhân vật Chất

e) Lời kể của người kể chuyện ngôi thứ ba nhưng như nhập vào tâm trạng của nhân vật Quang

6. Hãy tóm tắt truyện *Những con cá cờ*.

7. Chỉ ra sự khác biệt trong suy nghĩ và tâm lí của những người lớn với bọn trẻ trong khu tập thể.

8. Xác định chủ đề của truyện. Chi tiết những chú cá cờ sống trong “cái bể xi măng hình bầu dục khá lớn, giữa bể là hòn non bộ và trong bể lúc nào cũng lừng lững một lớp nước lưu cữu, đen sẫm như mực...” và những hình ảnh trong “giấc mơ ban nãy” của cậu bé Quang có ý nghĩa như thế nào trong việc làm sáng tỏ chủ đề?

9. Chi tiết “những con cá cờ” ở cuối truyện được Quang thả ra Hồ Tây, “lòng hồ mệnh mông” có ý nghĩa gì?

10. Hãy chọn nhập vai nhân vật người bố hoặc nhân vật cậu bé Quang để chia sẻ bài học mà nhân vật rút ra từ câu chuyện này.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

1. Tìm đọc thêm một số văn bản truyện (trong nước và nước ngoài) có đề tài tương tự các văn bản được học trong Bài 4.

2. Sưu tầm các bài phân tích hay về các tác phẩm thuộc thể loại truyện.

3. Quan sát, phát hiện và suy nghĩ về các vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết và phân tích được luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề. Nhận xét, đánh giá được tính đúng sai của vấn đề đặt ra trong văn bản. Liên hệ được ý tưởng, thông điệp trong văn bản với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội.
- Nhận biết câu đơn, câu ghép, các kiểu câu ghép; biết lựa chọn câu đơn, câu ghép và kết từ nối các vế câu ghép trong hoạt động nói, viết.
- Viết được bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi, có sức thuyết phục.
- Trình bày được ý kiến về một sự việc có tính thời sự.
- Có ý thức đọc sách để tích lũy tri thức, mở rộng hiểu biết của bản thân; tự giác và trân trọng việc học.

KIẾN THỨC NGỮ VĂN

1. Bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội với việc đọc hiểu văn bản

Bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội là toàn bộ các sự kiện lịch sử, văn hoá, xã hội diễn ra trong một thời gian, không gian nhất định, có tác động đến sự tồn tại và phát triển của một hiện tượng cụ thể trong xã hội. Việc tìm hiểu bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội có liên quan (hoàn cảnh ra đời tác phẩm) sẽ giúp cho người đọc hiểu văn bản thấu đáo, sâu sắc hơn.

Ví dụ: Khi tìm hiểu văn bản *Mục đích của việc học* (Nguyễn Cảnh Toàn), cần đặt trong bối cảnh những năm đầu của thế kỉ XXI để hiểu được thách thức đối với nền giáo dục của nước ta. Thế hệ trẻ, nhất là học sinh, sinh viên đang phải cố gắng nỗ lực rất nhiều, phải bồi dưỡng phẩm chất, năng lực cần thiết để từng bước trở thành công dân toàn cầu, sống thực sự có ý nghĩa và vui vẻ. Bối cảnh thực tiễn đó giúp cho người đọc hiểu sâu sắc hơn ý nghĩa thời sự, ý nghĩa xã hội của văn bản.

2. Câu đơn, câu ghép

– Lựa chọn câu đơn, câu ghép: Câu đơn là câu do một cụm chủ vị nòng cốt (cụm chủ vị không bị bao chứa trong cụm từ chính phụ hoặc cụm chủ vị khác) tạo thành. Câu ghép là câu do hai hoặc nhiều cụm chủ vị nòng cốt ghép lại với nhau tạo thành, mỗi cụm chủ vị đó được gọi là một vế câu. Khi diễn đạt một nội dung đơn giản, có thể sử dụng câu đơn. Ví dụ: “Anh Sáu khe khẽ nói.” (Nguyễn Quang Sáng); “Họ khóc là phải lắm.” (Anh Đức). Trái lại, khi biểu thị một nội dung phức tạp (gồm các sự việc có quan hệ chặt chẽ với nhau), cần sử dụng câu ghép. Ví dụ: “Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước.” (Hồ Chí Minh).

– Các kiểu câu ghép:

+ Câu ghép đẳng lập là câu ghép do các vế câu có quan hệ bình đẳng với nhau tạo thành. Về nghĩa, giữa các vế câu này có thể có những quan hệ như sau: *liệt kê*, ví dụ: “Ngoài đình, mõ đập chan chát, trống cái đánh thùng thùng, tù và thổi như ếch kêu.” (Ngô Tất Tố); *nối tiếp*, ví dụ: “Mị nín khóc, Mị lại bồi hồi.” (Tô Hoài); *đối ứng*, ví dụ: “Ông nói gà, bà nói vịt.” (tục ngữ); *lựa chọn*, ví dụ: “Mình đọc hay tôi đọc?” (Nam Cao);...

+ Câu ghép chính phụ là câu ghép do các vế câu có quan hệ phụ thuộc với nhau tạo thành. Về nghĩa, giữa các cụm chủ vị này có thể có những quan hệ như sau: *nguyên nhân – kết quả*, ví dụ: “Bởi tôi ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực nên tôi chóng lớn lắm.” (Tô Hoài); *điều kiện – kết quả*, ví dụ: “Nếu anh cho phép thì ta cứ đọc.” (Nam Cao); *nhượng bộ*, ví dụ: “Dù cuộc sống có nhiều vất vả, Lê cũng có một cái gia đình.” (Nguyễn Minh Châu); *mục đích*, ví dụ: “Dần trông coi, săn sóc các em để cho bố đi làm.” (Nam Cao); *chú giải* (quan hệ giữa vế câu được chú giải và vế câu chú giải), ví dụ: “Hắn chờ hai con mắt khe rên: hắn chỉ còn đủ sức để rên khe khẽ.” (Nam Cao).

– Cách nối các cụm chủ vị trong câu ghép: Trong câu ghép, các vế câu có thể được nối trực tiếp với nhau, nối bằng kết từ (*để, như, còn, rồi, và, hay,...*), cặp kết từ (*vì... nên, sở dĩ... là vì; nếu... thì, giá... thì; tuy... nhưng, mặc dù... nhưng; chẳng những / không chỉ... mà / mà còn,...*) hoặc các phó từ, cặp phó từ, cặp đại từ (*lại, càng... càng ..., vừa... đã..., chưa... đã..., bao nhiêu... bấy nhiêu,...*).



Bàn về đọc sách

(Trích)

CHU QUANG TIÊM^(*)

1 Chuẩn bị

– Xem lại phần *Kiến thức ngữ văn*, những yêu cầu khi đọc văn bản nghị luận xã hội đã học ở các lớp trước (chú ý tới luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng, các biện pháp nghệ thuật) để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.^(**)

– Đọc trước văn bản *Bàn về đọc sách*; tìm hiểu thêm thông tin về tác giả Chu Quang Tiêm.

– Chuẩn bị ý kiến của em để trao đổi trước lớp về cách đọc sách hiệu quả.

2 Đọc hiểu

① Học vấn⁽¹⁾ không chỉ là chuyện đọc sách, nhưng đọc sách vẫn là một con đường quan trọng của học vấn. Bởi vì học vấn không chỉ là việc cá nhân, mà là việc của toàn nhân loại. Mỗi loại học vấn đến giai đoạn hôm nay đều là thành quả của toàn nhân loại nhờ biết phân công, cố gắng tích lũy ngày đêm mà có. Các thành quả đó sờ dĩ không bị vùi lấp đi, đều là do sách vở ghi chép, lưu truyền lại. Sách là kho tàng quý báu cất giữ di sản tinh thần nhân loại, cũng có thể nói đó là những cột mốc trên con đường tiến hoá học thuật⁽²⁾ của nhân loại. Nếu chúng ta mong tiến lên từ văn hoá, học thuật của giai đoạn này, thì nhất định phải lấy thành quả nhân loại đã đạt được trong quá khứ làm điểm xuất phát. Nếu xoá bỏ hết các thành quả nhân loại đã đạt được trong quá khứ, thì chưa biết chừng chúng ta đã lùi điểm xuất phát về đến mấy trăm năm, thậm chí là mấy nghìn năm trước. Lúc đó, dù có tiến lên cũng chỉ là đi giạt lùi, làm kẻ lạc hậu.

Chú ý cách lập luận của tác giả khi đặt vấn đề.

Đọc sách là muốn trả món nợ đối với thành quả nhân loại trong quá khứ, là ôn lại kinh nghiệm, tư tưởng của nhân loại tích lũy mấy nghìn năm trong mấy chục năm ngắn ngủi, là một mình hưởng thụ các kiến thức, lời dạy

Quan điểm của tác giả được thể hiện như thế nào trong câu văn này?

(*) Tác giả Chu Quang Tiêm (1897 – 1986), nhà nghiên cứu văn học, mỹ học nổi tiếng của Trung Quốc.

(**) Khi đọc hiểu các văn bản khác trong Bài 5, học sinh cần vận dụng các gợi ý ở đây.

(1) *Học vấn*: những hiểu biết con người thu nhận được qua quá trình học tập.

(2) *Học thuật*: hệ thống kiến thức khoa học.

mà biết bao người trong quá khứ đã khổ công tìm kiếm mới thu nhận được. Có được sự chuẩn bị như thế thì một con người mới có thể làm được cuộc trường chinh⁽¹⁾ vạn dặm trên con đường học vấn, nhằm phát hiện thế giới mới.

② Lịch sử càng tiến lên, di sản tinh thần nhân loại càng phong phú, sách vở tích lũy càng nhiều, thì việc đọc sách cũng ngày càng không dễ. Sách tất nhiên là đáng quý, nhưng cũng chỉ là một thứ tích lũy. Nó có thể làm trở ngại cho nghiên cứu học vấn. Ít nhất có hai cái hại thường gặp. Một là, sách nhiều khiến người ta không chuyên sâu. Các học giả Trung Hoa thời cổ đại do sách khó kiếm, một đời đến bạc đầu mới đọc hết một quyển kinh⁽²⁾. Sách tuy đọc được ít, nhưng đọc quyển nào ra quyển ấy, miệng đọc, tâm ghi, nghiền ngẫm đến thuộc lòng, thấm vào xương tuỷ, biến thành một nguồn động lực tinh thần, cả đời dùng mãi không cạn. Giờ đây sách dễ kiếm, một học giả trẻ đã có thể khoe khoang từng đọc hàng vạn cuốn sách. “Liếc qua” tuy rất nhiều, nhưng “đọng lại” thì rất ít, giống như ăn uống, các thứ không tiêu hoá được tích càng nhiều, thì càng dễ sinh ra bệnh đau dạ dày, nhiều thói xấu hư danh nông cạn đều do lối ăn tươi nuốt sống đó mà sinh ra cả. Hai là, sách nhiều dễ khiến người đọc lạc hướng. Bất cứ lĩnh vực học vấn nào ngày nay đều đã có sách vở chất đầy thư viện, trong đó, những tác phẩm cơ bản, đích thực, nhất thiết phải đọc chẳng qua cũng mấy nghìn quyển, thậm chí chỉ mấy quyển. Nhiều người mới học tham nhiều mà không vụ thực chất, đã lãng phí thời gian và sức lực trên những cuốn sách vô thưởng vô phạt⁽³⁾, nên không tránh khỏi bỏ lỡ mất dịp đọc những cuốn sách quan trọng, cơ bản. Chiếm lĩnh học vấn giống như đánh trận, cần phải đánh vào thành trì kiên cố, đánh bại quân địch tinh nhuệ, chiếm cứ mặt trận xung yếu. Mục tiêu quá nhiều, che lấp mất vị trí kiên cố, chỉ đá bên đông, đấm bên tây, hoá ra thành lối đánh “tự tiêu hao lực lượng”.

Chú ý cách tác giả lật ngược vấn đề để khẳng định ý kiến.

Cách lập luận của tác giả có gì thú vị?

③ Đọc sách không cốt lấy nhiều, quan trọng nhất là phải chọn cho tinh, đọc cho kĩ. Nếu đọc được mười quyển sách không quan trọng, không bằng đem thời gian, sức lực đọc mười quyển ấy mà đọc một quyển thực sự có giá trị. Nếu đọc được mười quyển sách mà chỉ lướt qua, không bằng chỉ lấy một quyển mà đọc mười lần. “Sách cũ trăm lần xem chẳng chán / Thuộc lòng, ngẫm kĩ một mình hay”, hai câu thơ đó đáng làm lời răn cho mỗi người đọc sách. Đọc sách vốn có ích

Tác giả thể hiện thái độ như thế nào trước việc đọc sách?

(1) Trường chinh: cuộc hành trình dài lâu (trường: dài, lâu; chinh: đi xa).

(2) Kinh: các sách kinh điển làm nền tảng cho Nho giáo (nghĩa trong bài).

(3) Vô thưởng vô phạt: không có lợi, không có hại.

riêng cho mình, đọc nhiều không thể coi là vinh dự, đọc ít cũng không phải là xấu hổ. Đọc ít mà đọc kĩ, thì sẽ tập thành nếp suy nghĩ sâu xa, trầm ngâm tích lũy, trông tượng tự do đến mức làm đổi thay khí chất⁽¹⁾; đọc nhiều mà không chịu nghĩ sâu, như cưỡi ngựa qua chợ, tuy châu báu phơi đầy, chỉ tổ làm cho mắt hoa ý loạn, tay không mà về. Thế gian có biết bao người đọc sách chỉ để trang trí bộ mặt, như kẻ trọc phú khoe của, chỉ biết lấy nhiều làm quý. Đối với việc học tập, cách đó chỉ là lừa mình dối người, đối với việc làm người thì cách đó thể hiện phẩm chất tầm thường, thấp kém.

Chú ý câu văn, hình ảnh bộc lộ thái độ của tác giả.

Sách đọc nên chia làm mấy loại, một loại là sách đọc để có kiến thức phổ thông mà mọi công dân thế giới hiện nay đều phải biết, một loại là sách đọc để trau dồi học vấn chuyên môn. Muốn có kiến thức phổ thông, hiện nay các bài học ở trung học và năm đầu đại học, nếu chăm chỉ học tập thì cũng đủ dùng. Nếu chăm chỉ học tập mà chỉ đọc thuộc giáo trình thì chẳng có ích lợi gì, mỗi môn phải chọn lấy từ 3 đến 5 quyển xem cho kĩ. Môn học kiến thức phổ thông tổng số không quá mười mấy môn, mỗi môn chọn từ 3 đến 5 quyển, tổng cộng số sách cần đọc cũng chẳng qua trên dưới 50 quyển. Đây không thể xem là đòi hỏi quá đáng. Nói chung, số sách mà một người đã đọc, phần lớn không chỉ có thể, nếu họ không thu được lợi ích thật sự là do họ thiếu lựa chọn, khi đọc lẽ ra đọc kĩ thì họ lại đọc qua loa.

Quan điểm của tác giả ở đây có mâu thuẫn với quan điểm đã nêu ở phần trước không? Vì sao?

Kiến thức phổ thông không chỉ cần cho công dân thế giới hiện tại, mà ngay nhà học giả chuyên môn cũng không thể thiếu được. Khoa học cận đại phân loại chặt chẽ, những người chỉ chuyên một học vấn phần nhiều khép kín trong phạm vi của mình, lấy cố là chuyên môn, không muốn biết đến các học vấn liên quan. Điều này đối với việc phân công nghiên cứu có thể là cần thiết, nhưng đối với việc đào tạo chuyên sâu thì lại là một sự hi sinh. Vũ trụ vốn là một thể hữu cơ, các quy luật bên trong vốn liên quan mật thiết với nhau, động vào bất cứ chỗ nào đều tất liên quan đến cái khác, do đó, các loại học vấn nghiên cứu quy luật, tuy bề ngoài có phân biệt, mà trên thực tế thì không thể tách rời. Trên đời không có học vấn nào là cô lập, tách rời các học vấn khác. Ví như chính trị học thì phải liên quan đến lịch sử, kinh tế, pháp luật, triết học, tâm lí học, cho đến ngoại giao, quân sự,... Nếu một người đối với các học vấn liên quan này mà không biết đến, chỉ có học một mình chính trị học thôi, thì càng tiến lên càng gặp khó khăn, giống như con chuột chui vào sừng trâu,

Chú ý tác dụng của những hình ảnh so sánh.

(1) *Khi chất*: đặc điểm của cá nhân, thể hiện ở cường độ, nhịp độ các hoạt động tâm lí.

càng chui sâu càng hẹp, không tìm ra lối thoát. Các học vấn khác đại khái cũng như vậy, không biết rộng thì không thể chuyên, không thông thái thì không thể nắm gọn. Trước hãy biết rộng rồi sau mới nắm chắc, đó là trình tự để nắm vững bất cứ học vấn nào. Trong lịch sử học thuật, phàm là người có thành tựu lớn trong bất kì một lĩnh vực nào, đều phải có cơ sở sâu sắc của nhiều môn học vấn khác.

(In trong *Danh nhân Trung Quốc bàn về niềm vui nỗi buồn của việc đọc sách*,
TRẦN ĐÌNH SỬ dịch, Bắc Kinh, 1995)



1. Xác định luận đề của văn bản *Bàn về đọc sách*. Để triển khai luận đề này, tác giả đã đưa ra những luận điểm nào?
2. Chỉ ra những lí lẽ được sử dụng trong phần ① của văn bản. Nhận xét về những lí lẽ đó.
3. Trong phần ②, tác giả cho rằng “sách nhiều khiến người ta không chuyên sâu”, “sách nhiều dễ khiến người đọc lạc hướng”. Để làm sáng tỏ các lí lẽ này, tác giả đã đưa ra những bằng chứng nào? Em có đồng ý với các lí lẽ này không, vì sao?
4. Nội dung của phần ③ liên quan đến phần ① và phần ② như thế nào? Nêu lên một điều em tâm đắc trong phần ③ và lí giải vì sao.
5. Văn bản *Bàn về đọc sách* thuyết phục người đọc bởi những lí do nào? Phân tích một số bằng chứng để khẳng định câu trả lời của em.
6. Từ những vấn đề được gợi ra trong văn bản, hãy nêu một hạn chế về việc đọc sách của bản thân em.

2

Khoa học muôn năm!

1 Chuẩn bị

- Đọc trước văn bản *Khoa học muôn năm!*; tìm hiểu thêm thông tin về tác giả Mác-xim Go-rơ-ki.
- Chuẩn bị những ý kiến của em về điểm giống nhau và khác nhau giữa khoa học và nghệ thuật.

GO-RƠ-KI



Mác-xim Go-rơ-ki
(1868 – 1936), Nga

2 Đọc hiểu

① Tôi cho rằng không một thứ gì trên đời này có thể giúp cho con người có được sự giáo dục của xã hội một cách kì diệu và sáng tạo hơn là sức mạnh của nghệ thuật và khoa học; không những thế, tôi còn muốn nhắc lại nhiều lần như vậy. Chúng ta đều biết, tôi là một nhà nghệ thuật và tôi hoàn toàn chân thành, tự giác khi đặt khoa học lên hàng đầu trong vấn đề giáo dục.

Chú ý cách tác giả nhấn mạnh ý kiến của mình.

② Nghệ thuật là tình cảm, nó hoàn toàn có thể bị khuất phục trước cá tính, tư tưởng của tác giả, nó phụ thuộc vào cái mọi người vẫn gọi là “cảm xúc”. Chính vì vậy, rất hiếm khi nó thực sự tự do, rất hiếm khi nó vượt lên rào cản được tạo ra bởi những ảnh hưởng mạnh mẽ của định kiến⁽¹⁾ giai cấp và dân tộc. Trong khi đó, khoa học thực nghiệm⁽²⁾ lại được phát triển trên mảnh đất màu mỡ của kinh nghiệm, tri thức thông qua những quan sát rất tỉ mỉ. Nó được dẫn đường bởi những lí luận lô gích chặt chẽ, chính vì vậy, nó có thể thoát khỏi những thứ mà nghệ thuật không sao rũ bỏ được. Nếu nói về tinh thần, thực chất khoa học thực nghiệm mang tính quốc tế, nó thuộc về toàn bộ nhân loại. Chúng ta có thể nói đến nền nghệ thuật Nga, Đức, I-ta-li-a nhưng trên thế giới chỉ có một thứ khoa học mà khắp năm châu bốn bể đều công nhận, chính thứ khoa học đã chấp thêm cánh cho tư tưởng chúng ta, giúp nó bay bổng trong vương quốc thần bí của vũ trụ, tìm tòi giải đáp những vấn đề bí kịch trong cuộc sống. Khoa học đã mở rộng con đường đi đến sự đoàn kết, tự do và cái đẹp cho nhân loại.

Ở phần ②, tác giả đã nêu lên sự khác biệt chủ yếu nào giữa nghệ thuật và khoa học?

③ Nền dân chủ của nước Nga lúc này đây đang cùng với nền khoa học chính xác đi tới một cuộc sống mới. Không những vậy, nền dân chủ của Nga còn cần sự giúp sức của khoa học chính xác, điều này có lẽ các bạn cũng không cần tôi phải chứng minh làm gì. K. A. Ti-mi-ri-a-dép (Timiryazev), một nhà khoa học nổi tiếng người Nga, một con người chân chính cả đời mình đã luôn kiên trì quan điểm: “Tương lai thuộc về khoa học và dân chủ.” Đó chính là một chân lí vĩ đại. Và tôi cũng tin tưởng một cách sâu sắc rằng: “Chỉ khi có sự giúp đỡ của khoa học, nền dân chủ mới thực sự có tương lai.”

Tác giả muốn khẳng định điều gì ở phần ③?

Mọi người cần phải hiểu rằng, môi trường mà họ đang sống chính là do khoa học tạo ra, họ cần phải biết

Chú ý những bằng chứng mà tác giả sử dụng.

(1) Định kiến: ý nghĩ thiên về tiêu cực, khó thay đổi.

(2) Khoa học thực nghiệm: áp dụng một lí thuyết vào thực tiễn để xem xét mức độ đúng, sai.

rằng những người suốt ngày đi chăm hoa, bón cây trong vườn không phải là những người rỗi hơi, đó chính là người sẽ đào tạo ra những nhà nông học. Họ cũng cần phải hiểu rằng những bộ quần áo chúng ta mặc trên người đều được sản xuất từ những xưởng may, nếu như không có toán học thì chắc chắn một xưởng may sẽ không bao giờ có thể ra đời. Việc một thầy thuốc kê đơn cho chúng ta cũng chính là thành quả của biết bao nhà khoa học đã ngày đêm gian khổ nghiên cứu. Mọi người cần phải biết rằng trên thế giới này đang có một lớp người ngày đêm làm việc không biết mệt mỏi để tạo ra cuộc sống cho chúng ta...

④ Hãy cho phép tôi được tưởng tượng – tôi làm như vậy bởi vì tôi tin chắc chắn rằng không có điều gì mà ta tưởng tượng lại không thể làm ra được bởi ý chí và tài năng của nhân loại. Tôi mơ ước sẽ xây được một “toà thành khoa học” ở đây, tại đó, những nhà khoa học sẽ ngày đêm dùng trí tuệ và con mắt tìm tòi của mình để nghiên cứu những điều bí mật xung quanh Trái Đất này. Tại đây, những nhà khoa học sẽ giống như những người thợ sắt hoặc những người thợ ngọc, họ đang khắc lại toàn bộ kinh nghiệm của thế giới, đồng thời biến những kinh nghiệm đó thành những học thuyết hữu hiệu, biến nó thành những vũ khí sắc bén để tìm tòi chân lí.

Trong toà thành khoa học này, những nhà khoa học sẽ được đắm mình trong sự tự do và độc lập, đắm mình dưới ánh sáng của sự sáng tạo. Không những thế, công việc họ làm sẽ góp phần tạo nên một không khí yêu quý tri thức trên toàn đất nước này. Nó sẽ gọi lên tình cảm của toàn dân đối với sức mạnh và vẻ đẹp của tri thức. Tôi tin tưởng rằng đối với tầng lớp trí thức, dân chủ cũng có tính quan trọng như chính những môn khoa học mà họ đang theo đuổi. Tôi cũng biết dân chủ rất yêu quý khoa học. Tôi muốn nói rằng: “Trong ý chí chung của chúng ta đang nuôi dưỡng sự ra đời mới của nước Nga về mặt tinh thần.”

Chúng ta cần phải học cách sống như thế nào, làm việc như thế nào và yêu quý sức lao động của mình như thế nào? Chúng ta cần phải hiểu rằng lao động không phải là thứ bắt buộc ý chí của chúng ta mà chính là sự biểu hiện của ý chí tự do trong cuộc sống. Trong quá trình lao động tự do, cũng giống như trong tình yêu vẫn luôn chứa một niềm vui hết sức cao thượng. Chúng ta cần phải hiểu được điểm này, đồng thời cũng chỉ có khoa học chính xác mới giúp chúng ta hiểu được điều đó, chỉ có dùng tinh thần của khoa học mới có thể bổ sung thêm sức mạnh cho chúng ta và chữa khỏi những vết thương nghiêm trọng của mình.

⑤ Khoa học được tự do tung cánh bay càng cao, tầm nhìn của nó sẽ càng rộng, khả năng vận dụng những kiến thức khoa học vào thực tế ngày càng chuẩn xác. Cũng giống như những điều mà chúng ta đều biết, trong giới tự nhiên không có thứ gì có

Điều “mơ ước” đã cho thấy thái độ của tác giả với khoa học như thế nào?

Xác định mối quan hệ giữa các đoạn trong phần ④.

thể tinh vi hơn bộ não con người, chẳng có gì đẹp hơn là tư duy, chẳng có gì đáng quý hơn những kết quả nghiên cứu khoa học!

Khoa học muôn năm!

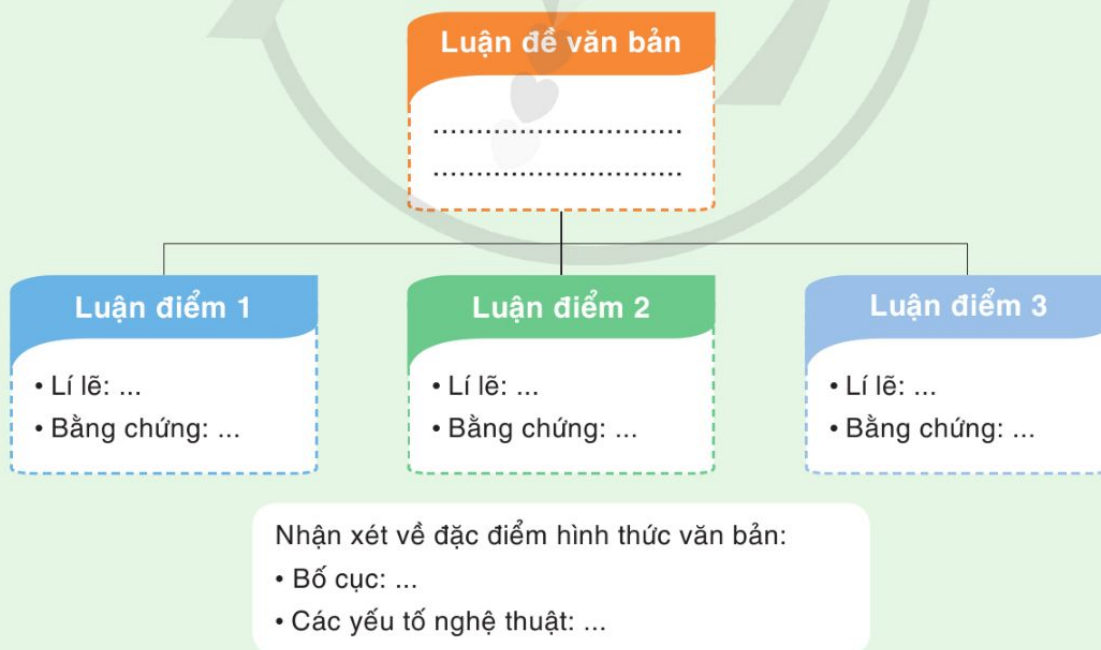
Tháng 4 năm 1917

(In trong *Những bài diễn thuyết nổi tiếng trong lịch sử thế giới*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2009)

Điểm giống và khác nhau về nội dung thể hiện ở phần ① và phần ⑤ là gì?



1. Tác giả đã nhấn mạnh ý kiến của mình ở phần ① bằng cách nào? Ưu điểm của cách nhấn mạnh đó là gì?
2. Sự khác biệt giữa nghệ thuật và khoa học được lí giải ở phần ② nhằm mục đích gì? Nhận xét về cách nêu lí lẽ và phân tích bằng chứng trong phần này.
3. Câu nói của nhà khoa học nổi tiếng được trích dẫn trong phần ③ có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện ý kiến của người viết?
4. Xác định luận điểm của phần ④. Những yếu tố nào góp phần tạo nên sức thuyết phục trong cách trình bày luận điểm này?
5. Thái độ của tác giả được thể hiện như thế nào ở phần ⑤? Từ cách viết phần kết của tác giả, em có thể học hỏi được điều gì?
6. Khái quát và hệ thống lại những nội dung đọc hiểu văn bản *Khoa học muôn năm!* theo gợi ý trong sơ đồ sau:



Câu đơn, câu ghép

1. Xếp những câu dưới đây vào nhóm phù hợp: câu đơn, câu ghép chính phụ, câu ghép đẳng lập. Chỉ ra chủ ngữ, vị ngữ của các cụm chủ vị trong mỗi câu.

a) *Bác Hồ sống đời sống giản dị, thanh bạch như vậy, bởi vì Người sống sôi nổi, phong phú đời sống và cuộc đấu tranh gian khổ và ác liệt của quần chúng nhân dân.* (Phạm Văn Đồng)

b) *Ở đây, những tốp người tản cư mới ở dưới xuôi lên đứng ngời ló nhỏ cả dưới mấy gốc đa xù xì, cành lá rườm rà ken vào nhau, rải xuống mặt đường và bãi cỏ một vùng bóng mát rộng.* (Kim Lân)

c) *Mừng đi trước dẫn đường, Nghi dắt ngựa theo sau.* (Phùng Quán)

d) *Chúng tôi, mọi người – kể cả anh, đều tưởng con bé sẽ đứng yên đó thôi.* (Nguyễn Quang Sáng)

e) *Em ngủ và chị cũng thiu thiu ngủ theo.* (Băng Sơn)

2. Tìm các kết từ dùng để nối các vế câu trong những câu ghép dưới đây. Chỉ ra mối quan hệ ngữ nghĩa giữa các vế câu.

a) *Giá nhà con khoẻ khoắn thì con chả dám kêu.* (Nguyễn Công Hoan)

b) *Vì tôi thẳng tợn nên hai cậu chủ bé nhỏ của tôi yêu quý tôi lắm.* (Tô Hoài)

c) *Tuy rét vẫn kéo dài, mùa xuân đã đến bên bờ sông Lương.* (Nguyễn Đình Thi)

d) *Các em phải gắng học để thầy mẹ được vui lòng và để thầy dạy các em được sung sướng.* (Thanh Tịnh)

e) *Hai người giằng co nhau, du đẩy nhau, rồi ai nấy đều buông gậy ra, áp vào vật nhau.* (Ngô Tất Tố)

3. Tìm câu ghép trong các đoạn văn dưới đây. Cho biết vì sao không thể tách mỗi vế câu trong những câu ghép ấy thành một câu đơn.

a) *Lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta. Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung,... Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng.* (Hồ Chí Minh)

b) *Vào mùa sương, ngày ở Hạ Long như ngừng lại. Buổi sớm, Mặt Trời lên ngang cột buồm, sương tan, trời mới quang. Buổi chiều, nắng vừa nhạt, sương đã buông nhanh xuống mặt biển.* (Thi Sính)

c) *Một hôm, tôi phàn nàn việc ấy với Binh Tư. Binh Tư là một người láng giềng khác của tôi. Hắn làm nghề ăn trộm nên vốn không ưa lão Hạc bởi vì lão lương thiện quá.* (Nam Cao)

d) *Sáng hôm sau, bà con bên nội, bên ngoại đến rất đông. Cả con bé cũng theo ngoại nó về. Anh Sáu phải lo tiếp khách, anh như không chú ý đến con nữa.* (Nguyễn Quang Sáng)

4. Trong những câu ghép dưới đây, ở câu nào có thể lược bỏ chủ ngữ của một trong hai vế, ở câu nào không thể lược bỏ? Vì sao?

a) *Nàng nói đến đây, mọi người đều ứa hai hàng lệ.* (Nguyễn Dữ)

b) *Trong cuộc đời kháng chiến của tôi, tôi chứng kiến không biết bao nhiêu cuộc chia tay, nhưng chưa bao giờ tôi bị xúc động như lần ấy.* (Nguyễn Quang Sáng)

c) *Sếu chỉ sống ở vùng sinh thái tự nhiên cân bằng, Tam Nông là vùng đất tự nhiên bảo đảm được sự cân bằng đó.* (Vườn quốc gia Tràm Chim – Tam Nông)

5. Viết một đoạn văn (khoảng 8 – 10 dòng) trình bày suy nghĩ của em về vai trò của việc đọc sách đối với sự phát triển của mỗi người, trong đó có sử dụng một câu ghép. Chỉ ra câu ghép được sử dụng trong đoạn văn đã viết.

THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU



Mục đích của việc học

NGUYỄN CẢNH TOÀN^(*)

1 Chuẩn bị

– Đọc trước văn bản *Mục đích của việc học*; tìm hiểu thêm thông tin về tác giả Nguyễn Cảnh Toàn (chú ý tới đặc điểm tâm gương tự học của ông).

– Đọc những thông tin liên quan sau đây về bốn trụ cột giáo dục của UNESCO để hiểu rõ hơn về văn bản này:

“Báo cáo của Hội đồng về “Giáo dục cho thế kỉ XXI” gửi UNESCO được thực hiện bởi 15 thành viên là chuyên gia giáo dục của các nước Pháp, Nhật, Bồ Đào Nha, Ba Lan, Hoa Kỳ, Vê-nê-đu-ê-la (Venezuela), Ấn Độ, Mê-hi-cô (Mexico), Hàn Quốc, Trung Quốc,...

(*) Tác giả Nguyễn Cảnh Toàn (1926 – 2017), quê ở Nghệ An.

Ngoài mở đầu và kết luận, báo cáo có ba phần chính. Phần 1: *Viễn cảnh*, trình bày bối cảnh chung từ cộng đồng cơ sở đến xã hội toàn cầu; từ gắn bó xã hội đến sự tham gia dân chủ; từ tăng trưởng kinh tế đến phát triển con người. Phần 2: *Những nguyên tắc*, xác định bốn trụ cột của giáo dục gồm: học để hiểu biết; học để làm; học để cùng chung sống; học để làm người. Bên cạnh đó, còn đề cập tới mục tiêu học tập suốt đời. Phần 3 của báo cáo nêu lên *Những định hướng*: Từ giáo dục cơ sở đến đại học, hành trình của nhà giáo trên con đường tìm kiếm những triển vọng mới, nhấn mạnh vai trò của chính sách đối với giáo dục và xu hướng hợp tác quốc tế trong giáo dục cho ngôi làng toàn cầu.”⁽¹⁾

2 Đọc hiểu

1. Bước vào thế kỉ XXI, thế giới đang chịu sự chi phối của xu thế toàn cầu hoá kinh tế thị trường, kinh tế tri thức và chuyển dịch theo hướng xã hội thông tin, xã hội học tập, bắt đầu buổi bình minh của một nền văn minh mới – văn minh trí tuệ. Trước bối cảnh đó, việc học suốt đời trong một xã hội học tập là chìa khoá mở cửa đi vào thế kỉ XXI; nó phải nhằm mục đích phát triển bền vững dựa trên bốn trụ cột theo khuyến cáo của UNESCO là: Học để hiểu; Học để làm; Học để hợp tác, cùng chung sống; Học để làm người.

Chú ý cách người viết dẫn dắt, giới thiệu vấn đề.

2. Học để hiểu

Ngày nay, học không thể dừng lại ở trình độ nhận biết, ghi nhớ, tái hiện mà phải đạt trình độ thông hiểu. Học – hiểu là đi sâu, nắm được bản chất sự vật, hiện tượng, nhận thức được quy luật của hiện thực khách quan, hiểu được chính bản thân mình để có thể tự biến đổi mình. Học – hiểu là phát hiện, khai thác, phân tích, lí giải, xử lí được thông tin, giải quyết được vấn đề một cách có hiệu quả; tức là phát huy trí lực, đặc biệt là cách tư duy. Học – hiểu là học cách tư duy để tạo ra cho mình năng lực tư duy.

Luận điểm nêu ở phần 2 được triển khai như thế nào?

Trong bối cảnh diễn ra cách mạng thông tin và sự bùng nổ thông tin, nếu học chỉ là tiếp thu, ghi nhớ kiến thức thì không thể nào đáp ứng nổi tình hình kiến thức mới nảy sinh dồn dập và tăng nhanh. Học – hiểu là học cách học, cách tự học, tự nghiên cứu, tự mình tìm ra kiến thức bằng hành động và thao tác tư duy của chính mình. “Hãy học phương pháp chứ đừng học dữ liệu.” (Ti-ơ-ri Gô-đanh – Thierry Gaudin). Học – hiểu là học cách học để tạo ra cho mình năng lực tự học và thói quen tự học suốt đời.

(1) Trích *Học tập: Một kho báu tiềm ẩn*, Báo cáo của Hội đồng về “Giáo dục cho thế kỉ XXI” gửi UNESCO, Vũ Văn Tào dịch, NXB Giáo dục, 1997.

Khối lượng kiến thức của loài người mênh mông như biển cả, không ai có thể học để hiểu hết được. Chỉ có thể học một cơ sở văn hoá chung đủ rộng để kết hợp với khả năng làm việc sâu trên một số lĩnh vực hẹp. Học để hiểu là đi vào kiến thức chuyên sâu, kiến thức ngành nghề trên cơ sở vốn văn hoá cơ bản. Cơ sở văn hoá cơ bản đó đặt nền móng cho việc học suốt đời và cho khả năng tự tạo ra việc làm mới.

Học để hiểu. Hiểu để học. Hiểu vừa là mục đích, vừa là cách học. Học là đi từ cái đã hiểu đến cái chưa hiểu, liên kết những cái đã hiểu, tạo ra các câu hỏi nhận thức. Vốn hiểu biết càng rộng, càng sâu thì việc học suốt đời càng có hiệu quả. Vốn hiểu biết đó là tổng hoà của những thông tin có thể lưu trữ trong não, tức là trí nhớ được cấu tạo bởi những cái đã hiểu. Học – hiểu là phát huy đồng thời cả hai tố chất chính của trí lực là tư duy và trí nhớ. Học – hiểu là học cả cách tư duy và cách nhớ, làm cho trí nhớ ngày càng bền vững và tư duy ngày càng sắc bén. Hiểu để nhớ. Nhớ để hiểu. Hiểu để học.

Tính đến những thay đổi nhanh chóng do tiến bộ khoa học và những hình thức mới từ hoạt động kinh tế và xã hội mang đến, mục đích học để hiểu là nhằm học cách học, cách tư duy và cách nhớ, tạo ra cho mình năng lực tư duy, năng lực tự học, năng lực làm việc sâu về một số lĩnh vực hẹp trên cơ sở văn hoá cơ bản.

3. Học để làm

Học không chỉ để hiểu mà còn để ứng dụng, triển khai, học để làm. Học để hành. “Học với hành phải đi đôi. Học mà không hành thì học vô ích. Hành mà không học thì hành không trôi chảy.” (Hồ Chí Minh). “Cách tốt nhất để hiểu là làm.” (Can-tơ – Kant). “Suy nghĩ gắn với hành động.” (Pi-a-giê – Piaget). Tay làm, trí nghĩ. Học làm, học chữ quyện lấy nhau. Và làm dần dần trở thành biết làm, muốn làm và cuối cùng muốn tồn tại và phát triển bền vững, tức là tự tạo ra cho mình tay nghề và việc làm.

Người viết trích dẫn quan điểm của các nhà tư tưởng lớn nhằm mục đích gì?

Trước thị trường lao động toàn cầu đầy biến động, ngoài việc học một nghề để có việc làm, con người cần có năng lực xử lý được nhiều tình huống mới nảy sinh trong cuộc sống nghề nghiệp mà thường không thể lường trước được, đó là năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực tự học, tự đào tạo để có thể thích nghi kịp thời với thị trường việc làm.

Ngày nay, làm việc hay hoạt động bao giờ cũng đòi hỏi con người phải hợp tác với người khác, với đồng đội. Học để làm. Làm là hợp tác. Phải có tinh thần và năng lực hợp tác, làm việc đồng đội. Học để làm gắn liền với học để hợp tác, cùng chung sống.

Học để làm. Làm để học. Làm vừa là mục đích vừa là cách học. Học là tự tìm ra kiến thức bằng hành động và suy nghĩ của chính mình. Hành để học. Vừa làm vừa

học hay vừa học vừa làm, học xen kẽ với làm, học lí thuyết kết hợp với lao động thực tiễn, đó là một đặc trưng cơ bản của việc học suốt đời trong một xã hội học tập.

4. Học để hợp tác, cùng chung sống

“Học để hiểu”, “Học để làm” là những nhân tố cơ sở của “Học để hợp tác, cùng chung sống”.

Chú ý cách người viết kết nối các luận điểm.

Học để hiểu, trước hết là để hiểu bản thân mình, từ đó mới hiểu được người khác tốt hơn. Thật sự tự đặt mình vào địa vị người khác mới có thể hiểu rõ các tác động qua lại khách quan, mới tôn trọng những giá trị đa phương, đa dạng của con người thuộc các dân tộc và có thái độ hợp tác, hữu nghị, tôn trọng lẫn nhau để có thể cùng chung sống với nhau. Trước hết là biết hợp tác, cùng chung sống với người thân trong gia đình, với các thế hệ khác, với dòng họ, xóm làng, quê hương, đất nước, dân tộc.

Hiểu người khác nói rộng ra là phải hiểu thế giới tốt hơn, một thế giới còn tồn đọng biết bao xung đột và căng thẳng do lịch sử để lại, do hiện tại đặt ra. Cần hiểu biết lẫn nhau tốt hơn để giải quyết hoà bình mọi sự gay gắt, dần dần xoá bỏ thành kiến và hiểm khích tiềm ẩn, thay vào đó là sự hợp tác lành mạnh, là tình hữu nghị cùng chung sống hoà bình.

Học để hợp tác, cùng chung sống sẽ làm cho con người chẳng những có ý thức làm công dân tốt của đất nước mà còn là thành viên tích cực của loài người, vừa có ý thức bảo vệ Tổ quốc mình, giữ vững bản sắc văn hoá dân tộc, vừa có ý thức bảo vệ hoà bình thế giới, quan tâm đến các vấn đề chung của nhân loại như bảo vệ môi trường, chống thiên tai, đói nghèo, bệnh tật,...

Tác giả đã mở rộng, bình luận ý kiến bằng cách nào?

Học để hợp tác, cùng chung sống có nghĩa chung là mong muốn cam kết hợp tác làm ăn với nhau lâu dài, cảm nhận sâu sắc được tính phụ thuộc lẫn nhau trong thực tiễn cùng làm việc với nhau, từ đó mà có thể biến đổi xung đột, căng thẳng thành đoàn kết và hợp tác, hoà bình và hữu nghị trong những cố gắng chung. Học để hợp tác, cùng chung sống là cách học hợp tác để giải quyết vấn đề, giải quyết công việc để dần dần tạo ra cho mình năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề.

Học để hợp tác. Hợp tác để học. Hợp tác vừa là mục đích vừa là cách học. Học cá nhân phải kết hợp với học nhóm hay thảo luận lớp. Học cá nhân đi đôi với học hợp tác. Phương pháp hợp tác đảm bảo cho quá trình học suốt đời đạt được kết quả mong muốn.

Học – hiểu, Học – làm, Học – hợp tác là ba mặt của một tổng thể đan xen lẫn nhau, quyện vào nhau nhằm tạo ra những năng lực cơ bản như năng lực tư duy, năng lực phát hiện, hợp tác và giải quyết vấn đề, năng lực tự học,... và tổng hoà năng lực đó thành nhân cách: Học để làm người.

5. Học để làm người

Học để làm người là nhằm phát triển đầy đủ nhất tiềm năng sáng tạo của chủ thể cùng với toàn bộ sự phong phú và phức tạp của nhân cách con người.

Học là tự hiểu mình, khám phá ra “*Mình là ai?*” thông qua một hành trình nội tại bao gồm cả “*học – hiểu – làm – hợp tác*” cả học tri thức, cách học, cách tư duy, cách hợp tác, cách giải quyết vấn đề cùng với cách tự kiểm tra, tự đánh giá. Hành trình nội tại đó giúp cho chủ thể tự biến đổi mình, vượt qua chính bản thân, phát triển mọi tiềm năng sáng tạo để tự làm phong phú thêm giá trị con người mình. Đó là con người lao động tự chủ, năng động và sáng tạo, có năng lực tư duy, năng lực hợp tác, phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực tự học. [...]

Học để làm người. Làm người phải học. “*Học, học nữa, học mãi.*” (Lê-nin – Lenin). Học suốt đời.

(NGUYỄN CẢNH TOÀN (Chủ biên), NGUYỄN KỶ, LÊ KHÁNH BẰNG, VŨ VĂN TẢO, *Học và dạy cách học*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2004)



1. Nêu những đặc điểm bối cảnh được nói tới ở phần 1. Vấn đề nghị luận có ý nghĩa như thế nào trong bối cảnh đó?
2. Xác định hệ thống luận điểm của văn bản và nhận xét về cách tác giả triển khai mỗi luận điểm đó. Có thể trình bày bằng bảng hoặc sơ đồ, ví dụ:

Luận điểm	Lí lẽ, bằng chứng	Nhận xét

3. Tác giả đã sắp xếp các luận điểm theo thứ tự nào? Theo em, có nên thay đổi thứ tự sắp xếp các luận điểm không? Vì sao?
4. Qua văn bản *Mục đích của việc học*, tác giả muốn khẳng định điều gì? Điều đó có ý nghĩa như thế nào trong bối cảnh hiện nay?
5. Theo em, sức thuyết phục của văn bản này được tạo nên bởi những yếu tố nào? Hãy đưa ra lí lẽ và phân tích bằng chứng để làm rõ một trong những yếu tố đó.
6. Từ những vấn đề gợi ra trong văn bản, hãy liên hệ với thực tiễn để chỉ ra một số bất cập (hạn chế) về việc học của học sinh hiện nay. Để giải quyết những bất cập (hạn chế) đó, cần phải làm gì?

Chú ý tới điểm chung trong cách triển khai các luận điểm của người viết.

Viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết

1 Định hướng

1.1. Ở lớp 8, các em đã được rèn luyện kỹ năng viết bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống hoặc về một vấn đề xã hội đặt ra trong tác phẩm văn học. Bài học này rèn luyện cho các em kỹ năng viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống cần giải quyết. Yêu cầu chung của kiểu bài này là:

- Nêu lên được vấn đề cần giải quyết.
- Triển khai tường minh, mạch lạc; làm rõ những hạn chế của vấn đề cần được khắc phục.
- Trình bày được một số biện pháp khả thi và có sức thuyết phục để giải quyết những hạn chế của vấn đề.

1.2. Để viết được bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết, các em cần chú ý:

- Chọn vấn đề mang tính thời sự, có ý nghĩa xã hội, đang còn những hạn chế cần được giải quyết; vấn đề có tính thiết thực và phù hợp với mối quan tâm của các em.
- Bài viết phải trình bày rõ những hạn chế của vấn đề; nêu và lí giải được một số đề xuất để khắc phục những hạn chế đó.
- Luận đề của bài viết cần được làm sáng tỏ bằng các luận điểm, với đủ lí lẽ và bằng chứng phong phú, chính xác, có sức thuyết phục,...
- Người viết cần thể hiện rõ mục đích, thái độ của bản thân về vấn đề thông qua lí lẽ, bằng chứng và giọng điệu.

2 Thực hành

2.1. Thực hành viết theo các bước

Bài tập: *Suy nghĩ của em về vấn đề một số học sinh ngại đọc sách và cách khắc phục.*

a) Chuẩn bị

- Tìm hiểu đề để biết các thông tin chính trước khi viết (kiểu bài, nội dung chính, phạm vi sử dụng bằng chứng).

– Đọc sách, báo, Internet và tìm trong thực tiễn những bằng chứng về vấn đề ngại đọc sách của học sinh (có thể liên hệ với chính mình); ghi chép lại những thông tin đó.

– Suy nghĩ về nguyên nhân của vấn đề này và các biện pháp khắc phục (có thể trao đổi với thầy cô, bạn bè, bố mẹ, anh chị,... để tham khảo ý kiến của mọi người).

b) Tìm ý và lập dàn ý

– Tìm ý cho bài viết bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi:

+ Vấn đề ngại đọc sách của học sinh được biểu hiện như thế nào?

+ Có những nguyên nhân nào khiến cho học sinh ngại đọc sách?

+ Tác hại của việc ngại đọc sách là gì?

+ Làm thế nào để giải quyết được vấn đề ngại đọc sách của học sinh?

– Lập dàn ý cho bài viết bằng cách lựa chọn, sắp xếp các ý đã tìm được theo bố cục ba phần:

Mở bài

Giới thiệu vấn đề học sinh ngại đọc sách, nêu nhận xét chung.

Thân bài

+ Trình bày cụ thể các biểu hiện của vấn đề học sinh ngại đọc sách.

+ Lí giải về những tác hại của việc ngại đọc sách (đối với việc học, phát triển bản thân,...).

+ Chỉ ra những nguyên nhân khiến học sinh ngại đọc sách (chủ quan, khách quan).

+ Đề xuất những biện pháp khắc phục vấn đề ngại đọc sách của học sinh (Bản thân, gia đình, nhà trường, cộng đồng nên làm gì, làm như thế nào?).

Kết bài

+ Khẳng định quan điểm của bản thân về vấn đề.

+ Nêu lên suy nghĩ, mong muốn của bản thân liên quan đến vấn đề.

c) Viết

Dựa vào dàn ý đã lập để viết bài văn hoàn chỉnh. Khi viết, cần chú ý đảm bảo yêu cầu của bài văn nghị luận: các luận điểm rõ ràng, lô gích; mỗi luận điểm nên triển khai thành một đoạn văn với lí lẽ xác đáng, bằng chứng phù hợp được phân tích cặn kẽ; các đoạn văn có sự liên kết.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 1, phần *Viết*, mục d (trang 27, 28) và đối chiếu với dàn ý đề văn đã làm ở bài này.

2.2. Rèn luyện kĩ năng viết: Sử dụng thao tác nghị luận chứng minh và bác bỏ trong văn nghị luận

a) Cách thức

Chứng minh và bác bỏ là hai thao tác lập luận đều chủ yếu dùng lí lẽ và bằng chứng đã được thừa nhận để thuyết phục người đọc về tính đúng đắn, đáng tin cậy hoặc làm rõ sự sai trái, thiếu chính xác, cần phê phán,... của một ý kiến. Các lí lẽ, bằng chứng dùng để chứng minh và bác bỏ cần được lựa chọn, phân tích một cách khách quan thì mới có sức thuyết phục.

Muốn chứng minh hay bác bỏ, trước hết, người viết phải xác định được ý kiến cần chứng minh, bác bỏ là gì (ví dụ, chứng minh ý kiến “tự học rất quan trọng” hoặc bác bỏ ý kiến “có thể thay thế sách bằng các phương tiện nghe nhìn”). Từ những ý kiến đó, đưa ra các lí lẽ (Ý kiến ấy đúng ở chỗ nào? Vì sao?...) và nêu bằng chứng để chứng minh. Nếu bác bỏ cũng cần đưa ra lí lẽ (Ý kiến này sai ở chỗ nào? Vì sao?...) và nêu bằng chứng bác bỏ.

b) Bài tập

– Trong đoạn văn sau đây, em hiểu tác giả muốn bác bỏ ý kiến nào và muốn khẳng định ý kiến nào?

“Nếu có giặc Mông Thát tràn sang thì چرا گا trổng không thể đâm thủng áo giáp của giặc, meo cò bạc không thể dùng làm mưu lược nhà binh; dẫu rằng ruộng lắm, vườn nhiều, tám thân quý nghìn vàng khôn chuộc; vả lại vợ biu con dúi, việc quân cơ trăm sự ích chi; tiền của tuy nhiều khôn mua được đầu giặc, chó săn tuy khoẻ khôn đuổi được quân thù; chén rượu ngon không thể làm cho giặc say chết, tiếng hát hay không thể làm cho giặc điếc tai. Lúc bấy giờ, ta cùng các người sẽ bị bắt, đau xót biết chừng nào! Chẳng những thái ấp của ta không còn, mà bổng lộc các người cũng mất; chẳng những gia quyến của ta bị tan, mà vợ con các người cũng khổ; chẳng những xã tắc tổ tông ta bị giày xéo, mà phần mộ cha mẹ các người cũng bị quật lên; chẳng những thân ta kiếp này chịu nhục, rồi đến trăm năm sau, tiếng dơ khôn rửa, tên xấu còn lưu, mà đến gia thanh các người cũng không khỏi mang tiếng là tướng bại trận. Lúc bấy giờ, dẫu các người muốn vui vẻ phỏng có được không?”

(Theo bản dịch trong *Hợp tuyển văn học trung đại Việt Nam (thế kỉ X – XIX)*, tập một, Bùi Duy Tân Chủ biên, NXB Giáo dục, 2004)

– Viết đoạn văn (khoảng 10 – 12 dòng) để khẳng định hoặc bác bỏ một trong số ý kiến sau:

- + Việc tự học của mọi người ngày càng thuận lợi.
- + Chọn được sách hay, sách tốt để đọc không phải dễ dàng.

Trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự

1 Định hướng

1.1. Ở Bài 4, các em đã được rèn luyện cách thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi. Phần *Nói và nghe* của Bài 5 tập trung rèn luyện kỹ năng trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự. Sự việc có tính thời sự là những sự việc đã hoặc đang diễn ra trong thực tiễn, thu hút sự quan tâm của nhiều người. Như thế, nội dung trình bày thực chất cũng giống Bài 4, chỉ khác nhau là: Bài 4 chú trọng kỹ năng thảo luận (nói và nghe tương tác), còn Bài 5 chú trọng cách trình bày (kỹ năng nói).

1.2. Để thực hành tốt hoạt động trình bày ý kiến về một vấn đề có tính thời sự, các em cần lưu ý:

- Lựa chọn sự việc phù hợp với lứa tuổi, có tính thời sự, có ý nghĩa giáo dục.
- Tìm hiểu kỹ sự việc, xác định ý kiến của bản thân về sự việc đó (đồng tình hay phản đối, cũng có thể đồng tình, phản đối một phần).
- Khi trình bày, cần đưa ra được các lí lẽ, kèm theo phân tích những bằng chứng tin cậy thể hiện quan điểm của bản thân.
- Có thể sử dụng một số phương tiện hỗ trợ (hình ảnh, âm thanh, hiện vật,...) để tăng sức thuyết phục cho ý kiến.

2 Thực hành

Bài tập: Chọn một trong các vấn đề sau đây (hoặc tự xác định vấn đề gắn với sự việc phù hợp, có tính thời sự) để trình bày ý kiến trước nhóm, lớp.

- Làm thế nào để một số học sinh không còn ngại đọc sách?
- Những lưu ý khi sử dụng ChatGPT⁽¹⁾ – thành tựu khoa học mới của thế kỉ XXI.
- Cần xác định mục đích học thế nào cho đúng?

(1) ChatGPT (viết tắt của Chat Generative Pre-training Transformer): công cụ trí tuệ thông minh nhân tạo có thể thực hiện các nhiệm vụ giao tiếp (nói, viết) dựa trên mô hình ngôn ngữ tự nhiên.

a) Chuẩn bị (ví dụ với vấn đề 1)

– Xác định vấn đề cần trình bày (Những cách giúp cho một số học sinh không còn ngại đọc sách).

– Đối tượng nghe: thầy giáo / cô giáo, các bạn trong nhóm, lớp.

– Chuẩn bị các phương tiện hỗ trợ (nếu cần).

b) Tìm ý và lập dàn ý

– Tham khảo nội dung trong dàn ý ở phần *Viết* và thu thập thông tin từ thực tế có liên quan đến sự việc cần trình bày ý kiến.

– Xây dựng dàn ý cho bài nói, tập trung làm rõ ý kiến của mình về cách khắc phục sự việc một số học sinh còn ngại đọc sách. Ví dụ:

Mở đầu

Giới thiệu vấn đề cần trình bày (Làm thế nào để một số học sinh không còn ngại đọc sách?).

Nội dung chính

Lần lượt trình bày các ý kiến theo một trình tự lô gích:

+ Tóm tắt khái quát về sự việc một số học sinh ngại đọc sách (biểu hiện, hệ quả, nguyên nhân,...).

+ Trình bày những biện pháp có thể áp dụng để một số học sinh thích đọc sách hơn:

- Làm rõ lợi ích quan trọng của việc đọc sách.
- Rèn luyện thói quen đọc sách cho học sinh ở trường và ở nhà.
- Kiểm soát việc đọc sách bằng những cách phù hợp (đánh giá, khích lệ, khen thưởng,...).
- Hướng dẫn cách đọc sách hiệu quả.
- Giới thiệu cách tiếp cận với nguồn sách mới, hấp dẫn, bổ ích,...

...

Kết thúc

Khẳng định lại ý kiến, nêu mong muốn hoặc đưa ra lời khuyên phù hợp với các bạn.

c) Nói và nghe

– Thực hành nói và nghe theo dàn ý đã xác định.

– Tập trung vào kỹ năng trình bày (nói) một vấn đề.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Tham khảo các yêu cầu nói và nghe đã nêu ở Bài 1, phần *Nói và nghe*, mục d (trang 30, 31) và đối chiếu với dàn ý đề văn đã làm ở bài này.

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

PHẢI ĐỌC SÁCH CÁCH NÀO?

(1) Muốn đọc sách để nâng cao tri thức cần nhất phải biết cách đọc sách.

Có người đọc sách không rời tay nhưng kết quả chẳng lợi ích gì cho việc học hỏi. Hễ vừa ngồi xuống, bất luận là trên xe đò⁽¹⁾ hay xe điện là họ mở sách báo ra đọc. Họ đọc tiểu thuyết, họ đọc tin tức hằng ngày, họ đọc luôn cả những quảng cáo không sót một chữ. Nhưng họ không hiểu họ đọc những gì, cũng không rõ tên tác giả là ai. Đó là lối đọc sách vô bổ. Bởi lối đọc sách này chỉ làm phí thì giờ. Nếu thành thực, họ sẽ thấy sau một tuần lễ, mình không còn nhớ gì nữa cả. Khi đọc, họ vẫn có vẻ chăm chú nhưng thực sự tâm tư lại đi vào chỗ khác. Đó là một điều không nên bắt chước.

Lại cũng có một kiểu đọc giả, sách gì cũng đọc nhưng họ chỉ đọc từng chặng, khúc đầu, khúc đuôi rồi xếp sách lại, tin tưởng rằng mình đã hiểu được tất cả ý tưởng của tác giả. Tôi dám quả quyết rằng người đọc sách như thế dù là bậc thông minh thế nào cũng khó mà hiểu được tất cả quyển sách. Nhất là nó lại thuộc về loại sách học, trong đó, mỗi câu có khi là một vấn đề, sự liên kết của nó không thể bỏ qua một đoạn nào. Kiểu đọc giả này, đọc đây một đoạn, đó một đoạn, họ lật hình này xem, lật hình kia xem, đọc cầu vui, đọc không mục đích và đọc suốt ngày. Có ai hỏi họ làm gì, họ bảo họ đọc sách. Nhưng thực sự trí họ như con bướm đập chồn từ đoá hoa này sang đoá hoa kia. Xong rồi, đầu óc họ vẫn trống trơn, không còn lưu lại một ấn tượng gì. Cũng có khi họ nhớ nhưng chỉ là những chi tiết lật vạt, không đầu đuôi, không thành vấn đề gì.

Trên đây là lối đọc sách không bỏ ích gì cho trí thức cả. Những ai muốn đọc sách để giúp mở rộng suy nghĩ và hiểu biết của mình thì đừng bao giờ đọc sách như những cách đã nói ở trên. [...]

(2) Vậy phải đọc sách cách nào?

Trước hết, cần sự tôn nghiêm khi đọc sách. Tức là những lúc đọc sách, các bạn hãy tạo nên một không khí trang nghiêm và trầm lặng. Tránh cảnh vừa đọc vừa ăn, vừa nói chuyện hoặc đọc thoáng qua một trang thì ngừng lại để trả lời điện thoại hoặc cầm sách mà trí nghĩ đâu đâu rồi lại bỏ dở vì có người bạn đến nói chuyện tầm phào⁽²⁾, rủ nhau đi ăn uống hay dạo mát. Người biết đọc sách phải dành cho

(1) *Xe đò* (từ địa phương): xe ô tô chở khách theo tuyến cố định.

(2) *Tầm phào*: nói chuyện vu vơ, không có mục đích rõ ràng.

mình một thời gian để đọc trong yên lặng và cô tịch⁽¹⁾... Bản thân tôi, suốt một đoạn đời từ năm hai mươi mốt tuổi đến nay, tôi đã dành mỗi buổi tối ít nhất là hai giờ đọc sách (khoảng từ 20 giờ đến 22 giờ), không bao giờ sai. Giờ ấy đối với tôi cũng như giờ cầu kinh, nhất định không để ai quấy rầy. Tất cả mọi người trong gia đình đều tôn trọng thời gian thiêng liêng ấy của tôi, tôi cũng không đòi hỏi gì hơn quyền được sống một mình giữa cô tịch và lặng lẽ. Trong những giờ đọc sách trang nghiêm ấy, tôi chỉ toàn đọc những tác phẩm hay nhất mà thôi. Ngoài thời gian đó ra, tôi cũng đọc sách, xem báo như mọi người khác,...

Chỉ nên đọc những tác phẩm hay. Giuyn Pay-ô (Jules Payot) từng nói: “Tôi mua rất đắt kinh nghiệm khi còn nhỏ là đã làm phung phí sức lực vào những tác phẩm vô giá trị. Nếu mọi người muốn có một tương lai tốt đẹp về tinh thần, hãy nghe theo tôi, đừng bao giờ đọc sách nhảm.”. Vậy làm cách nào để nhận biết một quyển sách hay? Sách hay nói ở đây chẳng những hay về văn chương tao nhã mà còn hay về ý tưởng thâm trầm. Một đặc điểm dễ nhận thấy của sách hay là càng đọc đi đọc lại chừng nào, càng thấy ý tưởng của nó rộng rãi, sâu xa chừng ấy. Quyển sách hay dù cho một năm sau, ba năm sau hay mười năm sau nữa mà đọc lại vẫn còn thấm thía,... Những quyển như *Suy tưởng* của Pa-xcan (Pascal), *Đạo đức học* của Xpi-nô-da (Spinoza), *Kinh Dịch*,... là sách rất hay, đọc đến hết cuộc đời vẫn nhận ra những sâu sắc, thâm trầm. Sách hay ở đây còn là những quyển khơi gợi được ở ta nhiều ý nghĩ đột ngột, lạ lùng và mới mẻ. Dù không thể nhìn nhận tư tưởng của tác giả, ta cũng không sao tránh khỏi những băng khuâng và hoài nghi hoặc trong nhất thời đưa đến cho ta những vấn đề mà xưa nay ta chưa từng để ý đến. Những cuốn sách đó sẽ làm giàu thêm cho ta về kinh nghiệm, về tư tưởng và tài liệu. Những cuốn sách ấy cũng được xem là sách hay. [...]

Vừa đồng cảm vừa phản biện khi đọc sách. Đọc sách là để nuôi dưỡng tinh thần trí não. Đồ ăn vào bao tử mà tiêu hoá được là nhờ các chất dịch tiêu hoá. Những điều hiểu biết thu thập được nơi sách vở sở dĩ bổ ích tinh thần là nhờ biết so sánh, đối chiếu với sự hiểu biết của mình đã có từ trước. Minh hiểu biết được nhiều chừng nào, đọc sách sẽ bổ ích thêm chừng ấy. Một quyển sách mà mình thích đọc là vì nó với mình có nhiều điều đồng cảm mật thiết với nhau... Chỉ có cách so sánh và đối chiếu mới giúp cho mình tìm thấy được mình, tìm được khuynh hướng sâu xa trong “con người tinh thần” của mình mà thôi. Giữa cảnh tịch mịch âm thầm, tư tưởng của tác giả đã làm rung động cả tâm hồn trí não ta, làm thành một tiếng gọi xa xăm mà rõ rệt. Bấy giờ, ta mới sực tỉnh, nhìn lại mới thấy đó là tư tưởng của thâm tâm⁽²⁾ mình mà bấy lâu nay mình không biết hoặc có nghĩ đến mà chưa tìm ra câu nói cho rõ lẽ. Cả tâm hồn ta bấy giờ rung động sung sướng, mừng như gặp người tri kỉ đã lâu ngày cách biệt. [...] Đọc sách cũng cần

(1) *Cô tịch*: vắng lặng, quạnh hiu.

(2) *Thâm tâm*: từ sâu trong đáy lòng.

biết phản biện. Đó là cái quyền, hơn nữa là phận sự của mỗi người. Phản biện tác giả không có nghĩa là muốn tác giả từ bỏ quan điểm của họ để theo quan điểm của mình mà trái lại, cần chỉ cho tác giả biết trong trường hợp cụ thể đó, tác giả nên điều chỉnh quan điểm như thế nào để tránh sự mâu thuẫn, để phải lẽ hơn, để hay hơn. [...] Đọc sách mà thiếu lòng hâm mộ, nhiệt hứng, đọc một cách thụ động là tật làm biếng nên tránh xa. Nhiều người đọc sách để tự mình khỏi phải suy nghĩ: đọc sách mà tin cả sách, mà không dám phản ứng lại với sách thì thà đừng đọc còn hơn. Vì đọc như thế tức là tự huỷ hoại tư tưởng của mình. Đọc sách là để khởi phát cõi lòng thâm sâu của mình, tìm thấy con người chân thật và sâu sắc của mình, để tăng cường đời sống tinh thần của mình. Nhược bằng⁽¹⁾ đọc sách mà để thành nô lệ của sách, bắt chước theo suy nghĩ thiển cận của người khác thì rất có hại.

(Theo NGUYỄN DUY CẦN, in trong *Tôi tự học*,
NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2022)

Chọn phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 5):

1. Luận đề của văn bản là gì?

- A. Mọi người đều phải biết cách đọc sách
- B. Cách đọc sách để có hiệu quả
- C. Kinh nghiệm đọc sách của người viết
- D. Một số cách đọc sách khác nhau

2. Phương án nào nêu đúng luận điểm của phần (1)?

- A. Muốn nâng cao tri thức phải biết cách đọc sách
- B. Nên tận dụng thời gian để đọc được nhiều sách
- C. Một số cách đọc sách thường gặp trong thực tế
- D. Những cách đọc sách không hữu ích cho việc mở rộng hiểu biết

3. Thao tác nghị luận chính nào được sử dụng trong đoạn văn: “Lại cũng có một kiểu đọc giả [...] không thành vấn đề gì cả.”?

- A. Giải thích
- B. Phân tích
- C. Chứng minh
- D. Bác bỏ

4. Phần (2) của văn bản nêu lên những kinh nghiệm gì về cách đọc sách? Chọn các phương án đúng.

- A. Cần tạo không khí làm việc nghiêm túc khi đọc sách
- B. Chỉ cần đọc những tác phẩm lớn của tác giả nước ngoài
- C. Cần biết đồng cảm, đồng thời biết phản biện khi đọc sách
- D. Cần chọn đọc sách hay để làm giàu hiểu biết, bồi dưỡng tư tưởng

(1) *Nhược bằng*: có nghĩa giống nếu như.

5. Phương án nào nêu đúng mối quan hệ về nghĩa giữa các vế câu ghép sau: “Họ đọc tiểu thuyết, họ đọc tin tức hằng ngày, họ đọc luôn cả những quảng cáo không sót một chữ.”?

- A. Liệt kê (nêu các hoạt động đọc không có mục đích)
- B. Nối tiếp (nêu các hoạt động đọc theo thứ tự trước sau)
- C. Tương phản (nêu các hoạt động đọc trái ngược nhau)
- D. So sánh (nêu điểm giống và khác nhau giữa các hoạt động đọc)

6. Thái độ của tác giả về vấn đề nghị luận được thể hiện như thế nào? Chỉ ra những bằng chứng cụ thể (những cụm từ, vế câu hoặc câu).

7. Nêu nhận xét của em về cách lập luận của tác giả ở những câu văn sau:

Đồ ăn vào bao tử mà tiêu hoá được là nhờ các chất dịch tiêu hoá. Những điều hiểu biết mà mình mới thu thập được nơi sách vở sẽ dĩ bổ ích tinh thần mình là nhờ mình biết so sánh, đối chiếu với sự hiểu biết của mình đã có từ trước.

8. Văn bản thuyết phục người đọc bởi những yếu tố nào? Hãy đưa ra lí lẽ, bằng chứng để làm rõ một trong số các yếu tố đó.

9. Quan điểm về cách đọc sách của hai tác giả Chu Quang Tiềm và Nguyễn Duy Cần thể hiện trong hai văn bản (*Bàn về đọc sách*, *Phải đọc sách cách nào?*) có gì giống nhau?

10. Từ những vấn đề gợi ra trong văn bản, em có suy nghĩ hoặc kế hoạch gì để cải thiện việc đọc sách của bản thân? Viết một đoạn văn (khoảng 10 – 12 dòng) để trình bày về những suy nghĩ hoặc kế hoạch đó của em.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

1. Tìm đọc thêm 2 – 3 văn bản nghị luận xã hội viết về những vấn đề đáng quan tâm trong đời sống có sử dụng thao tác nghị luận chứng minh và bác bỏ.

2. Chỉ rõ biểu hiện của thao tác nghị luận chứng minh và bác bỏ trong những văn bản đó và cho biết em có thể học được điều gì từ cách viết của tác giả.

3. Quan sát, tìm hiểu một vấn đề trong đời sống có tính thời sự; trao đổi, thảo luận với bạn bè và người thân về vấn đề đó.

ÔN TẬP VÀ TỰ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Trình bày được những nội dung cơ bản đã học trong học kì I, gồm kĩ năng đọc hiểu, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức tiếng Việt, văn học.
- Hiểu được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài tự đánh giá kết quả học tập cuối học kì I.

NỘI DUNG ÔN TẬP

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Câu 1. Khi đọc các văn bản thơ trong sách *Ngữ văn 9*, tập một, em cần chú ý những gì (nội dung, nghệ thuật, bối cảnh ra đời,...)?

Câu 2. Phân biệt thể loại truyện và truyện thơ Nôm trong sách *Ngữ văn 9*, tập một; nêu một số lưu ý về cách đọc mỗi thể loại.

Câu 3. Đề tài và chủ đề chung của các văn bản thông tin trong sách *Ngữ văn 9*, tập một có gì đặc sắc? Nêu ý nghĩa của các văn bản này. Cần lưu ý những gì về cách đọc các văn bản thông tin?

Câu 4. Các văn bản nghị luận xã hội trong sách *Ngữ văn 9*, tập một có chung nội dung gì? Cần lưu ý những gì về cách đọc các văn bản này?

Câu 5. Phân tích một số ví dụ cụ thể để thấy các văn bản trong sách *Ngữ văn 9*, tập một có nội dung gần gũi và thiết thực đối với đời sống hiện nay.

VIẾT

Câu 6. Các kiểu văn bản được luyện viết trong sách *Ngữ văn 9*, tập một gồm những kiểu văn bản nào? Những nội dung đọc hiểu có vai trò như thế nào với phần *Viết*?

Câu 7. Sách *Ngữ văn 9*, tập một hướng dẫn em rèn luyện những kỹ năng viết nào? Kỹ năng nào em thấy khó? Vì sao?

NÓI VÀ NGHE

Câu 8. Những nội dung rèn luyện về kỹ năng nói và nghe trong sách *Ngữ văn 9*, tập một liên quan như thế nào với phần *Đọc hiểu* và *Viết*? Xác định kỹ năng trọng tâm (nói, nghe hay nói nghe trong tác) ở mỗi bài học.

TIẾNG VIỆT

Câu 9. Những nội dung chính của phần tiếng Việt trong sách *Ngữ văn 9*, tập một là gì? Các nội dung này có mối quan hệ như thế nào với phần *Đọc hiểu*, *Viết*, *Nói và nghe*?

Câu 10. Phân tích tác dụng của các kiểu câu, từ ngữ, biện pháp tu từ,... trong một văn bản văn học tự chọn.

ĐỊNH HƯỚNG ĐÁNH GIÁ

Nội dung

Kiểm tra, đánh giá năng lực vận dụng các kiến thức tiếng Việt và văn học đã học trong sách *Ngữ văn 9*, tập một vào việc đọc hiểu và viết văn bản. Các kiến thức và kỹ năng đã học được yêu cầu vận dụng vào tình huống mới, với ngữ liệu mới tương tự các ngữ liệu đã học cả về nội dung, hình thức và độ khó; khuyến khích những suy nghĩ mới mẻ, độc đáo, sáng tạo trong nội dung và cách thể hiện, trình bày.

Hình thức

Thời lượng làm bài đánh giá trong 2 tiết (90 phút) với hai yêu cầu:

– Yêu cầu đọc hiểu một văn bản mới có thể loại hoặc kiểu văn bản tương tự các văn bản đã học trong sách *Ngữ văn 9*, tập một. Câu hỏi đọc hiểu kết hợp cả trắc nghiệm khách quan và viết câu trả lời ngắn. Các câu hỏi tập trung kiểm tra sự vận dụng kiến thức văn học và tiếng Việt đã học trong học kì I.

– Yêu cầu viết một đoạn văn hoặc bài văn ngắn với hình thức như các kiểu văn bản đã được học, gồm nghị luận phân tích một tác phẩm thơ, truyện, một đoạn trích tác phẩm văn học; nghị luận về một vấn đề xã hội; thuyết minh về một danh lam thắng cảnh.

TỰ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I

I. Đọc hiểu

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

HANG SƠN ĐÒNG^(*)

Ngày 14-4-2022, hang Sơn Đoòng, một trong những kì quan thiên nhiên của Việt Nam, được quảng bá trên trang chủ Google Tìm kiếm của 17 quốc gia và lãnh thổ. Vậy hang Sơn Đoòng có gì đặc biệt?

(1) Hang Sơn Đoòng được khám phá như thế nào?

Phong Nha – Kẻ Bàng thuộc tỉnh Quảng Bình là Vườn quốc gia lớn và duy nhất tại Việt Nam được UNESCO công nhận là Di sản thế giới (1 233 ki-lô-mét vuông, hơn 200 000 héc-ta). Nơi đây được biết đến là “ngôi nhà” của không phải chỉ một mà là hai hang động tự nhiên lớn nhất và lớn thứ ba thế giới – hang Sơn Đoòng và hang En.

Lấy cảm hứng từ vẻ đẹp choáng ngợp của hố sụt⁽¹⁾ 1 trong hang Sơn Đoòng, Google đã tái hiện hình ảnh hang Sơn Đoòng với ánh nắng Mặt Trời chiếu rọi làm sáng bừng cả không gian và tô điểm hang bằng hơi thở xanh tươi của núi

(*) Nhan đề do người biên soạn sách đặt.

(1) *Hố sụt*: còn gọi là hố địa ngục, hố tử thần, là hố sinh ra do sự sụt lún đất đá trên bề mặt khi đất bên dưới bị làm rỗng dần dần đến mức không còn đủ liên kết để đỡ các khối đất đá bên trên.

rừng. Và sự kiện hang Sơn Đoòng – hang động lớn nhất thế giới được chính thức khám phá năm 2009 – một trong những kì quan thiên nhiên của Việt Nam, được quảng bá trên trang chủ Google Tìm kiếm của 17 quốc gia và lãnh thổ hôm 14-4 đã truyền cảm hứng cho nhiều người về sự lan toả giá trị của Việt Nam ra thế giới...

Có hai người gắn tên tuổi của mình với hang Sơn Đoòng. Đầu tiên là ông Hồ Khanh (một người dân địa phương), được biết đến là người phát hiện và khám phá ra hang Sơn Đoòng vào năm 1990. Hiện tại, ông Hồ Khanh vẫn tiếp tục là một phần của Sơn Đoòng với vai trò quản lí, tuyển dụng và đào tạo người khuân vác Sơn Đoòng. Ông cũng tham gia các chuyến giám sát, kiểm tra công tác vận hành đội ngũ phục vụ hằng năm. Theo Hồ Khanh, cuộc sống của ông hoàn toàn thay đổi với Sơn Đoòng.

Kế nữa là Hồ-uốt Lim-bớt (Howard Limbert), chuyên gia Hiệp hội nghiên cứu hang động Hoàng gia Anh (BCRA), với hành trình 30 năm khám phá các hang động ở Việt Nam. Năm 2009, phái đoàn Hiệp hội nghiên cứu hang động Hoàng gia Anh do Hồ-uốt Lim-bớt dẫn đầu đã công bố việc phát hiện hang và cho rằng quy mô của hang Sơn Đoòng quả thực là lớn nhất thế giới. Lim-bớt đã khám phá được hơn 700 hang động trên toàn thế giới, 350 trong số đó thuộc Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng. Hồ-uốt Lim-bớt hiện tại đang tiếp tục hành trình khám phá các hang động của mình tại Việt Nam. Ông và nhóm của mình đã phát hiện hơn 500 hang động ở nước ta từ năm 1990 đến năm 2020.

Hiện nay, các chuyên gia hang động đang nghiên cứu mối liên hệ giữa hang Sơn Đoòng và hang Thung lùn cận – được phát hiện trong năm 2019. Nếu có thể kết nối hai hang động qua đường sông ngầm, hang Sơn Đoòng sẽ được coi là hang động lớn nhất thế giới về thể tích cũng như mặt cắt.

(2) Được thấy gì khi chinh phục hang Sơn Đoòng?

Chinh phục cả hai hang động hùng vĩ là hang Én và Sơn Đoòng trong cùng một chuyến thám hiểm? Hoàn toàn có thể! Trong chuyến hành trình bốn ngày thám hiểm Sơn Đoòng, bạn sẽ có cơ hội thưởng ngoạn, dừng chân và cắm trại tại hang Én vào ngày đầu tiên. Theo thông tin từ Hiệp hội nghiên cứu hang động Hoàng gia Anh, đã có hơn 350 hang động được tìm thấy nhưng đó chưa phải là con số cuối cùng, nó chỉ chiếm khoảng 30% diện tích của Vườn quốc gia.

Để khám phá hang Sơn Đoòng, bạn cần có thể lực và sức bền tốt để thực hiện các hoạt động trong suốt hành trình như đi bộ đường dài, leo núi, leo dây thừng, bơi, thám hiểm hang động. Những hoạt động này gắn liền chặt chẽ với công tác an toàn và bảo tồn thiên nhiên.

Hang Sơn Đoòng nổi tiếng qua những cảnh quan ngoạn mục với những khối đá được hình thành từ hàng triệu năm. Một trong những hình dạng đá kì bí nhất ở Sơn Đoòng là hốc đá tròn lớn, được ví von như “hố Giêm Bôn (James Bond)” đã thực sự làm các nhà thám hiểm kinh ngạc. Nó mang biểu tượng và hơi thở của một bộ phim Hô-li-út (Hollywood) kinh điển. Bên cạnh đó, hang Sơn Đoòng còn có rất nhiều khối đá hình thù độc đáo khác được đặt biệt danh như “Bàn chân chó” và “Bức tường Việt Nam”.



Khu vực Bàn chân chó (Ảnh: PX)

Tuy mới chỉ được phát hiện vào năm 2009 nhưng hang Sơn Đoòng đã có niên đại cách đây ba triệu năm tuổi, sự hình thành bắt đầu vào khoảng bốn đến năm triệu năm trước. Sơn Đoòng còn là thế giới của ngọc động, những viên đá hình cầu, cầu dẹt hoặc hình trứng thường hình thành trong những “ngăn ruộng bậc thang” do nước bão hoà canxi hidrocacbonat chảy qua, kết tủa xung quanh một nhân kết tinh nào đó, chẳng hạn như hạt cát.

Với địa hình lớn trải dài 9 ki-lô-mét, cùng hai hố sụt độc đáo, hang Sơn Đoòng sở hữu thời tiết riêng. Thời tiết phần lớn trong hang tương đối ổn định, duy trì nhiệt độ ở 22 – 25 độ C vào mùa hè và 17 – 22 độ C vào mùa đông. Riêng ở khu vực hai giếng trời – hố sụt thì chịu ảnh hưởng khá nhiều từ thời tiết bên ngoài, tại đây, ánh nắng có thể chiếu vào hang giúp thực vật sinh trưởng và phát triển. Sương mù trong hang thường xuất hiện vào sáng sớm, chiều muộn hoặc trưa những ngày nắng nóng.

Hang Sơn Đoòng sở hữu một hệ sinh thái đa dạng chưa được khám phá và nghiên cứu hết. Hiện tại, ta có thể thấy được nhiều loài động vật hoang dã như khỉ, bọ cạp, dơi, quạ, các côn trùng và cá mù màu trắng cùng các loài thực vật xanh tươi gần phần hang sụp xuống.

Ngoài hang Sơn Đoòng, hang Én là hang động đã xuất hiện trong bộ phim bom tấn *Pan* vào năm 2015. Bộ phim *Pan*, với dàn diễn viên nổi tiếng, đã thực hiện một số cảnh quay đẹp như mơ, đầy kì ảo phía cửa sau hang Én khiến khán giả choáng ngợp. Đặc biệt nhất chính là khung cảnh nhân vật chính khám phá ra vùng đất thần tiên – Ne-vơ-len (Neverland).

(Theo NGUYỄN PHÚC, thanhvien.vn, 14-4-2022)

Chọn phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 5):

- Câu nào sau đây nêu được nội dung chính của văn bản trên?
 - Phong Nha – Kẻ Bàng thuộc Quảng Bình là Vườn Quốc gia lớn nhất tại Việt Nam.
 - Hiện tại, ông Hồ Khanh vẫn tiếp tục là một phần của Sơn Đoòng với vai trò quản lí.
 - Hang Sơn Đoòng được phát hiện như thế nào và bạn sẽ thấy gì nếu chinh phục hang.
 - Hiện nay, các chuyên gia hang động đang tiếp tục nghiên cứu về hang Sơn Đoòng.
- Vì sao đoạn trích trên thuộc kiểu văn bản thông tin?
 - Kể về một cảnh đẹp thiên nhiên ở tỉnh Quảng Bình
 - Miêu tả và phát biểu cảm nghĩ về hang Sơn Đoòng
 - Cung cấp những thông tin quan trọng về hang Sơn Đoòng
 - Bàn luận, đánh giá về giá trị của hang Sơn Đoòng
- Hang Sơn Đoòng thuộc loại di sản nào?
 - Di sản thiên nhiên do con người phát hiện ra
 - Di sản hang động do con người tạo dựng nên
 - Di sản di tích lịch sử của người thời xưa để lại
 - Di sản phi vật thể được UNESCO công nhận
- Theo bài viết, để có thể tham gia chinh phục hang Sơn Đoòng, cần điều kiện gì?
 - Cần đi theo đoàn thám hiểm
 - Cần có thể lực và sức bền tốt
 - Cần biết bơi lội
 - Cần biết leo núi
- Tên Hiệp hội nghiên cứu hang động Hoàng gia Anh viết tắt là gì?
 - PAN
 - WHO
 - UNESCO
 - BCRA
- Dựa vào nội dung văn bản, em hãy đặt nhan đề khác cho văn bản và giải thích lí do đặt nhan đề ấy.
- Văn bản đã giới thiệu những thông tin gì về người đầu tiên phát hiện ra hang Sơn Đoòng?
- Vì sao sự kiện ngày 14-4-2022 lại “truyền cảm hứng cho nhiều người về sự lan toả giá trị của Việt Nam ra thế giới”?
- Nêu một số cảnh quan ngoạn mục khi khám phá, chinh phục hang Sơn Đoòng được giới thiệu trong văn bản trên.
- Theo em, giá trị lớn nhất của hang Sơn Đoòng là gì?

II. Viết

Chọn một trong hai đề sau để viết thành bài văn:

Đề 1. Viết bài giới thiệu một danh lam thắng cảnh của quê hương em.

Đề 2. Phân tích một điểm đặc sắc về nội dung hoặc nghệ thuật mà em yêu thích trong truyện ngắn sau:

NGƯỜI ĐÀN BÀ KHOANH TAY MỈM CƯỜI

Một buổi chiều, họa sĩ Khang dừng chân bên dãy đồi thông non có ngôi nhà chơ vơ, nhỏ xíu nơi đầu suối giữa trời đất mênh mang.

Khang đẩy cánh cổng tre nhìn mảnh sân đơn côi ngấm ngập nắng vàng, đàn gà lách chích mổ tằm.

Khang quyết định sẽ trọ lại đây, sau nửa tháng lang thang các triển đồi trung du. Anh vừa bắt gặp cảm hứng.

Người đàn bà từ trong khuôn cửa trúc óng vàng bước ra ngõ ngang. Chị là chủ nhà, ở đây một mình và dãy đồi thông non bát ngát kia là của chị. Chị đã trồng nó ròn rã mỗi ngày một ít từ hai mươi năm nay, để thành rừng cây bây giờ. Rừng là vườn nhà của chị. Hằng ngày, chị chăm sóc cho rừng khép tán và trồng thêm nữa, thêm mãi cho kín tất cả dãy đồi trọc mênh mang này. Chị trồng cho đến hết đời chị và rồi nắm mồ chị sẽ đặt giữa đỉnh đồi thông kia.

Họa sĩ Khang vẽ chân dung chị. Anh đã phải dùng màu sương mai để tô mái tóc. Dùng màu thời gian, màu cô đơn, màu nỗi buồn, màu tuyết trinh vĩnh cửu để thể hiện gương mặt chị.

Chị ngồi đó, trắng trong như ngọn suối cửa nhà, bông hoa hồng bạch đẫm sương cầm tay, ánh mắt thăm thẳm trập trùng như rừng thông biếc.

– Anh cứ ở lại đây, vẽ xong tranh hãy về. Tôi sẽ bắt cá suối nấu canh rau sắng anh ăn.

– Cá suối nấu với mướp hương ngon hơn, chị ạ. – Khang chỉ những giàn mướp um tùm bở giậu.

Anh bồng giật mình. Sao mướp xanh tốt thế mà chỉ toàn lá? Cấm có một quả nào!

– Nhà không có đàn ông đến cây cũng không ra quả. – Chị mỉm cười, đùa vui.

Những người đàn ông, nhiều đàn ông lắm, thuở xưa họ đến vùng đồi này tập trận. Ngày ấy, chị là cô gái mười tám tuổi mới đến đây và trồng những cây thông non bé như những ngón tay dưới trời nắng chang chang. Mỗi cây trồng xuống, chị cứ mỉm cười một mình, tự đếm ứng với một người lính. Và khi cả rừng thông cao vượt đầu người, mọc tua tủa dãy đồi, chị giật mình trông thấy giống y như cả

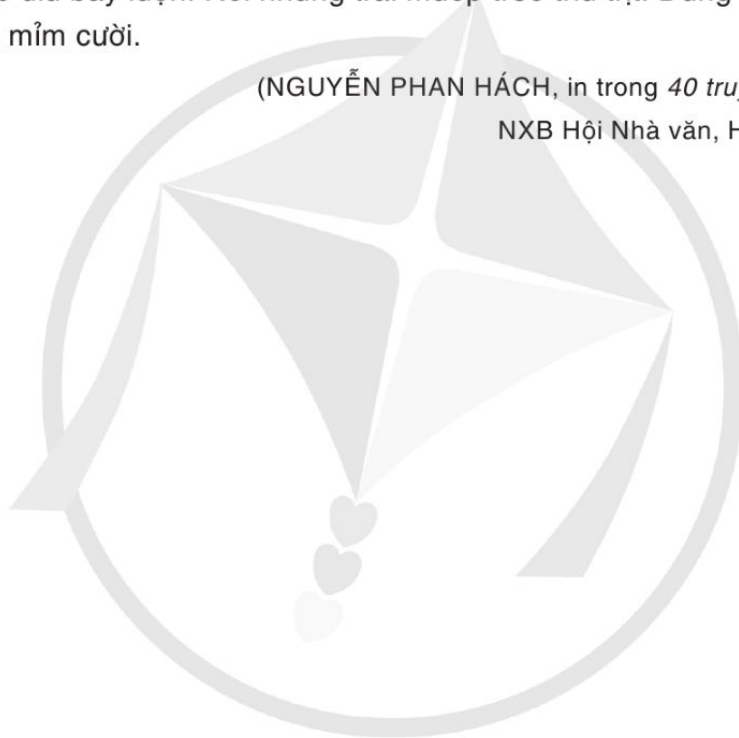
sư đoàn khoác lá ngụy trang triển khai tập trận. Ngày ấy chị mười tám tuổi, giữa một rừng đàn ông.

Cuộc chiến tranh giữ nước kết thúc lâu rồi. Rừng thông đã khép tán trập trùng, nhưng không có người lính nào về đây với chị. Họ trở lại các làng quê của họ, hay ở lại các thành phố nơi họ giải phóng. Và một số người đã ngã xuống. Phải. Đã ngã xuống. Vì thế nên chị ở lại đây mãi. Một mình.

Hoạ sĩ Khang nhặt các mảnh sành cắm vào các gốc mướp xanh mập. Anh nhớ lại hồi bé ở quê, bà nội vẫn làm như thế. Những mảnh vỡ sắc nhọn, cửa chích thế nào đó, giàn mướp nở thì bỗng dựng kết quả.

Ít ngày sau khi Khang đi, ngôi nhà của người đàn bà phủ rợp hoa vàng tối mắt, ong đen dập diu bay lượn. Rồi những trái mướp treo trĩu trĩt. Đứng trước hiên, chị khoanh tay, mỉm cười.

(NGUYỄN PHAN HÁCH, in trong *40 truyện rất ngắn*,
NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 1994)



BẢNG TRA CỨU TỪ NGỮ

Từ ngữ	Trang	Từ ngữ	Trang
bác bỏ	10, 134, 139,...	lí lẽ	7, 27, 29,...
bằng chứng	7, 11, 13,...	luận đề	7, 27, 48,...
bố cục	6, 17, 20,...	luận điểm	7, 11, 13,...
bối cảnh	11, 12, 14,...	nghị luận xã hội	7, 117, 119,...
bối cảnh tiếp nhận	80, 81	ngôn ngữ	4, 8, 9,...
cách dẫn gián tiếp	9, 80, 81,...	Nguyễn Duy Cần	7, 139, 140
cách dẫn trực tiếp	9, 80, 81,...	Nguyễn Đình Chiểu	5, 20, 35,...
câu đơn	9, 117, 118,...	Nguyễn Du	5, 15, 20,...
câu ghép	9, 117, 118,...	Nguyễn Cảnh Toàn	7, 117, 127,...
Chu Quang Tiềm	7, 119, 140,...	Nguyễn Khuyến	6, 14, 17,...
chữ Nôm	6, 9, 13,...	người đọc	6, 7, 26,...
chữ Quốc ngữ	9, 13, 14,...	phân tích	6, 7, 8,...
chứng minh	10, 28, 77,...	Tản Đà	6, 33
danh lam thắng cảnh	8, 10, 11,...	tên viết tắt	9, 56, 57,...
Đặng Trần Côn	6, 23	thi luật	6, 13
diễn cổ	9, 19, 33,...	thơ song thất lục bát	6, 13, 17,...
diễn tích	9, 19, 33,...	thuyết phục	10, 11, 13,...
độc thoại	36, 49, 80,...	Trần Quang Khải	6, 21, 22,...
đối thoại	36, 42, 44,...	truyện ngắn	5, 7, 80,...
Go-rơ-ki	7, 122	truyện thơ Nôm	5, 6, 35,...
Hê-minh-uê	5, 90, 93,...	văn bản thông tin	8, 56, 57,...
kết cấu	13	văn hoá	8, 14, 15,...
Kim Lân	5, 7, 81,...	xã hội	6, 7, 8,...

BẢNG TRA CỨU TÊN RIÊNG NƯỚC NGOÀI

Tên phiên âm	Tên gốc hoặc tên tiếng Anh	Trang
A-thơ Cô-nan Đoi-lơ	Arthur Conan Doyle	5
Ác-hen-ti-na	Argentina	64, 65, 66
An-đrơ Rê-bu-ca	Andre Reboucas	65
Bác-xê-lô-na	Barcelona	92
Bai-xơ E-brê	Baix Ebre	92
Bơ-men	Behrman	103, 105, 106
Bra-xin	Brazil	64, 65, 66
Ca-ta-lô-ni-a	Catalonia	92
Can-tơ	Kant	129
E-brô	Ebro	92, 93
Gar-gan-ta đô Đì-a-bô	Garganta do Diabo	66
Giêm Bôn	James Bond	145
Giêm Tho-sen	James Thorsell	58
Giôn-xi	Johnsy	103, 104, 105,...
Giơ-ne-vơ	Genève	96
Giuy-n Pay-ô	Jules Payot	138
Ham-lét	Hamlet	6
Hon-đa Sô-i-chi-rô	Honda Soichiro	94
Hô-li-út	Hollywood	145
Hô-uốt Lim-bốt	Howard Limbert	144
I-go-a-zu	Iguazu	8, 56, 64,...
I-ta-li-a	Italia	104, 123
I-tai-pu	Itaipu	65
Lê-nin	Lenin	131
Lơ Me-ri-diêng	Le Meridien	58

Tên phiên âm	Tên gốc hoặc tên tiếng Anh	Trang
Mác-xim Go-rơ-ki	Maxim Gorky	7, 122
Mi-rây Gan-sen	Mireille Gansel	63
Mu-ra-ka-mi	Murakami	5
Na-plơ	Napoli	104
Ne-vơ-len	Neverland	145
O. Hen-ri	O. Henry	5, 103
Oa-sinh-ton	Washington	103
Ố-nít Hê-minh-uê	Ernet Hemingway	5, 90, 93,...
Pa-ra-goay	Paraguay	65
Pa-ra-na	Parana	65
Pa-xcan	Pascal	138
Phu-kệt	Phuket	58
Pi-a-giê	Piaget	129
Sếch-xpia	Shakespeare	6
Sơ-lốc Hôm	Sherlock Holmes	5
Ta-ra-gô-na	Tarragona	92
Ti-mi-ri-a-đép	Timiryazev	123
Ti-ơ-ri Gô-đanh	Thierry Gaudin	128
Tô-rơ-tô-sa	Tortosa	92
Vê-nê-du-ê-la	Venezuela	127
Xan Các-lốt	San Carlos	91
Xao Pao-lô	Sao Paulo	65
Xiu	Sue	103, 104, 105,...
Xpi-nô-da	Spinoza	138
Xu-khôm-lin-xki	Sukhomlynsky	95

MỤC LỤC

Kí hiệu dùng trong sách

Lời nói đầu

Bài	Nội dung	Trang
Bài Mở đầu	• Yêu cầu cần đạt	5
	• Nội dung sách <i>Ngữ văn 9</i>	5
	– Học đọc	5
	– Học viết	10
	– Học nói và nghe	11
	• Cấu trúc sách <i>Ngữ văn 9</i>	11
1. Thơ và thơ song thất lục bát	• Yêu cầu cần đạt	13
	• Kiến thức ngữ văn	13
	• Đọc hiểu văn bản	15
	– <i>Sông núi nước Nam (Nam quốc sơn hà)</i>	15
	– <i>Khóc Dương Khuê</i> (Nguyễn Khuyến)	17
	• Thực hành tiếng Việt: Một số hiểu biết về chữ Nôm và chữ Quốc ngữ	20
	• Thực hành đọc hiểu	21
	– <i>Phò giá về kinh (Tụng giá hoàn kinh sư – Trần Quang Khải)</i>	21
	– <i>Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ (Trích Chinh phụ ngâm – Đặng Trần Côn)</i>	23
	• Viết: Phân tích một tác phẩm thơ	25
	• Nói và nghe: Nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến	29
	• Tự đánh giá	31
	<i>Cảnh vui của nhà nghèo (Tân Đà)</i>	31
	• Hướng dẫn tự học	34

2. Truyện thơ Nôm	• Yêu cầu cần đạt	35
	• Kiến thức ngữ văn	35
	• Đọc hiểu văn bản	37
	– <i>Cảnh ngày xuân</i> (Trích <i>Truyện Kiều</i> – Nguyễn Du)	37
	– <i>Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga</i> (Trích <i>Truyện Lục Vân Tiên</i> – Nguyễn Đình Chiểu)	40
	• Thực hành tiếng Việt: Điển cố, điển tích	45
	• Thực hành đọc hiểu	46
	<i>Kiều ở lầu Ngưng Bích</i> (Trích <i>Truyện Kiều</i> – Nguyễn Du)	46
	• Viết: Phân tích một đoạn trích tác phẩm văn học	48
	• Nói và nghe: Nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến	51
	• Tự đánh giá	52
	<i>Lục Vân Tiên gặp nạn</i> (Trích <i>Truyện Lục Vân Tiên</i> – Nguyễn Đình Chiểu)	52
	• Hướng dẫn tự học	55
	3. Văn bản thông tin	• Yêu cầu cần đạt
• Kiến thức ngữ văn		56
• Đọc hiểu văn bản		57
– <i>Vịnh Hạ Long: một kì quan thiên nhiên độc đáo và tuyệt mĩ</i> (Theo Thi Sánh)		57
– <i>Khám phá kì quan thế giới: thác I-goa-zu</i> (Theo Đỗ Doãn Hoàng)		64
• Thực hành tiếng Việt: Nghĩa và cách dùng tên viết tắt của các tổ chức quốc tế		68
• Thực hành đọc hiểu		69
<i>Vườn quốc gia Tràm Chim – Tam Nông</i> (Theo dulichviet.net.vn)		69

	• Viết: Viết văn bản thuyết minh về một danh lam thắng cảnh	72
	• Nói và nghe: Thuyết minh về một danh lam thắng cảnh	75
	• Tự đánh giá	76
	<i>Cao nguyên đá Đồng Văn</i> (Theo Luyên Nguyễn)	76
	• Hướng dẫn tự học	79
4. Truyện ngắn	• Yêu cầu cần đạt	80
	• Kiến thức ngữ văn	80
	• Đọc hiểu văn bản	82
	– <i>Làng</i> (Kim Lân)	82
	– <i>Ông lão bên chiếc cầu</i> (Hê-minh-uê)	90
	• Thực hành tiếng Việt: Cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp	94
	• Thực hành đọc hiểu	96
	– <i>Chiếc lược ngà</i> (Nguyễn Quang Sáng)	96
	– <i>Chiếc lá cuối cùng</i> (O. Hen-ri)	103
	• Viết: Phân tích một tác phẩm truyện	106
	• Nói và nghe: Thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống	110
	• Tự đánh giá	112
	<i>Những con cá cờ</i> (Trần Đức Tiến)	112
	• Hướng dẫn tự học	116
5. Nghị luận xã hội	• Yêu cầu cần đạt	117
	• Kiến thức ngữ văn	117
	• Đọc hiểu văn bản	119

– Bàn về đọc sách (Chu Quang Tiềm)	119
– Khoa học muôn năm! (Go-rơ-ki)	122
• Thực hành tiếng Việt: Câu đơn, câu ghép	126
• Thực hành đọc hiểu	127
<i>Mục đích của việc học</i> (Nguyễn Cảnh Toàn)	127
• Viết: Viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết	132
• Nói và nghe: Trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự	135
• Tự đánh giá	137
<i>Phải đọc sách cách nào?</i> (Theo Nguyễn Duy Cần)	137
• Hướng dẫn tự học	140
Ôn tập và tự đánh giá cuối học kì I	141
Bảng tra cứu từ ngữ	149
Bảng tra cứu tên riêng nước ngoài	150

Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm bản quyền nội dung:
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

Chủ tịch Hội đồng Quản trị: NGUYỄN NGÔ TRẦN ÁI

Tổng Giám đốc: VŨ BÁ KHÁNH

Địa chỉ: Tầng 5, toà nhà hỗn hợp AZ Lâm Viên, 107 đường Nguyễn Phong Sắc,
P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

Biên tập:

LÊ THỊ BÍCH HẢO
NGUYỄN THỊ NGỌC NHƯ

Trình bày bìa:

TRẦN TIÊU LÂM

Thiết kế sách:

VŨ HOÀNG VŨ – PHAN TÚ UYÊN

Minh họa:

NGÔ XUÂN KHÔI – TRẦN ĐỨC BẢO

Sửa bản in:

LÊ THỊ BÍCH HẢO
NGUYỄN KIM THOA

Trong sách có sử dụng một số hình ảnh trên Internet. Trân trọng cảm ơn các tác giả.

NGŨ VĂN 9, tập một

Mã số:

ISBN:

In cuốn, khổ 19 x 26.5cm, tại

Địa chỉ:

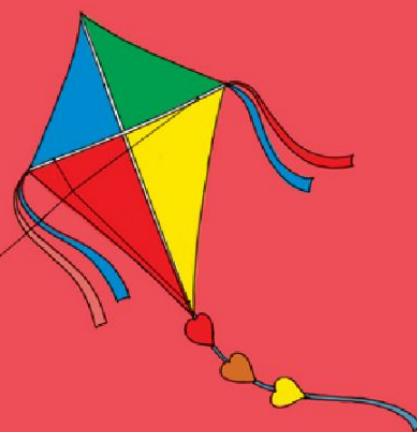
Cơ sở in:

Số xác nhận đăng ký xuất bản:

Quyết định xuất bản số:/QĐ-..... ngày .../.../.....

In xong và nộp lưu chiểu năm

Mang cuộc sống vào bài học Đưa bài học vào cuộc sống



Sách giáo khoa *Ngữ văn 9* được biên soạn theo *Chương trình Giáo dục phổ thông 2018*. Các bài học chính trong sách được thiết kế theo mô hình tích hợp, lấy hệ thống thể loại có kết hợp với chủ đề, đề tài của văn bản làm chỗ dựa để phát triển năng lực ngôn ngữ và văn học (thông qua rèn luyện các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe) đồng thời phát triển các phẩm chất chủ yếu, các năng lực chung cho học sinh.

Các tác giả là những nhà giáo, nhà khoa học giàu kinh nghiệm và tâm huyết trong lĩnh vực giáo dục Ngữ văn ở cấp Trung học cơ sở.



**SỬ DỤNG
TEM CHỐNG GIẢ**

1. Quét mã QR hoặc dùng trình duyệt web để truy cập website bộ sách Cánh Diều: www.hoc10.com
2. Vào mục Hướng dẫn (www.hoc10.com/huong-dan) để kiểm tra sách giả và xem hướng dẫn kích hoạt sử dụng học liệu điện tử.

